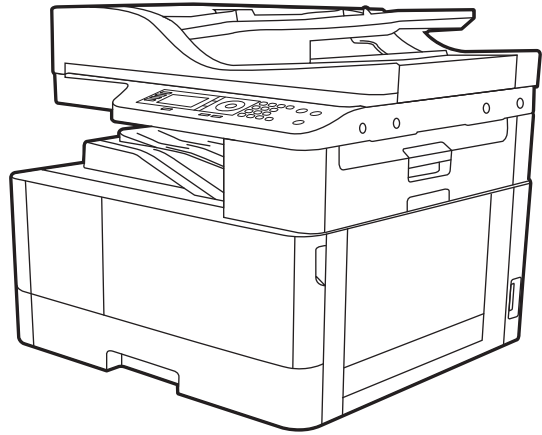
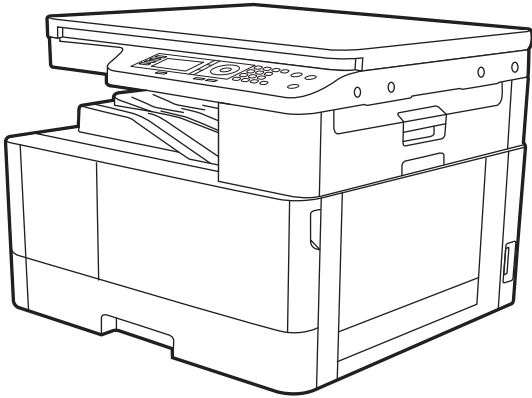




HP LaserJet MFP M438
HP LaserJet MFP M440
HP LaserJet MFP M442
HP LaserJet MFP M443

Hướng dẫn sử dụng



www.hp.com/videos/laserjet
www.hp.com/support/ljM438MFP
www.hp.com/support/ljM440MFP

www.hp.com/support/ljM442MFP
www.hp.com/support/ljM443MFP



HP LaserJet MFP M438, M440, M442,
M443

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2019 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 1, 2/2020

Công nhận Nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

Mục lục

1 Giới thiệu	1
Tính năng theo kiểu máy	2
Thông tin về hướng dẫn sử dụng này	4
Thông tin an toàn	5
Tổng quan về máy	9
Bộ phận	9
Mặt trước	10
Mặt sau	11
Tổng quan về bảng điều khiển	12
2 Tổng quan về menu	15
Truy cập menu	16
Tổng quan về menu	17
Menu Copy Feature (Tính năng sao chép)	17
Menu Copy Setup (Cài đặt sao chép)	18
Menu Print Setup (Cài đặt in)	19
Menu System Setup (Cài đặt hệ thống)	20
Menu Network (Mạng)	24
Menu Lệnh in bảo mật	25
Menu Scan (Quét)	25
3 Phương tiện và khay	27
Tổng quan về khay	28
Nạp giấy vào khay	29
Giới thiệu	29
Chuẩn bị giấy	29
Khay 2 / khay tùy chọn	29
Khay 1 đa năng	31
In trên phương tiện đặc biệt	34
Giấy cardstock/Giấy kích thước tùy chỉnh	34

Giấy in sẵn	34
Đặt kích thước và loại giấy	36
Nạp tài liệu gốc	37
Giới thiệu	37
Chuẩn bị tài liệu gốc	37
Nạp tài liệu gốc	37
Trên kính máy quét	37
Trong khay nạp tài liệu	39
Thông số kỹ thuật của phương tiện in	41
4 Cài đặt máy in	43
Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm	44
Hướng dẫn cài đặt phần mềm	45
5 In	47
Cài đặt in trên bảng điều khiển	48
Tổng quan về các lệnh in khi sử dụng trình điều khiển Universal Print Driver (UPD) và trình điều khiển máy in chủ riêng biệt	49
In tài liệu bảo mật từ bảng điều khiển	50
6 Sao chép	51
Các tính năng sao chép trên bảng điều khiển	52
Tính năng sao chép	52
Copy Setup (Cài đặt sao chép)	54
Sao chép cơ bản	56
Thay đổi cài đặt cho mỗi bản sao	57
Darkness (Độ tối)	57
Original Type (Loại tài liệu gốc)	57
Bản sao thu nhỏ hoặc phóng to	58
Sao chép thẻ ID	59
7 Quét	61
Quét từ máy	62
Giới thiệu	62
Tính năng quét	62
Quét từ máy tính	64
Giới thiệu	64
Scan to PC (Quét vào PC)	64
Quét từ Phần mềm HP Scan	65

Quét từ chương trình chỉnh sửa ảnh	65
Quét bằng trình điều khiển WIA	66
Quét qua WSD	66
Cài đặt trình điều khiển máy in WSD	67
Quét bằng tính năng WSD	67
Gửi hình ảnh quét đến các đích khác nhau	68
Thiết lập tài khoản email	68
Scan và gửi email	68
Thiết lập máy chủ FTP/SMB	68
Quét và gửi đến máy chủ FTP/SMB	69
8 Hệ thống và các cài đặt khác	71
Cài đặt máy	72
Cài đặt giấy	74
Báo cáo	75
Bảo trì	76
Cài đặt mạng	77
Truy cập cài đặt bằng Máy chủ web nhúng (EWS)	78
9 Bảo trì	81
Đặt mua vật tư và phụ kiện	82
Vật tư tiêu hao có sẵn	83
Các phụ kiện có sẵn	84
Các bộ phận bảo trì có sẵn	85
Bảo quản vật tư tiêu hao	86
Hướng dẫn xử lý bộ tạo ảnh	86
Sử dụng hộp mực	86
Tuổi thọ ước tính của hộp mực	87
Phân phối lại bột mực	88
Lắp đặt hộp mực	91
Lắp đặt bộ tạo ảnh	94
Theo dõi tuổi thọ vật tư	101
Đặt cảnh báo sắp hết mực	102
Vệ sinh máy	103
Vệ sinh bên ngoài	103
Vệ sinh bên trong	103
Vệ sinh trực lẫn	103
Vệ sinh bộ quét	107
Cập nhật chương trình cơ sở	108


Bước một: Tải xuống chương trình cơ sở từ HP.com	108
Bước hai: Cập nhật chương trình cơ sở	108
10 Cài đặt hữu ích	113
Cài đặt ban đầu của máy	114
Cài đặt máy cơ bản	115
Điều chỉnh độ cao	116
11 Xử lý sự cố	117
Vấn đề nạp giấy	118
Xử lý kẹt giấy	119
Giới thiệu	119
Khay 2	119
Trong Khay 1 đa năng	120
Bên trong máy in	120
Trong chỗ thoát	122
Trong khu vực bộ in hai mặt	124
Xử lý kẹt tài liệu gốc	125
Kẹt tài liệu gốc ở phía trước máy quét	125
Kẹt tài liệu gốc ở bên trong máy quét	127
Kẹt tài liệu gốc ở chỗ thoát của máy quét	129
Kẹt tài liệu gốc trong đường dẫn in hai mặt của máy quét	131
Tìm hiểu về đèn LED trạng thái	133
Tìm hiểu về thông báo hiển thị	134
Thông báo về kẹt giấy	134
Thông báo về mực	134
Thông báo về khay	136
Thông báo về mạng	137
Thông báo khác	137
Vấn đề về kết nối điện và cáp	139
Vấn đề khi in	140
Vấn đề về chất lượng in	142
Vấn đề khi sao chép	147
Vấn đề khi quét	148
Các vấn đề về hệ điều hành	149

1 Giới thiệu

Chương này cung cấp các thông tin bạn cần biết trước khi sử dụng máy.

- [Tính năng theo kiểu máy](#)
- [Thông tin về hướng dẫn sử dụng này](#)
- [Thông tin an toàn](#)
- [Tổng quan về máy](#)
- [Tổng quan về bảng điều khiển](#)

Tính năng theo kiểu máy

 **GHI CHÚ:** Một số tính năng và phụ kiện tùy chọn có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực. Một số kiểu máy có thể không có sẵn tùy theo quốc gia/khu vực.

Bảng 1-1 Các tính năng

Tính năng	M438n 8AF43A	M438dn 8AF44A	M438nda 8AF45A	M440n 8AF46A	M440dn 8AF47A	M440nda 8AF48A	M442dn 8AF71A	M443nda 8AF72A
USB 2.0 Tốc độ cao	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Giao diện mạng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Mạng LAN có dây Ethernet 10/100 Base TX	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In tiết kiệm	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In hai mặt (tự động)		✓	✓		✓	✓	✓	✓
In hai mặt (thủ công) ^a	✓			✓				
Khay 1 đa năng	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Khay 2	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Đảo ngược khay nạp tài liệu tự động (RADF)			✓			✓		✓
Khay nạp băng từ thứ hai tùy chọn	✓	✓	✓	✓	✓	✓		
Quét	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Quét vào máy tính cục bộ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Quét vào mạng cục bộ	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Quét vào email (với số địa chỉ)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Quét vào SMB (với số địa chỉ)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Bảng 1-1 Các tính năng (còn tiếp)

Tính năng	M438n 8AF43A	M438dn 8AF44A	M438nda 8AF45A	M440n 8AF46A	M440dn 8AF47A	M440nda 8AF48A	M442dn 8AF71A	M443nda 8AF72A
Quét vào FTP (với số địa chỉ)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
In PIN (in bí mật bằng đĩa RAM)		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Kế toán lệnh		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
Sao chép	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

^a Chỉ khả dụng cho hệ điều hành Windows và Linux.

Bảng 1-2 Phần mềm

Phần mềm	Windows XP, Vista, Server 2003	Windows 7, 8, 8.1, 10
PS (PostScript)	✓	✓
Trình điều khiển máy in PCL6	✓	✓
Printer Manager (Trình quản lý máy in)	✓	✓
Ứng dụng quét	✓	✓
Windows Software Installer/Uninstaller	✓	✓
Status Monitor (Theo dõi trạng thái)	✓	✓
Phần mềm quét	✓	✓
Cài đặt Scan to PC (Quét vào PC)	✓	✓

^a Bạn có thể tải xuống phần mềm từ trang web và cài đặt: (www.hp.com/support/ljM438MFP, www.hp.com/support/ljM440MFP, www.hp.com/support/ljM442MFP, www.hp.com/support/ljM443MFP trình điều khiển, phần mềm và chương trình cơ sở). Trước khi cài đặt, kiểm tra xem hệ điều hành máy tính của bạn có hỗ trợ phần mềm hay không.

Thông tin về hướng dẫn sử dụng này




Hướng dẫn sử dụng này cung cấp thông tin để giúp bạn hiểu sơ lược về máy cũng như các bước chi tiết để giải thích cách sử dụng máy.

- Hãy đọc thông tin an toàn trước khi sử dụng máy.
- Nếu bạn gặp sự cố khi sử dụng máy, hãy tham khảo chương xử lý sự cố.
- Tất cả các hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy bạn đã mua.
- Ảnh chụp màn hình trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo phiên bản chương trình cơ sở/trình điều khiển của máy.
- Các quy trình trong hướng dẫn sử dụng này chủ yếu dựa trên Windows 10.
- Tài liệu đồng nghĩa với tài liệu gốc.
- Giấy đồng nghĩa phương tiện in hoặc phương tiện in.




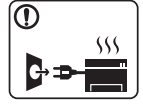



Thông tin an toàn

Các cảnh báo và biện pháp phòng ngừa sau đây được bao gồm để tránh xảy ra thương tích cho bạn và người khác, cũng như tránh khả năng xảy ra hư hỏng cho máy của bạn. Hãy đảm bảo bạn đã đọc và hiểu tất cả các hướng dẫn này trước khi sử dụng máy. Sau khi đọc phần này, hãy cất tài liệu ở nơi an toàn để tham khảo sau này.





Bảng 1-3 Các biểu tượng an toàn quan trọng

	Cảnh báo	Các mối nguy hiểm hoặc thao tác không an toàn mà có thể dẫn đến thương tích cá nhân.
	Thận trọng	Các mối nguy hiểm hoặc thao tác không an toàn mà có thể dẫn đến thương tích cá nhân nhẹ hoặc thiệt hại tài sản.
	Không làm thử.	


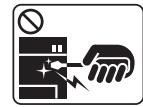


Bảng 1-4 Môi trường vận hành

	Cảnh báo	
	Không sử dụng nếu dây nguồn bị hỏng hoặc nếu ổ cắm điện không được tiếp đất. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.	
	Không đặt thứ gì bên trên máy (nước, vật nặng hoặc vật kim loại nhỏ, nến, bật lửa, v.v.). Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.	
	<ul style="list-style-type: none">Nếu bị quá nóng, máy sẽ nhả ra khói, phát ra tiếng ồn lạ hoặc mùi lạ, hãy ngay lập tức tắt nguồn và rút phích cắm của máy.Người dùng phải có khả năng tiếp cận ổ cắm điện trong các trường hợp khẩn cấp mà có thể yêu cầu người dùng phải rút phích cắm. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.	
	Không uốn cong, đập lên hoặc đặt vật nặng lên trên dây nguồn. Đập lên hoặc để cho vật nặng đè nát dây nguồn có thể dẫn đến hư hỏng thiết bị.	
	Không rút phích cắm bằng cách kéo dây điện; không cầm phích cắm bằng tay ướt. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.	
	Thận trọng	


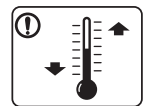

Bảng 1-4 Môi trường vận hành (còn tiếp)

	Cẩn thận, khu vực giấy ra có thể nóng.
	Nếu máy bị rơi đổ hoặc nếu thùng máy có vẻ hư hỏng, hãy rút phích cắm của máy khỏi tất cả các kết nối giao diện và yêu cầu hỗ trợ từ nhân viên bảo dưỡng đủ trình độ chuyên môn.
	Nếu máy không hoạt động đúng cách sau khi đã tuân thủ các hướng dẫn này, hãy rút phích cắm của máy khỏi tất cả các kết nối giao diện và yêu cầu hỗ trợ từ nhân viên bảo dưỡng đủ trình độ chuyên môn.
	Nếu phích cắm không khớp vào ổ cắm điện dễ dàng thì không cố nhấn phích cắm vào. Gọi cho thợ điện để yêu cầu thay đổi ổ cắm điện.

Bảng 1-5 Phương pháp vận hành

	Thận trọng
	Không kéo mạnh giấy ra trong quá trình in. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.
	Khi tháo giấy kẹt, không sử dụng nhíp hoặc vật kim loại sắc nhọn. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.
	Không để quá nhiều giấy xếp chồng trong khay giấy ra. Điều này có thể gây kẹt giấy.
	Không chặn hoặc đẩy các vật dụng vào lỗ thông gió. Có thể xảy ra hư hỏng cho thiết bị.
	Để tắt nguồn điện, hãy rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm điện.

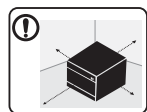
Bảng 1-6 Lắp đặt/Di chuyển

	Cảnh báo
	Đặt máy ở môi trường đáp ứng các thông số kỹ thuật về nhiệt độ và độ ẩm hoạt động. Nhiệt độ: 15° đến 27° C Độ ẩm tương đối: 30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)
	Thận trọng

Bảng 1-6 Lắp đặt/Di chuyển (còn tiếp)



Trước khi di chuyển máy, hãy tắt nguồn và ngắt kết nối tất cả các dây nối. Không nâng máy nếu bạn đang bị bệnh và không thể nâng máy nổi. Yêu cầu giúp đỡ và luôn dùng đủ người để nâng thiết bị an toàn.



Chọn một mặt phẳng có đủ không gian thông thoáng để đặt máy. Cũng nên cân nhắc đến không gian cần thiết để mở các nắp và khay.



Không đặt máy trên bề mặt không ổn định.

Máy có thể rơi đổ, gây thương tích hoặc hư hỏng máy.



Đảm bảo bạn cắm dây nguồn vào ổ điện được tiếp đất.



Sử dụng dây nguồn kèm theo máy để vận hành an toàn.

Cắm dây nguồn trực tiếp vào ổ cắm điện. Không sử dụng dây nối dài hoặc băng ổ cắm.



Không bao bọc máy hoặc để máy ở nơi kín khí, chẳng hạn như tủ quần áo.

Bảng 1-7 Bảo trì/Kiểm tra



Thận trọng



Rút phích cắm của sản phẩm này khỏi ổ cắm điện trước khi vệ sinh bên trong máy. Không vệ sinh máy bằng benzen, chất pha loãng sơn hoặc cồn; không phun xịt nước trực tiếp vào máy.



Không được vận hành máy khi bạn đang thay thế vật tư tiêu hao hoặc vệ sinh bên trong máy.



Không tự mình tháo rời, sửa chữa hoặc lắp ráp lại máy.

Gọi cho chuyên gia được chứng nhận khi cần sửa chữa máy.

Bảng 1-8 Sử dụng vật tư



Thận trọng



Không tháo rời hộp mực.

Bảng 1-8 Sử dụng vật tư (còn tiếp)



Việc sử dụng các vật tư tiêu hao được tái chế, chẳng hạn như mực in, có thể làm hỏng máy.



Khi bột mực vương vào áo quần, không sử dụng nước nóng để giặt.

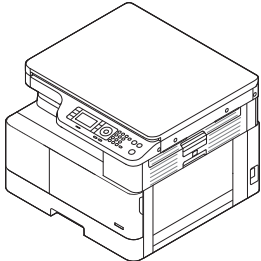
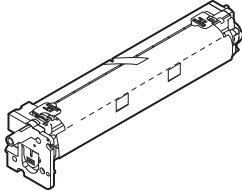
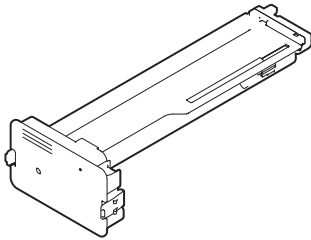
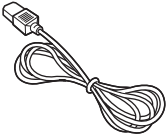

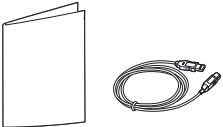
Hãy dùng nước lạnh.

Tổng quan về máy

Hình minh hoạ này có thể khác với máy của bạn, tùy theo kiểu máy. Có nhiều loại máy.

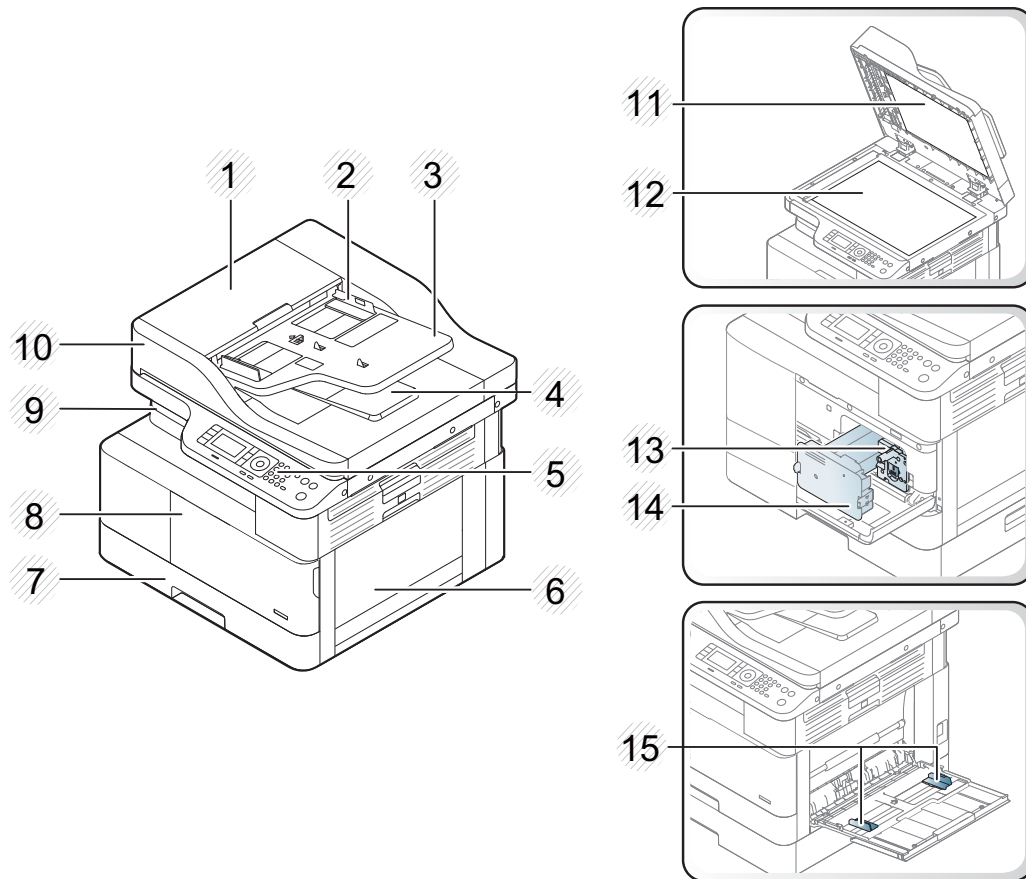
Một số tính năng và phụ kiện tùy chọn có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực.

Bộ phận

		
Máy	Bộ tạo ảnh	Hộp mực ^a
		
Dây nguồn	Hướng dẫn cài đặt nhanh	
		
Phụ kiện khác ^a		

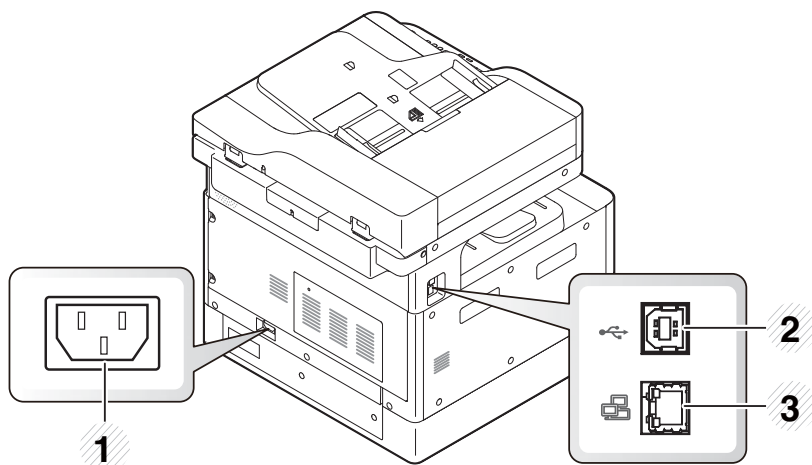
^a Các phụ kiện khác kèm theo máy của bạn có thể thay đổi tùy theo quốc gia/khu vực mua hàng và kiểu máy cụ thể.

Mặt trước



- | | |
|----|--|
| 1 | Nắp khay nạp tài liệu tự động (M438nda /M440nda /M443nda) |
| 2 | Thanh dẫn chiều rộng khay nạp tài liệu tự động (M438nda /M440nda /M443nda) |
| 3 | Khay tiếp giấy của khay nạp tài liệu tự động (M438nda /M440nda /M443nda) |
| 4 | Khay giấy ra của khay nạp tài liệu tự động (M438nda /M440nda /M443nda) |
| 5 | Bảng điều khiển |
| 6 | Khay đa năng |
| 7 | Tray 2 (Khay 2) |
| 8 | Nắp trước |
| 9 | Khay giấy ra |
| 10 | Khay nạp tài liệu tự động (M438nda /M440nda /M443nda) |
| 11 | Nắp máy quét |
| 12 | Mặt kính máy quét |
| 13 | Bộ tạo ảnh |
| 14 | Hộp mực |
| 15 | Thanh dẫn chiều rộng giấy trên khay đa năng |

Mặt sau



- | | |
|---|----------------------|
| 1 | Ổ cắm điện |
| 2 | Cổng USB 2.0, Loại B |
| 3 | Cổng mạng |

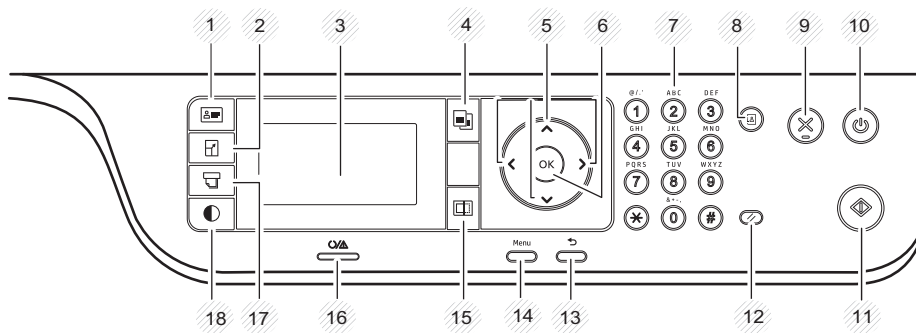
Tổng quan về bảng điều khiển











Hình và bảng sau đây mô tả vị trí và cung cấp mô tả ngắn gọn về các phần tử của bảng điều khiển.




GHI CHÚ: Bảng điều khiển này có thể khác với máy của bạn, tùy theo kiểu máy. Có nhiều loại bảng điều khiển.

Một số tính năng và phụ kiện tùy chọn có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực.

Một số nút có thể không hoạt động tùy theo chế độ (sao chép hoặc quét).



1	Bản sao ID		Cho phép bạn sao chép hai mặt của một thẻ ID như giấy phép lái xe trên một mặt giấy.
2	Thu nhỏ/Phóng to		Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích thước ảnh sao chép từ 25% đến 400% khi bạn sao chép tài liệu gốc từ kính máy quét.
3	Màn hình		Hiển thị trạng thái hiện tại và lời nhắc trong khi vận hành.
4	Sao chép		Chuyển sang chế độ Copy (Sao chép).
5	Các mũi tên		Cuộn qua các tùy chọn có sẵn trong menu đã chọn và tăng hoặc giảm giá trị.
6	OK		Xác nhận lựa chọn trên màn hình.
7	Bàn phím số		Nhập số lượng bản sao.
8	Số địa chỉ		Cho phép bạn lưu danh sách địa chỉ email.
9	Dừng/Xóa		Dừng và xóa thao tác hiện tại.
10	Nguồn / Đánh thức		Bật hoặc tắt nguồn hoặc đánh thức máy từ chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn cần tắt máy, hãy bấm nút này trong hơn ba giây.
11	Bắt đầu		Bắt đầu lệnh sao chép.
12	Đặt lại		Đặt lại cài đặt sao chép về giá trị mặc định.
13	Quay lại		Chuyển bạn trở về mức menu cao hơn.
14	Menu		Truy cập chế độ Menu và cuộn qua các menu có sẵn.

15	Quét		Chuyển sang chế độ Scan (Quét).
16	Đèn LED trạng thái		Cho biết trạng thái máy.
17	Chọn giấy		Chọn khay bạn muốn từ màn hình.
18	Darkness (Độ tối)		Điều chỉnh độ sáng để tạo bản sao dễ đọc hơn, khi tài liệu gốc có chứa ký hiệu mờ và hình ảnh tối.






2 Tổng quan về menu

Chương này cung cấp thông tin về cấu trúc menu tổng thể.

- [Truy cập menu](#)
- [Tổng quan về menu](#)

Truy cập menu

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

1. Chọn nút Copy (Sao chép)  hoặc Scan (Quét)  trên bảng điều khiển tùy theo tính năng cần dùng.
2. Chọn nút Menu  ở bên trái để truy cập chế độ Menu.
3. Bấm vào các mũi tên đến khi mục menu cần thiết xuất hiện và bấm **OK**.
4. Nếu mục cài đặt có menu phụ, hãy lặp lại bước 3.
5. Bấm **OK** để lưu lựa chọn.
6. Chọn nút Back (Quay lại)  để quay lại mục menu trước đó.
7. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

Các tính năng menu cũng có thể truy cập từ xa từ Máy chủ web nhúng (EWS) trên máy in nối mạng. Để biết thêm thông tin về EWS, hãy truy cập <http://support.hp.com>.

Tổng quan về menu

Menu Copy Feature (Tính năng sao chép)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-1 Copy Feature (Tính năng sao chép)

Menu	Menu phụ
Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) ^a	25%
GHI CHÚ: Độ thu nhỏ/phóng to thường dùng nhất là: <ul style="list-style-type: none">70% (A3 -> A4)141% (A4 -> A3)	50% (A3 -> A5)
	61% (A3 -> B5)
	70% (A3 -> A4), B4(JIS) -> B5, (A4 -> A5)
	81% (B4(JIS) -> A4, B5-A5)
	86% (A3-B4(JIS), A4 -> B5)
	100%
	AutoFit (Tự động khớp)
	115% (B4(JIS) -> A3)
	122% (A4 -> B4(JIS))
	141% (A4 -> A3), (A5 -> A4)
	150%
	200% (A5 -> A3)
	400%
	Custom (Tùy chỉnh) (25 – 400%)
Duplex (In hai mặt) ^b	1->1 Sided (1->1 mặt)
	1->2 Sided, Book (1->2 mặt, sách)
	1->2 Sided, Calendar (1->2 mặt, lịch)
	2->1 Sided, Book (2->1 mặt, sách)
	2->1 Sided, Calendar (2->1 mặt, lịch)
	2->2 Sided, Book->Book (2->2 mặt, sách->sách)
	2->2 Sided, Calendar->Calendar (2->2 mặt, lịch->lịch)
	2->2 Sided, Book->Calendar (2->2 mặt, sách->lịch)
	2->2 Sided, Calendar->Book (2->2 mặt, lịch->sách)
Darkness (Độ tối)	-5 -> +5
Original Type (Loại tài liệu gốc)	Text (Văn bản)
	Text/Photo (Văn bản/Ảnh)
	Photo (Ảnh)

Bảng 2-1 Copy Feature (Tính năng sao chép) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ
	Map (Bản đồ)
Image Rotation (Xoay ảnh) ^b	On/Off (Bật/Tắt)
Collation (Xếp bộ)	On/Off (Bật/Tắt)
Layout (Bố cục)	Normal (Thường)
	ID Copy (Bản sao ID)
	N-Up (Nhiều trang trên một mặt)
	Book Copy (Bản sao sách)
Adjust Background (Điều chỉnh nền)	Off (Tắt)
	Auto (Tự động)
	Enhance Lev.1 (Nâng cao mức 1)
	Enhance Lev.2 (Nâng cao mức 2)
	Erase Lev.1- Erase Lev.4 (Xóa mức 1-Xóa mức 4)

^a Cụ thể, Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) có nghĩa là in một kích thước giấy cụ thể lên trên một kích thước giấy cụ thể khác. % và kích thước cụ thể được liệt kê dựa trên kích thước giấy mặc định.

^b Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-2 Phần trăm Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) cho các kích thước phương tiện khác

Phương tiện	Phần trăm cài đặt thu nhỏ/phóng to
A3->A5	50%
A3->B5	61%
A3->A4	70%
B4->B5/A5	70%
B4->A4/B5/A5	81%
A3/B4/A4->B5	86%
A5->A3	200%
B4->A3	115%
A4->B4	122%
A4->A3	141%
A5->A4	141%
A5->A3	200%

Menu Copy Setup (Cài đặt sao chép)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-3 Menu Copy Setup (Cài đặt sao chép)

Menu	Menu phụ
Change Default (Thay đổi mặc định) ^a	Copies (Bản sao)
Auto Tray (Khay tự động)	On/Off (Bật/Tắt)

^a Menu này cho phép bạn thay đổi các lựa chọn sao chép mặc định cho menu Copy Feature (Tính năng sao chép), ngoại trừ Layout (Bố cục) và Background (Nền).

Menu Print Setup (Cài đặt in)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-4 Print Setup (Cài đặt in)

Menu	Menu phụ	Menu phụ
Orientation (Hướng)	Portrait (Dọc)	
	Landscape (Ngang)	
Duplex (In hai mặt)	Off (Tắt)	
	Long Edge (Cạnh dài)	
	Short Edge (Cạnh ngắn)	
Copies (Bản sao)	1-999	
Resolution (Độ phân giải)	Standard (Chuẩn)	
	High Resolution (Độ phân giải cao)	
Clear Text (Xóa văn bản)	Off (Tắt)	
	Minimum (Tối thiểu)	
	Normal (Thường)	
	Maximum (Tối đa)	
Auto CR (CR tự động)	LF	
	LF+CR	
Skip Blank Pages (Bỏ qua trang trống)	On/Off (Bật/Tắt)	
Emulation (Giả lập)	Setup (Cài đặt)	
PCL	Typeface (Kiểu chữ)	PCL 1 - 58
	Symbol Set (Bộ biểu tượng)	
	Lines (Dòng)	5 - 128
	Pitch (Khoảng bước)	0,44 - 99,99
	Wide A4 (A4 rộng)	On/Off (Bật/Tắt)
	Courier	Regular (Thường)

Bảng 2-4 Print Setup (Cài đặt in) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ	Menu phụ
		Dark (Đậm)
PostScript	Print PS Error (Lỗi in PS)	

Menu System Setup (Cài đặt hệ thống)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-5 System Setup (Cài đặt hệ thống)

Menu	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	
Machine Setup (Thiết lập máy)	Date & Time (Ngày & thời gian)				
		Clock Mode (Chế độ đồng hồ)	12 hours (12 giờ)	24 hours (24 giờ)	
	Language (Ngôn ngữ)		English (Tiếng Anh)		
			French (Tiếng Pháp)		
			Italian (Tiếng Ý)		
			Polish (Tiếng Ba Lan)		
			Russian (Tiếng Nga)		
			Turkish (Thổ Nhĩ Kỳ)		
			Chinese (Tiếng Trung)		
		Spanish (Tiếng Tây Ban Nha)			
	Power Save (Tiết kiệm điện)		1 - 60 minute(s) (1 - 60 phút)		
	Wakeup Event (Sự kiện đánh thức)		On/Off (Bật/Tắt)		
	Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)		Off (Tắt)		
			On (5 - 240 minutes) (Bật (5 - 240 phút))		
	System Timeout (Thời gian chờ hệ thống)		Off (Tắt)		
		On (10 - 600 seconds) (Bật (10 - 600 giây))			

Bảng 2-5 System Setup (Cài đặt hệ thống) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ
	Job Timeout (Thời gian chờ lệnh)	Off (Tắt)		
		On (15 - 300 seconds) (Bật (15 - 300 giây))		
	Altitude Adjustment (Điều chỉnh độ cao)	Normal (Thường)		
		High 1 - 4 (Cao 1 - 4)		
	Humidity (Độ ẩm)	Normal (Thường)		
		High 1 - 3 (Cao 1 - 3)		
	OPC Cleaning (Làm sạch OPC)	Off (Tắt)		
		Execute Now (Thực hiện ngay bây giờ)	Cleaning Time (Thời gian làm sạch)	
			(1- 5) minutes (1-5 phút) ^a	
		Automatic (Tự động)	Start Time (Thời gian bắt đầu)	
			(HH):(MM) AM/PM ^b	
			Cleaning Time (Thời gian làm sạch)	
			(1- 5) minutes (1-5 phút) ^a	
	Auto Continue (Tự động tiếp tục)	Off (Tắt)		
		After 0 sec (Sau 0 giây)		
		After 30 sec (Sau 30 giây)		
	Auto Tray Switch (Chuyển khay tự động)	On/Off (Bật/Tắt)		
	Paper Substitution (Thay thế giấy)	On/Off (Bật/Tắt)		
	Tray Protection (Bảo vệ khay)	Tray 1 (Khay 1)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
		Tray 2 (Khay 2)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
	Eco Settings (Cài đặt tiết kiệm)	Default Mode (Chế độ mặc định)	On/Off (Bật/Tắt)	

Bảng 2-5 System Setup (Cài đặt hệ thống) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ
		Select Template (Chọn mẫu)	Default Eco (Tiết kiệm mặc định)	
			Custom Eco (Tiết kiệm tùy chỉnh)	
Paper Setup (Cài đặt giấy)	Paper Size (Kích thước giấy)	MP Tray 1 (Khay 1 đa năng)		
		Tray 2 (Khay 2)		
		Default Paper Size (Kích thước giấy mặc định)	A4	
			Letter (Thư)	
	Paper Type (Loại giấy)	MP Tray 1 (Khay 1 đa năng)		
		Tray 2 (Khay 2)		
	Chọn giấy	Sao chép	Tray 1 (Khay 1)	
			Tray 2 (Khay 2)	
		Print (In)	AUTO (TỰ ĐỘNG)	
			Tray 1 (Khay 1)	
			Tray 2 (Khay 2)	
	Margin (Lề)	Common Margin (Lề thường)	Simplex Margin (Lề một mặt)	Top Margin (Lề trên) -20 - +20 mm
				Left Margin (Lề trái)
			Duplex Margin (Lề hai mặt)	Side 1 Top Margin (Lề trên mặt 1) -20 - +20 mm
				Side 1 Left Margin (Lề trái mặt 1) -20 - +20 mm
				Side 2 Top Margin (Lề trên mặt 2) -20 - +20 mm
				Side 2 Left Margin (Lề trái mặt 2) -20 - +20 mm
	Tray Confirmation (Xác nhận khay)	Tray 1 (Khay 1)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
		Tray 2 (Khay 2)	Off (Tắt)	
			On (Bật)	
Report (Báo cáo)	Configuration (Cấu hình)			
	Demo Page (Trang thử nghiệm)			

Bảng 2-5 System Setup (Cài đặt hệ thống) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ
	Network Configuration (Cấu hình mạng)			
	Email Sent (Email đã gửi)			
	Supplies Information (Thông tin vật tư)			
	Usage Counter (Bộ đếm lượng sử dụng)			
	Job Accounting (Kế toán lệnh)			
	PCL Font (Phông chữ PCL)			
	PS Font (Phông chữ PCL)			
Maintenance (Bảo trì)	Accounting (Tuổi thọ mực in)	Supplies Information (Thông tin vật tư)		
		Total (Tổng)		
		ADF Scan (Quét ADF)		
		Platen Scan (Quét Platen)		
		Developer (Nhà phát triển)		
		Fuser (Cuộn sấy)		
		Transfer Roller (Trục lăn truyền)		
		Tray 1 Roller (Trục lăn khay 1)		
		Tray 1 Friction Pad (Đệm ma sát khay 1)		
		Tray 2 Roller (Trục lăn khay 2)		
		Tray 2 Friction Pad (Đệm ma sát khay 2)		
		ADF Roller (Trục lăn ADF)		
		ADF Rubber Pad (Đệm cao su ADF)		

Bảng 2-5 System Setup (Cài đặt hệ thống) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ	Menu phụ
	Image Mgr. (Trình quản lý ảnh)	Custom Color (Màu tùy chỉnh)	Default (Mặc định)	Reset? (Đặt lại?)
			Print Density (Mật độ in)	-10 - +10
	Toner Low Alert (Cảnh báo sắp hết mực)	On/Off (Bật/Tắt)		
	OPC Unit Low Alert (Cảnh báo sắp hết mực trong OPC)	On/Off (Bật/Tắt)		
	Serial Number (Số sê-ri)			
	Paper Stacking (Xếp chồng giấy)	On/Off (Bật/Tắt)		

- ^a Thời gian làm sạch OPC: Bắt đầu thao tác này ngay bây giờ sau khi kết thúc lệnh hiện tại, mặc định: 5 phút.
- ^b Thời gian bắt đầu OPC tự động: Bắt đầu thao tác này dựa trên số trang vượt mức, thời gian mặc định: 12:00:00 AM.
- ^c Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Menu Network (Mạng)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-6 Network (Mạng)

Menu	Menu phụ
TCP/IP (IPv4)	DHCP
	BOOTP
	Static (Tĩnh)
TCP/IP (IPv6)	IPv6 Protocol (Giao thức IPv6)
	DHCPv6 Config (Cấu hình DHCPv6)
Ethernet	Ethernet Port (Cổng Ethernet)
	Ethernet Speed (Tốc độ Ethernet)
Protocol Management (Quản lý giao thức)	HTTP
	WINS
	SNMPv1/v2
	UPnP(SSDP)
	mDNS
Network Configuration (Cấu hình mạng)	
Clear Settings (Xóa cài đặt)	

Menu Lệnh in bảo mật

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Bảng 2-7 Menu Lệnh in bảo mật

Menu	Menu phụ	Menu phụ
User Name List (Danh sách tên người dùng) ^a	Password (Mật khẩu)	Print (In)
		Delete (Xóa)

^a Nếu một người dùng gửi nhiều lệnh bí mật thì tên người dùng sẽ chỉ được liệt kê một lần trên máy in. Số lượng lệnh in bí mật tối đa là 100. Nếu máy có 100 lệnh in được lưu trữ trong máy in, một lệnh in mới sẽ được lưu sau khi xóa lệnh in cũ nhất.

Menu Scan (Quét)

Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn được chọn, kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực bạn cư trú. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Chọn Scan (Quét)  > Scan To PC (Quét vào PC) trên bảng điều khiển.

Bảng 2-8 Menu Scan (Quét)

Menu	Menu phụ
Scan to PC (Scan và gửi đến máy tính)	Network PC (PC nối mạng)
	Original Size (Khổ tài liệu gốc)
	Original Type (Loại tài liệu gốc)
	Resolution (Độ phân giải mặc định)
	Color Mode (Chế độ màu)
	File Format (Định dạng tệp)
	Duplex (In hai mặt)
	Darkness (Độ tối)
Scan to Email (Scan và gửi qua email)	Adjust Background (Điều chỉnh nền)
	Original Size (Khổ tài liệu gốc)
	Original Type (Loại tài liệu gốc)
	Resolution (Độ phân giải mặc định)
	Color Mode (Chế độ màu)
	File Format (Định dạng tệp)
	Duplex (In hai mặt)
	Darkness (Độ tối)
Scan to SMB (Scan và gửi đến máy tính)	Email Confirmation (Email xác nhận)
	Original Size (Khổ tài liệu gốc)
	Original Type (Loại tài liệu gốc)

Bảng 2-8 Menu Scan (Quét) (còn tiếp)

Menu	Menu phụ
	Resolution (Độ phân giải mặc định)
	Color Mode (Chế độ màu)
	File Format (Định dạng tệp)
	Duplex (In hai mặt)
	Darkness (Độ tối)
	Server Confirmation (Xác nhận máy chủ)
Scan to FTP (Scan và gửi đến máy tính)	Original Size (Khổ tài liệu gốc)
	Original Type (Loại tài liệu gốc)
	Resolution (Độ phân giải mặc định)
	Color Mode (Chế độ màu)
	File Format (Định dạng tệp)
	Duplex (In hai mặt)
	Darkness (Độ tối)
	ServerConfirmation (Xác nhận máy chủ)

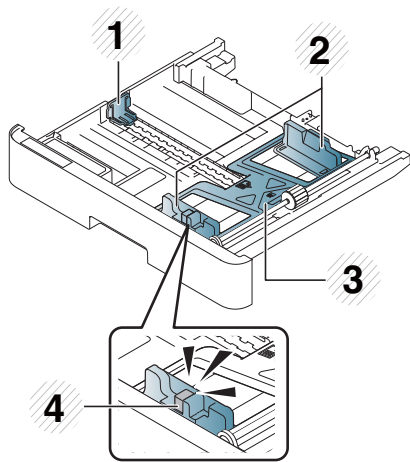
3 Phương tiện và khay

Chương này cung cấp thông tin về cách nạp phương tiện in vào máy của bạn.

- [Tổng quan về khay](#)
- [Nạp giấy vào khay](#)
- [In trên phương tiện đặc biệt](#)
- [Đặt kích thước và loại giấy](#)
- [Nạp tài liệu gốc](#)
- [Thông số kỹ thuật của phương tiện in](#)

Tổng quan về khay

Để thay đổi kích thước, bạn cần điều chỉnh thanh dẫn giấy.



- | | |
|---|---------------------------|
| 1 | Thanh dẫn chiều dài giấy |
| 2 | Thanh dẫn chiều rộng giấy |
| 3 | Tấm đáy lót giấy |
| 4 | Cần mở rộng khay |

Nạp giấy vào khay

Giới thiệu

Các chủ đề sau đây mô tả cách chuẩn bị và nạp giấy vào Khay 2, Khay 3 tùy chọn và Khay 1 đa năng.

- [Chuẩn bị giấy](#)
- [Khay 2 / khay tùy chọn](#)
- [Khay 1 đa năng](#)

Chuẩn bị giấy

- Chỉ sử dụng phương tiện in đáp ứng các thông số kỹ thuật mà máy yêu cầu.
- Nếu bạn sử dụng phương tiện in không đáp ứng thông số kỹ thuật được nêu trong hướng dẫn sử dụng này, các vấn đề sau đây có thể xảy ra:
 - Chất lượng in thấp, kẹt giấy, máy bị hao mòn quá mức.
- Trọng lượng, chất liệu, điều kiện bề mặt và độ ẩm của phương tiện in có thể ảnh hưởng đến hiệu năng và chất lượng in của máy.
- Một số phương tiện in có thể không mang lại kết quả mong muốn ngay cả khi đáp ứng các thông số kỹ thuật được nêu trong hướng dẫn sử dụng này.

Điều này có thể xảy ra do xử lý sai phương tiện in, nhiệt độ hoặc độ ẩm không phù hợp hoặc các yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát.

- Sử dụng phương tiện in không đáp ứng thông số kỹ thuật được nêu trong hướng dẫn sử dụng này có thể khiến máy gặp trục trặc và cần phải sửa chữa.

Các công việc sửa chữa này không được bao gồm trong hợp đồng bảo hành.

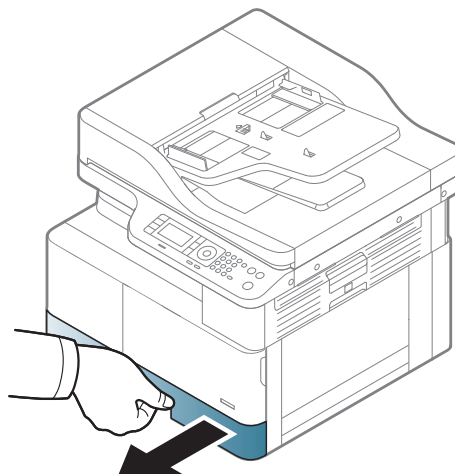
- Không sử dụng phương tiện in ảnh phun với máy này. Điều này có thể làm hỏng máy.
- Không sử dụng phương tiện in bị nhăn, rách hoặc ẩm.

⚠ CẢNH BÁO! Việc sử dụng phương tiện dễ cháy hoặc dị vật còn sót lại trong máy in có thể dẫn đến quá nhiệt cho thiết bị và trong một số trường hợp hiếm gặp có thể gây ra hỏa hoạn.

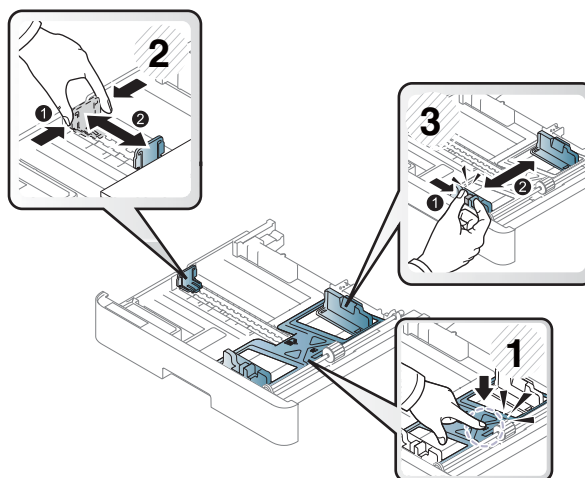
Khay 2 / khay tùy chọn

📝 GHI CHÚ: Đối với các kiểu máy sử dụng khay tùy chọn, cần phải cài đặt CarePack và có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia/khu vực mua hoặc kiểu máy cụ thể.

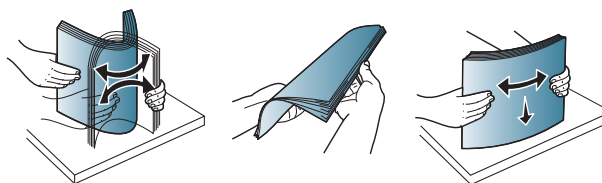
1. Kéo khay giấy ra.



2. Bóp và trượt thanh dẫn chiều rộng giấy và căn dẫn chiều dài giấy để định vị chúng trong khe kích thước giấy chính xác được đánh dấu ở phía dưới cùng của khay để điều chỉnh kích thước.

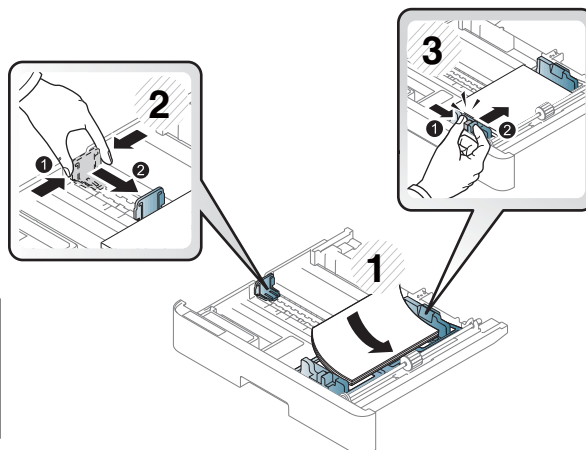
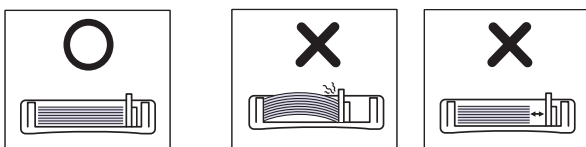


3. Uốn cong hoặc làm tơi xấp giấy để tách rời các tờ giấy trước khi nạp giấy.

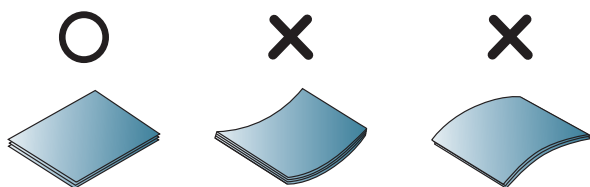


4. Sau khi cho giấy vào khay, bóp và trượt thanh dẫn chiều rộng giấy và thanh dẫn chiều dài giấy.

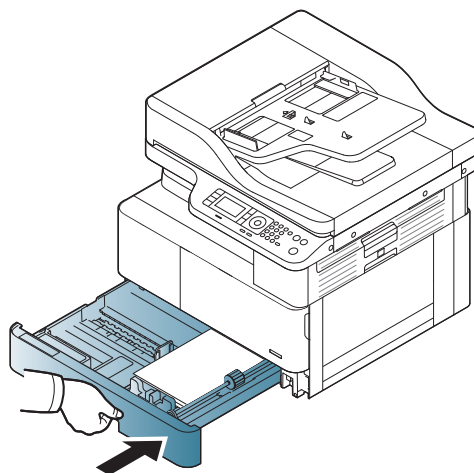
- Không đẩy thanh dẫn chiều rộng giấy quá xa để tránh làm cho phông tiện bị cong.
- Nếu bạn không điều chỉnh thanh dẫn chiều rộng giấy, điều này có thể gây kẹt giấy.



- Không sử dụng giấy có cạnh trên bị uốn, điều này có thể gây kẹt giấy hoặc làm nhăn giấy.



5. Lắp khay trở lại vào máy.



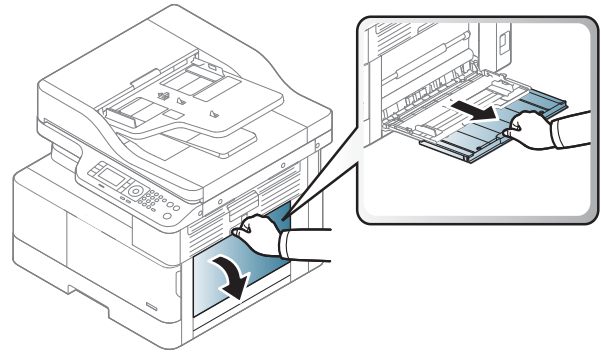
6. Khi bạn in tài liệu, hãy đặt loại giấy và kích thước giấy cho Khay 2/khay tùy chọn.

THẬN TRỌNG: Để tránh kẹt giấy, luôn nhấn tấm nạp giấy của Khay 2/khay tùy chọn xuống khi nạp lại giấy.

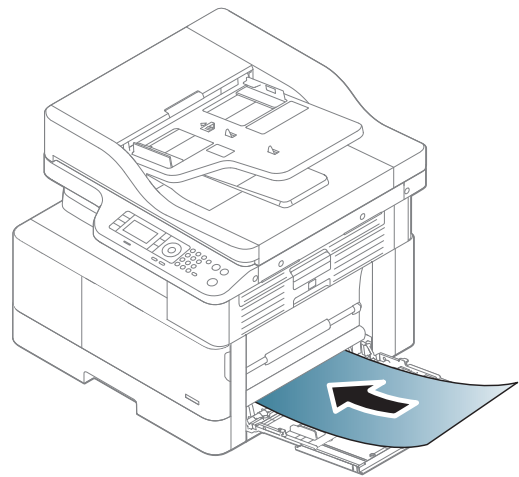
Khay 1 đa năng

Khay đa năng có thể chứa các kích thước và loại chất liệu in đặc biệt như bưu thiếp và thẻ ghi chú.

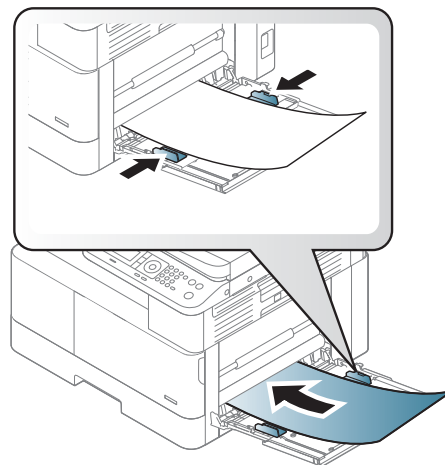
1. Giữ tay cầm của khay đa năng và kéo xuống để mở và kéo phần mở rộng giấy của khay đa năng ra.



2. Nạp giấy.

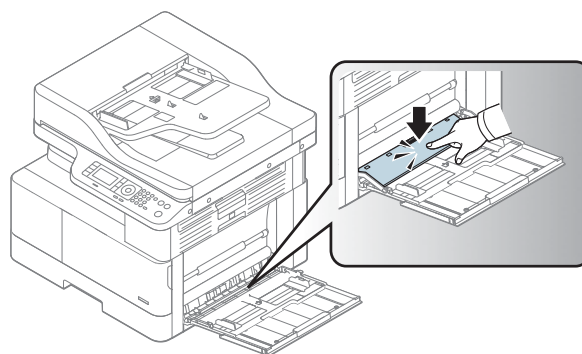


3. Bóp thanh dẫn chiều rộng giấy của khay đa năng và điều chỉnh theo chiều rộng của giấy. Không đẩy quá chặt, nếu không giấy sẽ bị cong và gây kẹt hoặc méo giấy.




4. Khi bạn in tài liệu, hãy đặt loại giấy và kích thước giấy cho khay đa năng.

THẬN TRỌNG: Để tránh kẹt giấy, luôn nhấn tấm nạp giấy của khay 1 xuống khi nạp lại giấy.



In trên phương tiện đặc biệt

Cài đặt giấy trong máy và trình điều khiển phải khớp nhau để tránh lỗi giấy không khớp khi in.

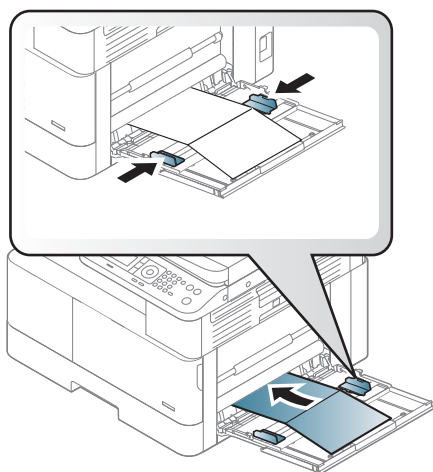
Hoặc nếu máy của bạn có màn hình, bạn có thể thiết lập cài đặt này bằng cách sử dụng nút Menu  trên bảng điều khiển.

Sau đó, đặt loại giấy từ cửa sổ **Printing preferences** (Tùy chọn in) > tab **Paper** (Giấy) > **Paper Type** (Loại giấy).

GHI CHÚ:

- Khi sử dụng phương tiện đặc biệt, chúng tôi khuyên bạn nên nạp mỗi lần một tờ.
- Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn.

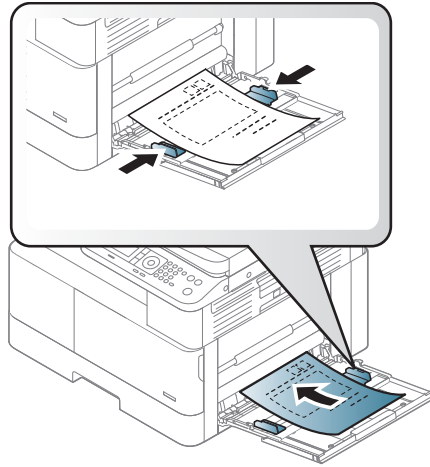
Giấy cardstock/Giấy kích thước tùy chỉnh



Trong ứng dụng phần mềm, đặt lề cách xa các cạnh của tài liệu ít nhất là 6,4 mm (0,25 inch).

Giấy in sẵn

Khi nạp giấy in sẵn, mặt đã in phải lật lên với một cạnh không bị quấn ở phía trước. Nếu bạn gặp vấn đề khi nạp giấy, hãy xoay giấy lại. Lưu ý rằng chất lượng in không được đảm bảo.



- Phải được in bằng mực chịu nhiệt mà sẽ không tan chảy, bốc hơi hoặc phát tán khí độc khi tiếp xúc với nhiệt độ sấy của máy trong 0,1 giây (khoảng 170°C (338°F)).
- Mực của giấy in sẵn không được dễ cháy và không ảnh hưởng xấu đến trục lăn của máy.
- Trước khi bạn nạp giấy in sẵn, hãy xác nhận rằng mực in trên giấy đã khô. Trong quá trình sấy, mực ướt có thể tách rời khỏi giấy in sẵn và làm giảm chất lượng in.





Đặt kích thước và loại giấy


Cài đặt giấy trong máy và trình điều khiển phải khớp nhau để tránh lỗi giấy không khớp khi in.

Từ trình điều khiển hoặc ứng dụng in, đặt loại giấy từ cửa sổ **Print Options** (Tùy chọn in) > **Properties** (Thuộc tính) > tab **Paper** (Giấy) > **Type** (Loại).

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cần bấm **OK** để điều hướng đến menu mức thấp hơn đối với một số kiểu máy.

Sau khi nạp giấy vào khay giấy, đặt kích thước và loại giấy bằng cách sử dụng các nút trên bảng điều khiển.

1. Select Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Paper Setup (Cài đặt giấy)** > **Paper Size (Kích thước giấy)** hoặc **Paper Type (Loại giấy)** trên bảng điều khiển.
2. Chọn khay và tùy chọn bạn muốn.
3. Bấm **OK** để lưu lựa chọn.
4. Bấm nút Back (Quay lại)  ở bên phải nút Menu  để quay lại màn hình Paper Setup (Cài đặt giấy). Sau đó chọn loại giấy nếu muốn.
5. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn muốn sử dụng giấy có kích thước đặc biệt như giấy hóa đơn, hãy chọn tab **Paper** (Giấy) > **Size** (Kích thước) > **Edit...** (Chỉnh sửa...) và đặt **Custom Paper Size Settings** (Cài đặt kích thước giấy tùy chỉnh) trong **Printing Preferences** (Tùy chọn in).

Nạp tài liệu gốc

Giới thiệu

Các chủ đề sau đây mô tả cách chuẩn bị tài liệu gốc để sao chép và cách nạp tài liệu gốc vào kính máy quét hoặc khay nạp tài liệu.


- [Chuẩn bị tài liệu gốc](#)
- [Nạp tài liệu gốc](#)

Chuẩn bị tài liệu gốc

- Không nạp tài liệu nhỏ hơn 125 x 101,6 mm (4,92 x 4 inch) hoặc lớn hơn 297 x 914 mm (11,6 x 36 inches).
- Không nạp tài liệu được in trên các loại giấy sau đây để tránh bị kẹt giấy, chất lượng in thấp và máy bị trục trặc:
 - Giấy than hoặc giấy carbon
 - Giấy tráng bóng
 - Giấy can hoặc giấy mỏng
 - Giấy bị nhàu hoặc nhăn
 - Giấy bị quấn hoặc cuộn lại
 - Giấy rách
- Tháo tất cả các kẹp giấy và kim cài giấy ra khỏi tài liệu trước khi nạp.
- Đảm bảo mọi chất keo, mực hoặc mực tẩy trên tài liệu đã khô hoàn toàn trước khi nạp.
- Không nạp tài liệu gốc bao gồm các tờ giấy có kích thước hoặc trọng lượng khác nhau.
- Không nạp sách nhỏ, tờ rơi, giấy trong suốt hoặc tài liệu có đặc điểm khác thường.

Nạp tài liệu gốc

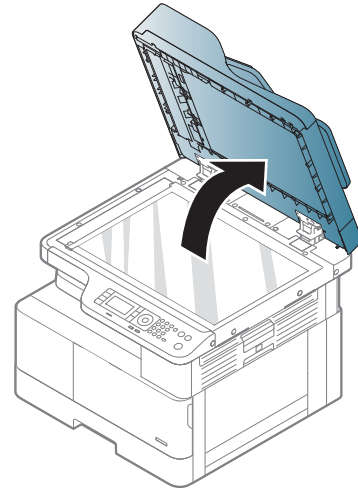
Bạn có thể sử dụng kính máy quét hoặc khay nạp tài liệu để nạp tài liệu gốc cần sao chép và quét.

 **GHI CHÚ:** Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn.

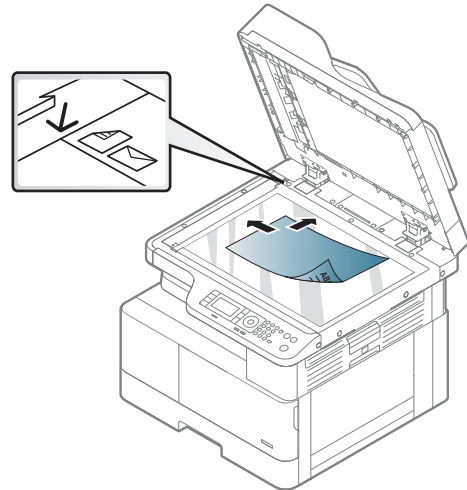
Trên kính máy quét

Sử dụng kính máy quét, bạn có thể sao chép hoặc quét tài liệu gốc. Bạn có thể đạt được chất lượng quét tốt nhất, đặc biệt là với ảnh có màu hoặc sắc độ xám. Đảm bảo rằng không có tài liệu gốc trong khay nạp tài liệu. Nếu tài liệu gốc được phát hiện trong khay nạp tài liệu, máy sẽ ưu tiên xử lý tài liệu này trước tài liệu gốc trên kính máy quét.

1. Nâng và mở nắp máy quét.



- Đặt tài liệu gốc lên kính máy quét với mặt giấy hướng xuống. Căn chỉnh giấy bằng thanh ghi dẫn giấy ở góc trên bên trái của kính.



- Đóng nắp máy quét.

GHI CHÚ:

- Để nắp máy quét mở trong khi sao chép có thể ảnh hưởng đến chất lượng sao chép và mức tiêu thụ mực in.
- Bụi trên kính máy quét có thể gây ra các vết đen trên bản in. Luôn giữ kính sạch sẽ.
- Nếu bạn sao chép một trang từ sách hoặc tạp chí, hãy nâng nắp máy quét lên cho đến khi bản lề dừng lại ở chốt chặn rồi đóng nắp. Nếu sách hoặc tạp chí dày hơn 30 mm, hãy bắt đầu sao chép với nắp máy quét mở.

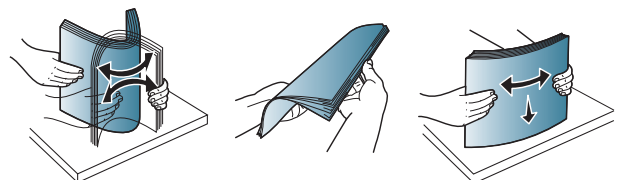
THẬN TRỌNG:

- Cẩn thận không làm vỡ kính máy quét. Bạn có thể bị thương.
- Không nhìn vào đèn bên trong máy quét trong khi đang sao chép hoặc quét. Hành động này có hại cho mắt.

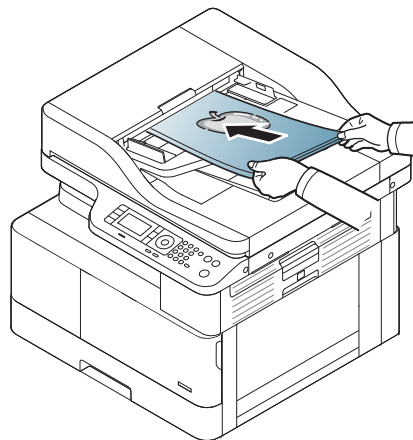
Trong khay nạp tài liệu

Sử dụng khay nạp tài liệu tự động (ADF), bạn có thể nạp tối đa 100 tờ giấy (80 g/m², 21 lb giấy bông) cho một lệnh in.

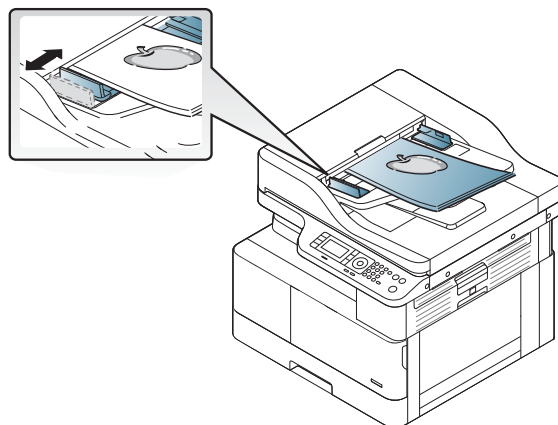
- Uốn cong hoặc làm tươi xấp giấy để tách rời các tờ giấy trước khi nạp tài liệu gốc.



2. Nạp tài liệu gốc vào khay tiếp giấy nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên. Đảm bảo rằng phía dưới cùng của xấp giấy tài liệu gốc khớp với kích thước giấy được đánh dấu trên khay tiếp giấy.



3. Điều chỉnh thanh dẫn chiều rộng của khay nạp tài liệu theo kích thước giấy.



GHI CHÚ: Bụi trên kính khay nạp tài liệu có thể gây ra các vết đen trên bản in. Luôn giữ kính sạch sẽ.

Thông số kỹ thuật của phương tiện in

Bảng sau đây mô tả các thuộc tính của phương tiện in được máy in hỗ trợ. Các thuộc tính bao gồm loại phương tiện, kích thước, khổ giấy, trọng lượng và sức chứa của khay đối với phương tiện được chỉ định.

Loại	Kích thước	Khổ giấy	Trọng lượng phương tiện in/Sức chứa ^a	
			Khay 2 / Khay 3	Khay 1 đa năng
Giấy thường	Letter	216 x 279 mm (8,5 x 11 inch)	71 đến 85 g/m ² (19 đến 22,5 lb giấy bông)	71 đến 85 g/m ² (19 đến 22,5 lb giấy bông)
	11 x 17	279 x 432 mm (11 x 17 inch)	• 250 từ 80 g/m ² (21 lb giấy bông)	• 100 từ 80 g/m ² (21 lb giấy bông)
	Legal	216 x 356 mm (8,5 x 14 inch)		
	Oficio	216 x 330 mm (8,5 x 13 inch)		
	Oficio 216x340	216 x 340 mm (8,5 x 13,39 inch)		
	B4	257 x 364 mm (10,1 x 14,3 inch)		
	B5	182 x 257 mm (7,16 x 10,11 inch)		
	Executive	184 x 267 mm (7,25 x 10,5 inch)		
	8K	270 x 390 mm (10,75 x 15,5 inch)		
	16K	195 x 270 mm (7,76 x 10,75 inch)		
	A3	297 x 420 mm (11,7 x 16,5 inch)		
	A4	210 x 297 mm (8,26 x 11,69 inch)		
	A5	148 x 210 mm (5,82 x 8,26 inch)		
	Statement	140 x 216 mm (5,5 x 8,5 inch)		Không khả dụng trong Khay 2/ Khay 3.
	Bưu thiếp	152 x 102 mm (6 x 4 inch)		Không khả dụng trong Khay 2/ Khay 3.
Trọng lượng trung bình 96-110g	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	96 đến 110 g/m ² (26 đến 29 lb giấy bông)	96 đến 110 g/m ² (26 đến 29 lb giấy bông)
Nặng 110 đến 130g ^b	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	Không khả dụng trong Khay 2/ Khay 3.	111 đến 163 g/m ² (30 đến 43,5 lb giấy bông)
Nhẹ 60-74g	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	60 đến 74 g/m ² (16 đến 20 lb giấy bông)	60 đến 74 g/m ² (16 đến 20 lb giấy bông)

Loại	Kích thước	Khổ giấy	Trọng lượng phương tiện in/Sức chứa ^a	
			Khay 2 / Khay 3	Khay 1 đa năng
HP LaserJet 90g, Giấy màu, Giấy in sẵn, Giấy tiêu đề thư, Giấy dập lỗ sẵn	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	75 đến 90 g/m ² (20 đến 24lb giấy bông)	75 đến 90 g/m ² (20 đến 24lb giấy bông)
Giấy tái chế	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	60 đến 90 g/m ² (16 đến 24lb giấy bông)	60 đến 90 g/m ² (16 đến 24lb giấy bông)
Giấy bông ^b	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	Không khả dụng trong Khay 2/ Khay 3.	105 đến 120 g/m ² (28 đến 32lb giấy bông)
Vừa 85-95 g	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	85 đến 95 g/m ² (23 đến 26lb giấy bông)	85 đến 95 g/m ² (23 đến 26lb giấy bông)
Giấy Cardstock ^b	Tham khảo phần Giấy thường	Tham khảo phần Giấy thường	Không khả dụng trong Khay 2/ Khay 3.	105 đến 163 g/m ² (28 đến 43 lb giấy bông)
Kích thước tối thiểu (tùy chỉnh) ^{c, d}	<ul style="list-style-type: none"> Khay 1 đa năng: 125 x 101,6 mm (4,92 x 4 inch) Khay 2/ Khay 3: 148 x 182 mm (5,83 x 7,17 inch) 	<ul style="list-style-type: none"> Khay 1 đa năng: 60 đến 163 g/m² (16 đến 43,5 lb giấy bông) Khay 2/ Khay 3: 60 đến 110 g/m² (16 đến 29,3 lb giấy bông) 		
Kích thước tối đa (tùy chỉnh)	297 x 914 mm (11,6 x 36 inches)			

^a Sức chứa tối đa có thể thay đổi tùy theo trọng lượng, độ dày của phương tiện và điều kiện môi trường.

^b Máy in không hỗ trợ in hai mặt đối với các loại giấy Trọng lượng nặng, Bông và Cardstock.

^c Các loại giấy khả dụng trong Khay 1 đa năng: Thường, Trọng lượng trung bình 96-110 g, nặng 110-130 g, nhẹ 60-74 g, HP Laser Jet 90g, Màu, In sẵn, Tái chế, Bông, Vừa 85-95 g, Tiêu đề thư, Dập lỗ sẵn, Cardstock

^d Các loại giấy khả dụng trong Khay 2: Thường, Trọng lượng trung bình 96-110 g, nhẹ 60-74 g, HP Laser Jet 90g, Màu, In sẵn, Tái chế, Bông, Vừa 85-95 g, Tiêu đề thư, Dập lỗ sẵn

4 Cài đặt máy in

- [Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm](#)
- [Hướng dẫn cài đặt phần mềm](#)

Lắp đặt phần cứng máy in và cài đặt phần mềm

Để biết các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn cài đặt nhanh đi kèm với máy in. Để được hướng dẫn thêm, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/ljM438MFP, www.hp.com/support/ljM440MFP, www.hp.com/support/ljM442MFP, www.hp.com/support/ljM443MFP để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho máy in. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải xuống các bản cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hướng dẫn cài đặt phần mềm

Có sẵn bộ cài đặt phần mềm đầy đủ cho các hệ điều hành sau đây:

- Windows XP 32-bit và 64-bit
- Windows Vista 32-bit và 64-bit
- Windows 7 32-bit và 64-bit
- Windows 8 32-bit và 64-bit
- Windows 8.1 32-bit và 64-bit
- Windows 10 32-bit và 64-bit

Các nền tảng hệ điều hành máy chủ chỉ hỗ trợ cài đặt trình điều khiển máy in HP LaserJet MFP M438, M440, M442, M443 bằng cách sử dụng **Add Printer Wizard** (Trình hướng dẫn thêm máy in).

Các trình điều khiển máy in HP LaserJet MFP M438, M440, M442, M443 được hỗ trợ khác có sẵn để tải xuống từ hp.com:

- HP UPD PCL6
- Trình điều khiển HP UPD PostScript


Cài đặt phần mềm

1. Tải xuống HP LaserJet MFP M438, M440, M442, M443 giải pháp phần mềm đầy đủ từ www.hp.com/support/ljM438MFP, www.hp.com/support/ljM440MFP, www.hp.com/support/ljM442MFP, www.hp.com/support/ljM443MFP.
2. Thực hiện theo các hướng dẫn trên màn hình để cài đặt và cấu hình phần mềm sản phẩm.

5 In

Chương này giải thích các tác vụ in phổ biến.


- [Cài đặt in trên bảng điều khiển](#)
- [Tổng quan về các lệnh in khi sử dụng trình điều khiển Universal Print Driver \(UPD\) và trình điều khiển máy in chủ riêng biệt](#)
- [In tài liệu bảo mật từ bảng điều khiển](#)

 **GHI CHÚ:** Các tính năng và thiết bị tùy chọn được hỗ trợ có thể thay đổi tùy theo kiểu máy của bạn.


Để biết thông tin bổ sung về trình điều khiển in, hãy truy cập www.hp.com/support/ljM438MFP, www.hp.com/support/ljM440MFP, www.hp.com/support/ljM442MFP, www.hp.com/support/ljM443MFP



Cài đặt in trên bảng điều khiển

Thông tin sau đây mô tả các chức năng cài đặt máy in có sẵn từ bảng điều khiển. Các chức năng này kiểm soát diện mạo của trang in.

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Menu  > **Print Setup (Cài đặt in)** trên bảng điều khiển.

Mục	Mô tả
Orientation (Hướng)	Chọn hướng in thông tin trên trang. <ul style="list-style-type: none">• Portrait (Dọc) • Landscape (Ngang) 
Duplex (In hai mặt)	Bạn có thể cài đặt để máy in trên cả hai mặt giấy. GHI CHÚ: Tùy theo kiểu máy, cài đặt này có thể là in hai mặt thủ công hoặc tự động.
Copies (Bản sao)	Bạn có thể nhập số lượng bản in bằng bàn phím số.
Resolution (Độ phân giải)	Đặt tùy chọn độ phân giải. Cài đặt này càng cao thì các ký tự và đồ họa được in càng sắc nét.
Clear Text (Xóa văn bản)	In văn bản đậm hơn so với tài liệu bình thường.
Auto CR (CR tự động)	Cho phép bạn nối thêm ký tự về đầu dòng cần thiết vào mỗi ký tự chuyển dòng, một tính năng hữu ích đối với người dùng DOS.
Skip Blank Pages (Bỏ qua trang trống)	Máy in phát hiện dữ liệu in từ máy tính để biết liệu trang có trống hay không. Bạn có thể cài đặt in hoặc bỏ qua trang trống.
Emulation (Giả lập)	Đặt thông tin phong chữ cần dùng khi gửi PCL5 trực tiếp đến thiết bị.

Tổng quan về các lệnh in khi sử dụng trình điều khiển Universal Print Driver (UPD) và trình điều khiển máy in chủ riêng biệt

Bảng dưới đây cung cấp một mô tả ngắn gọn về các lệnh in khi sử dụng trình điều khiển HP UPD và trình điều khiển máy in riêng biệt.

Bảng 5-1 Chọn lệnh in để in thường và in bí mật


Trình điều khiển Universal Print Driver (UPD)	Trình điều khiển in riêng biệt
<p>Thao tác lệnh in thường được thực hiện trong các điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none">• Khi người dùng chọn bất kỳ tùy chọn nào trong Job Storage Mode (Chế độ lưu trữ lệnh in) thuộc trình điều khiển HP UPD:<ul style="list-style-type: none">• Proof and Hold (Kiểm tra và giữ)• Quick Copy (Sao chép nhanh)• Stored Job (Lệnh in đã lưu)• Khi người dùng chọn tùy chọn Personal Job (Lệnh in cá nhân) trong trình điều khiển HP UPD mà không có mật khẩu.	<p>Người dùng có thể chọn lệnh in thường hoặc in bí mật. Các chế độ in dựa trên đĩa RAM trên máy in.</p> <p>GHI CHÚ: Trình điều khiển này không hỗ trợ chế độ in "Proof" (Kiểm tra).</p>
<p>Người dùng có thể thiết lập lệnh in bí mật khi sử dụng Personal Job (Lệnh in cá nhân) có mật khẩu (PIN).</p>	<p>Người dùng có thể cài lệnh in là in bí mật.</p>

In tài liệu bảo mật từ bảng điều khiển

PIN để in (in bí mật bằng đĩa RAM) là một phương pháp đơn giản để bảo vệ lệnh in tại máy in cho đến khi người dùng cuối nhập vào số PIN thích hợp để lấy được lệnh in riêng. Phương pháp này hoạt động với tính năng **Job Storage (Lưu trữ lệnh in)** có trong trình điều khiển máy in và các lệnh in riêng đã được lưu trong đĩa RAM. Mỗi lệnh in được cho một tên lệnh in, tên người dùng và số PIN. Người dùng cuối cần có thông tin này trước khi có thể in lệnh cho một khay giấy ra.

1. Đảm bảo máy đã được kết nối với máy tính của bạn và bật nguồn.
2. Trong HP UPD, chọn chế độ **Personal Job (Lệnh in cá nhân)** và sau đó nhập mã PIN và tên người dùng.
 - a. Chọn máy in của bạn từ hệ điều hành Windows, nhấp vào menu **Printing Preferences (Tùy chọn in)**, sau đó chọn tab **Job Storage (Lưu trữ lệnh in)**.
 - b. Hãy chắc chắn rằng chọn **mã PIN để in** từ danh sách thả xuống của mục **Make Job Private/Secure (Làm cho lệnh in bí mật/bảo mật)** để nhập mã PIN, sau đó chọn tên người dùng.


Máy in lưu lệnh in này vào ổ đĩa RAM.

 **GHI CHÚ:** Nếu đĩa RAM đầy, bảng điều khiển sẽ hiển thị thông báo sau "**Memory Full (Bộ nhớ đầy)**."

Số lượng lệnh in bí mật tối đa là 100. Nếu máy có 100 lệnh in được lưu trữ trong máy in, một lệnh in mới sẽ được lưu sau khi xóa lệnh in cũ nhất.

- c. Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.
3. Chọn menu **Secured Job (Lệnh in bảo mật)** trên bảng điều khiển.

Bảng điều khiển sẽ hiển thị danh sách các lệnh in an toàn.

 **GHI CHÚ:** Nếu một người dùng gửi nhiều lệnh bí mật thì tên người dùng sẽ chỉ được liệt kê một lần trên máy in.

4. Chọn tài liệu cần in.
5. Nhập mã PIN mà bạn đã đặt cho trình điều khiển máy in.
6. In hoặc xóa tài liệu.

6 Sao chép


Chương này giải thích các tác vụ sao chép phổ biến.

- [Các tính năng sao chép trên bảng điều khiển](#)
- [Sao chép cơ bản](#)
- [Thay đổi cài đặt cho mỗi bản sao](#)
- [Sao chép thẻ ID](#)

Các tính năng sao chép trên bảng điều khiển

Tính năng sao chép

Các chủ đề sau đây mô tả cách sử dụng tính năng Copy (Sao chép) và Copy Setup (Cài đặt sao chép) trên bảng điều khiển. Các tính năng này kiểm soát diện mạo của bản sao được tạo ra.

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:

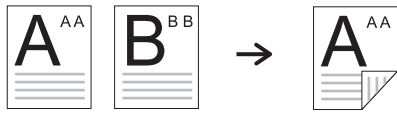


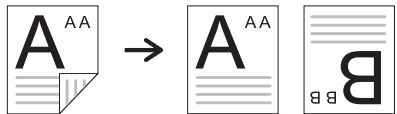




Bấm Copy (Sao chép)  > Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** trên bảng điều khiển.

Hoặc Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** trên bảng điều khiển.

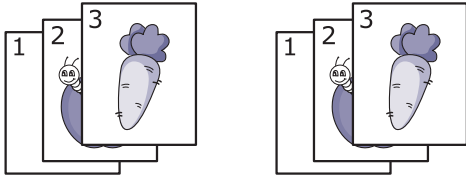
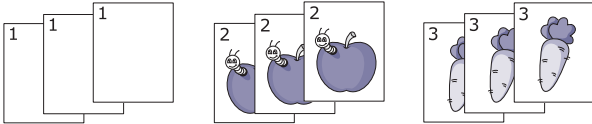
Bảng 6-1 Tính năng sao chép

Mục	Mô tả
Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to)	Giảm hoặc tăng kích thước ảnh sao chép. GHI CHÚ: Nếu máy được đặt ở chế độ Eco (Tiết kiệm), tính năng thu nhỏ và phóng to sẽ không khả dụng.


Bảng 6-1 Tính năng sao chép (còn tiếp)

Mục	Mô tả
Duplex (In hai mặt)	Bạn có thể cài đặt để máy in bản sao trên cả hai mặt giấy.
<p>GHI CHÚ: Chỉ có trên các kiểu máy được trang bị bộ in hai mặt tự động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • 1->1 Sided (1->1 mặt): Quét một mặt của tài liệu gốc và in trên một mặt giấy. • 1->2 Sided, Book (1->2 mặt, sách) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 1->2 Sided, Calendar (1->2 mặt, lịch) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->1 Sided, Book (2->1 mặt, sách) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->1 Sided, Calendar (2->1 mặt, lịch) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->2 Sided, Book->Book (2->2 mặt, sách->sách) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->2 Sided, Calendar->Calendar (2->2 mặt, lịch->lịch) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->2 Sided, Book->Calendar (2->2 mặt, sách->lịch) 
	<ul style="list-style-type: none"> • 2->2 Sided, Calendar->Book (2->2 mặt, lịch->sách) 

Bảng 6-1 Tính năng sao chép (còn tiếp)

Mục	Mô tả
Darkness (Độ tối)	Điều chỉnh độ sáng để tạo bản sao dễ đọc hơn, khi tài liệu gốc có chứa ký hiệu mờ và hình ảnh tối.
Original Type (Loại tài liệu gốc)	Cải thiện chất lượng sao chép bằng cách chọn loại tài liệu cho lệnh sao chép hiện tại.
Image Rotation (Xoay ảnh)	Cho phép bạn xoay ảnh trong bản gốc.
Collation (Xếp bộ)	Cài đặt máy để sắp xếp lệnh sao chép. Ví dụ: nếu bạn tạo 2 bản sao của tài liệu gốc gồm 3 trang, một tài liệu 3 trang hoàn chỉnh sẽ được in rồi đến tài liệu hoàn chỉnh thứ hai. <ul style="list-style-type: none">• On (Bật): In thành các bộ khớp với trình tự trong bản gốc. • Off (Tắt): In mỗi trang riêng lẻ thành các xấp giấy. 
Layout (Bố cục)	Điều chỉnh định dạng bố cục như ID Copy (Bản sao ID), N-Up (Nhiều trang trên một mặt) v.v.
Adjust Background (Điều chỉnh nền)	In ảnh không có nền. Tính năng sao chép này sẽ xóa màu nền và có thể sẽ hữu ích khi sao chép tài liệu gốc có màu nền, chẳng hạn như báo hoặc catalô. <ul style="list-style-type: none">• Off (Tắt): Không sử dụng tính năng này.• Auto (Tự động): Tối ưu hóa nền.• Enhance Lev.1~2 (Nâng cao mức 1~2): Số này càng cao thì nền càng rõ ràng.• Erase Lev.1~4 (Xóa mức 1~4): Số này càng cao thì nền càng mờ nhạt.

Copy Setup (Cài đặt sao chép)

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:





Bấm Copy (Sao chép)  > Menu  > **Copy Setup (Cài đặt sao chép)** trên bảng điều khiển.



Hoặc Menu  > **Copy Setup (Cài đặt sao chép)** trên bảng điều khiển.

Bảng 6-2 Copy Setup (Cài đặt sao chép)

Mục	Mô tả
Change Default (Thay đổi mặc định)	Tùy chọn sao chép có thể được đặt thành các tùy chọn thường dùng nhất.
Auto Tray (Khay tự động)	Tùy chọn này sẽ cài đặt liệu máy có tiếp tục in hay không khi bất kỳ khay nào hết giấy.

Sao chép cơ bản


1. Chọn Copy (sao chép)  > Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** trên bảng điều khiển.
Hoặc chọn Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** trên bảng điều khiển.
2. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
3. Bạn có thể tùy chỉnh các cài đặt sao chép bao gồm **Reduce/Enlarge** (Thu nhỏ/Phóng to), **Darkness** (Độ tối), **Original Type** (Loại tài liệu gốc) và các cài đặt khác bằng cách sử dụng các nút trên bảng điều khiển.
4. Nhập số lượng bản sao bằng cách sử dụng mũi tên hoặc bàn phím số, nếu cần.
5. Bấm Start (Bắt đầu) .

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn cần hủy lệnh sao chép trong khi đang tiến hành, bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  và quá trình sao chép sẽ dừng lại.

Thay đổi cài đặt cho mỗi bản sao





Máy của bạn cung cấp các cài đặt sao chép mặc định để bạn có thể tạo bản sao nhanh chóng và dễ dàng.

GHI CHÚ:

- Nếu bạn bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  hai lần trong khi cài đặt tùy chọn sao chép, tất cả các tùy chọn bạn đã đặt cho lệnh sao chép hiện tại sẽ bị hủy và trở về trạng thái mặc định. Hoặc chúng sẽ tự động trở về trạng thái mặc định sau khi máy hoàn tất bản sao đang tiến hành.
- Cách truy cập menu có thể thay đổi tùy theo kiểu máy.
- Bạn có thể cần bấm **OK** để điều hướng đến menu mức thấp hơn đối với một số kiểu máy.




Darkness (Độ tối)


Nếu bạn có tài liệu gốc có chứa ký hiệu mờ và hình ảnh tối, bạn có thể điều chỉnh độ sáng để tạo bản sao dễ đọc hơn.


1. Chọn Copy (Sao chép)  > Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** > **Darkness (Độ tối)** trên bảng điều khiển.
Hoặc bấm Darkness (Độ tối)  trên bảng điều khiển.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn và bấm **OK**.
Ví dụ: **+5** là sáng nhất và **-5** là tối nhất.
3. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

Original Type (Loại tài liệu gốc)

Cài đặt ban đầu được sử dụng để cải thiện chất lượng sao chép bằng cách chọn tài liệu cho lệnh sao chép hiện tại.

1. Chọn Copy (Sao chép)  > Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** > **Original Type (Loại tài liệu gốc)** trên bảng điều khiển.
Hoặc chọn Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép)** > **Original Type (Loại tài liệu gốc)** trên bảng điều khiển.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn và bấm **OK**.
 - **Text** (Văn bản): Sử dụng cho tài liệu gốc chủ yếu chứa văn bản.
 - **Text/Photo** (Văn bản/Ảnh): Sử dụng cho tài liệu gốc chứa văn bản và hình ảnh kết hợp.

 **GHI CHÚ:** Nếu văn bản trong bản in bị nhòe, hãy chọn **Text** (Văn bản) để có được văn bản rõ ràng.

- **Photo** (Ảnh): Sử dụng khi tài liệu gốc là ảnh.
 - **Map** (Bản đồ): Sử dụng khi tài liệu gốc là bản đồ.
3. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.






Bản sao thu nhỏ hoặc phóng to

Bạn có thể thu nhỏ hoặc phóng to kích thước ảnh sao chép từ 25% đến 400% từ kính máy quét hoặc khay nạp tài liệu.





GHI CHÚ:


- Tính năng này có thể không khả dụng tùy theo kiểu máy hoặc phụ kiện tùy chọn.
- Nếu máy được đặt ở chế độ Eco (Tiết kiệm), tính năng thu nhỏ và phóng to sẽ không khả dụng.

Để chọn từ các kích thước bản sao được xác định trước

1. Chọn Copy (Sao chép)  > Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép) > Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to)** trên bảng điều khiển.
Hoặc chọn Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép) > Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to)**  trên bảng điều khiển.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn và bấm **OK**.
3. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

Để thu phóng bản sao bằng cách nhập tỷ lệ thu phóng trực tiếp

1. Chọn Copy (Sao chép)  > Menu >  > **Copy Feature (Tính năng sao chép) > Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) > Custom (Tùy chỉnh)** trên bảng điều khiển.
Hoặc chọn Menu  > **Copy Feature (Tính năng sao chép) > Reduce/Enlarge (Thu nhỏ/Phóng to) > Custom (Tùy chỉnh)** trên bảng điều khiển.
2. Nhập kích thước bản sao bạn muốn bằng bàn phím số.
3. Bấm **OK** để lưu lựa chọn.
4. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

 **GHI CHÚ:** Khi bạn tạo bản sao thu nhỏ, các vạch đen có thể xuất hiện ở phía dưới cùng của bản sao.

Sao chép thẻ ID


Máy của bạn có thể in tài liệu gốc 2 mặt trên một tờ giấy.

Máy sẽ in một mặt của tài liệu gốc ở nửa trên và mặt còn lại ở nửa dưới của tờ giấy mà không giảm kích thước của tài liệu gốc. Tính năng này hữu ích cho việc sao chép giấy tờ nhỏ như danh thiếp.

GHI CHÚ:

- Phải đặt tài liệu gốc trên kính máy quét để sử dụng tính năng này.
- Nếu máy được đặt ở chế độ Eco (Tiết kiệm), tính năng này sẽ không khả dụng.

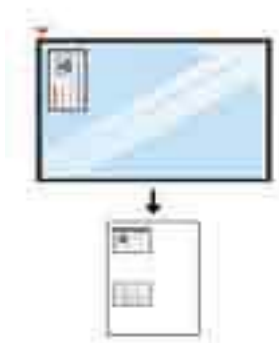
Tùy theo kiểu máy, quy trình thao tác có thể khác nhau.

1. Bấm ID Copy (Bản sao ID)  trên bảng điều khiển.


Hoặc chọn (Menu) > **Copy Feature** (Tính năng sao chép) > **Layout** (Bố cục) > **ID Copy** (Bản sao ID) trên bảng điều khiển.

2. Đặt mặt trước của tài liệu gốc với mặt giấy hướng xuống trên kính máy quét ở vị trí mũi tên như trong hình. Sau đó, đóng nắp máy quét.

 **GHI CHÚ:** Để có ảnh tốt hơn, hãy đóng nắp máy quét và ấn nhẹ nắp máy quét.

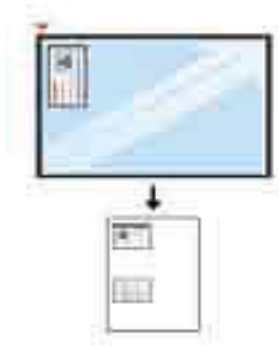


3. **Place Front Side Press [Start]** (Đặt mặt trước rồi bấm [Bắt đầu]) xuất hiện trên màn hình.

4. Bấm Start (Bắt đầu) .

Máy của bạn bắt đầu quét mặt trước và hiển thị **Place Rear Side Press [Start]** (Đặt mặt sau rồi bấm [Bắt đầu]).

5. Lật ngược tài liệu gốc và đặt lên kính máy quét ở vị trí mũi tên như trong hình. Sau đó, đóng nắp máy quét.




6. Bấm nút Start (Bắt đầu) .

Hình 6-1 Mặt trước và mặt sau của thẻ ID




 **GHI CHÚ:**

- Nếu bạn không bấm nút Start (Bắt đầu) , chỉ có mặt trước được sao chép.
 - Nếu tài liệu gốc lớn hơn vùng in, một số phần có thể không được in.
-

7 Quét

Chương này giải thích quy trình quét tài liệu gốc thông thường.

 **GHI CHÚ:** Lệnh quét không thể chạy đồng thời với lệnh in.


- [Quét từ máy](#)
- [Quét từ máy tính](#)
- [Gửi hình ảnh quét đến các đích khác nhau](#)


Quét từ máy

Giới thiệu


Các chủ đề sau đây mô tả cách cài đặt tùy chọn menu Scan (Quét) từ bảng điều khiển và cách quét tài liệu.

Tính năng quét

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

 **GHI CHÚ:** Để nút **Scan To** (Quét vào) hoạt động, bạn phải cài đặt phần mềm HP Scan trên máy tính.

Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Scan (Quét)  > **Scan To PC (Quét vào PC)** trên bảng điều khiển.


Mục	Mô tả
Scan to PC (Scan và gửi đến máy tính)	Chọn đích quét đến một máy tính cục bộ hoặc máy tính nối mạng đã cài đặt phần mềm quét và cấu hình tính năng Scan To (Quét vào) .
Scan to Email (Scan và gửi qua email)	Đặt đích quét vào một email.
Scan to FTP (Scan và gửi đến máy tính)	Đặt đích quét vào máy chủ FTP.
Scan to SMB (Scan và gửi đến máy tính)	Đặt đích quét vào máy chủ SMB.
File Format (Định dạng tệp)	<p>Đặt định dạng tệp để lưu ảnh. Nếu bạn chọn JPEG, TIFF hoặc PDF, bạn có thể chọn quét nhiều trang. Tùy theo loại quét được chọn, tùy chọn này có thể không xuất hiện.</p> <ul style="list-style-type: none">• Multi-Page PDF (PDF nhiều trang): Quét tài liệu gốc thành PDF, nhưng một vài tài liệu gốc được quét thành một tệp.• Single-Page PDF (PDF một trang): Quét tài liệu gốc thành PDF và một vài tài liệu gốc được quét thành các tệp PDF riêng lẻ.• Multi-Page TIFF (PDF nhiều trang): Quét tài liệu gốc thành TIFF (Định dạng tệp hình ảnh được gắn thẻ) nhưng một vài tài liệu gốc được quét thành một tệp.• Single-Page TIFF (PDF một trang): Quét tài liệu gốc thành TIFF (Định dạng tệp hình ảnh được gắn thẻ) và một vài tài liệu gốc được quét thành các tệp TIFF riêng lẻ.• JPEG: Quét tài liệu gốc thành định dạng JPEG. <p>GHI CHÚ: Không thể chọn định dạng tệp JPEG trong tùy chọn File Format (Định dạng tệp), nếu Mono (Đơn sắc) đã được chọn cho Color Mode (Chế độ màu).</p>
Color Mode (Chế độ màu)	<p>Bạn có thể chọn tùy chọn màu của bản quét.</p> <ul style="list-style-type: none">• Color (Màu): Sử dụng màu để hiển thị ảnh. 24 bit/pixel, 8 bit cho mỗi RGB, được sử dụng cho 1 pixel.• Gray (Xám): Sử dụng các mức chuyển màu đen để hiển thị ảnh. 8 bit/pixel.• Mono (Đơn sắc): Hiển thị một hình ảnh ở dạng trắng và đen 1 bit/pixel.

Mục	Mô tả
Darkness (Độ tối)	Điều chỉnh mức độ sáng để quét.
Resolution (Độ phân giải mặc định)	Đặt độ phân giải ảnh.
Original Size (Khổ tài liệu gốc)	Đặt kích thước ảnh.
Original Type (Loại tài liệu gốc)	Đặt loại tài liệu gốc.
Duplex (In hai mặt)	<p>Chọn cho phép máy quét một mặt giấy (1 Sided (1 mặt)), hai mặt giấy (2 Sided (2 mặt)) hoặc hai mặt giấy (2 Sided Rotated (2 mặt xoay)).</p> <ul style="list-style-type: none"> • 1 Sided (1 mặt): Đối với tài liệu gốc chỉ được in trên một mặt. • 2 Sided, Book (2 mặt, sách): Đối với tài liệu gốc được in trên cả hai mặt. • 2 Sided, Calendar (2 mặt, lịch): Đối với tài liệu gốc được in trên cả hai mặt, nhưng mặt sau xoay ngược 180 độ. <p>GHI CHÚ: Nếu tài liệu gốc được đặt trên kính máy quét, máy sẽ hiển thị cửa sổ yêu cầu đặt một trang khác. Nạp tài liệu gốc khác và bấm Yes (Có). Khi bạn hoàn tất, chọn No (Không) cho tùy chọn này.</p>
Email Confirmation (Email xác nhận)	<p>Cài đặt máy để in báo cáo kết quả xác nhận email.</p> <p>GHI CHÚ: Nếu bạn chọn tùy chọn On-Error (Khi có lỗi), máy chỉ in báo cáo khi truyền tín hiệu không thành công.</p>
Server Confirmation (Xác nhận máy chủ)	<p>Cài đặt máy để in báo cáo kết quả xác nhận máy chủ.</p> <p>GHI CHÚ: Nếu bạn chọn tùy chọn On-Error (Khi có lỗi), máy chỉ in báo cáo khi truyền tín hiệu không thành công.</p> <p>Nếu báo cáo có chứa các ký tự hoặc phông chữ mà máy in không hỗ trợ, nội dung Unknown (Không xác định) có thể được in ra thay vì các ký tự/phông chữ trong báo cáo.</p>

Quét từ máy tính

Giới thiệu

Các chủ đề sau đây mô tả một số phương pháp quét tài liệu từ máy quét vào máy tính.

 **GHI CHÚ:** Độ phân giải tối đa có thể đạt được phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm tốc độ máy tính, dung lượng đĩa trống, bộ nhớ, kích thước ảnh quét và cài đặt độ sâu bit. Do đó, tùy theo hệ thống và nội dung quét, bạn có thể không quét được ở một số độ phân giải nhất định, đặc biệt là khi sử dụng dpi nâng cao.

- [Scan to PC \(Quét vào PC\)](#)
- [Quét từ Phần mềm HP Scan](#)
- [Quét từ chương trình chỉnh sửa ảnh](#)
- [Quét bằng trình điều khiển WIA](#)
- [Quét qua WSD](#)

Scan to PC (Quét vào PC)

Bộ cài đặt phần mềm đầy đủ HP LaserJet MFP M438, M440, M442, M443 bao gồm HP Scan Application. Ứng dụng HP Scan sẽ kích hoạt nút **Scan To (Quét vào)** trên bảng điều khiển máy in.

Ứng dụng HP Scan bao gồm tiện ích **Scan to PC Setup (Cài đặt Quét vào PC)** để cấu hình cài đặt quét được sử dụng khi quét xong bằng cách sử dụng nút **Scan To (Quét vào)** trên bảng điều khiển máy in.

Cấu hình cài đặt quét bằng tiện ích Scan to PC Setup (Cài đặt Quét vào PC)

1. Mở tiện ích **Scan to PC Setup (Cài đặt Quét vào PC)**:
 - a. Chọn biểu tượng **Windows** ở góc dưới bên trái màn hình.
 - b. Chọn **All Programs (Tất cả chương trình)**.
 - c. Chọn thư mục **HP** hoặc **HP LaserJet Printers (Máy in HP LaserJet)**.
 - d. Chọn ứng dụng **HP MFP Scan to PC Setup**.
2. Chọn máy in của bạn từ danh sách trong tiện ích **Scan to PC Setup (Cài đặt Quét vào PC)**, rồi bấm nút **Properties (Thuộc tính)**. Các cài đặt sau đây có sẵn:
 - **Profile Name (Tên cấu hình)** - Đây là tên hiển thị trên bảng điều khiển máy in để xác định và chọn cấu hình.
 - **Scan Settings (Cài đặt quét)**
 - Color Mode (Chế độ màu)
 - Resolution (Độ phân giải)

Original Size (Kích thước gốc)

Duplex (In hai mặt)

- Save Settings (Cài đặt lưu)

Save Location (Vị trí lưu)


File Format (Định dạng tệp)

Action After Saving (Thao tác sau khi lưu)

3. Bấm nút **OK** để lưu cài đặt.

Scan to PC (Quét vào PC)

1. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
2. Chạm vào **Scan To PC** (Quét vào PC) trên bảng điều khiển.
3. Chọn **ID** của máy tính đã đăng ký và nhập **Password** (Mật khẩu) nếu cần.
4. Chọn tùy chọn bạn muốn rồi chạm vào **OK**.
5. Quá trình quét bắt đầu.

 **GHI CHÚ:** Ảnh quét sẽ được lưu vào C:\Users\users name\My Documents\Scan. Thư mục lưu có thể thay đổi tùy theo hệ điều hành hoặc ứng dụng bạn đang sử dụng.

Quét từ Phần mềm HP Scan

Giải pháp phần mềm đầy đủ của sản phẩm có sẵn tại hp.com, bao gồm ứng dụng quét tuân thủ TWAIN.

1. Mở Ứng dụng HP Scan:
 - a. Bấm nút **Start** (Bắt đầu).
 - b. Bấm **All Programs** (Tất cả chương trình).
 - c. Nhấp vào **HP** hoặc **HP LaserJet Printers (Máy in HP LaserJet)**.
 - d. Nhấp **HP MFP Scan**.
2. Sử dụng tính năng **Quick Scan** (Quét nhanh), **Advanced Scan** (Quét nâng cao) hoặc **Configuration** (Cấu hình) để quét tài liệu hoặc điều chỉnh cài đặt quét.

Quét từ chương trình chỉnh sửa ảnh

Bạn có thể quét và nhập tài liệu trong phần mềm chỉnh sửa ảnh như Adobe Photoshop, nếu phần mềm tuân thủ TWAIN. Thực hiện theo các bước dưới đây để quét bằng phần mềm tuân thủ TWAIN:


1. Đảm bảo máy đã được kết nối với máy tính của bạn và bật nguồn.
2. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
3. Mở một ứng dụng, chẳng hạn như Adobe Photoshop.

4. Bấm **File** (Tập) > **Import** (Nhập) và chọn thiết bị quét.
5. Đặt tùy chọn quét.
6. Quét và lưu ảnh quét.

Quét bằng trình điều khiển WIA

Máy của bạn hỗ trợ trình điều khiển Thu nhận ảnh Windows (WIA) để quét ảnh. WIA là một trong các thành phần chuẩn được cung cấp bởi Microsoft Windows và hoạt động với máy quét và máy ảnh kỹ thuật số. Không giống như trình điều khiển TWAIN, trình điều khiển WIA cho phép bạn quét và dễ dàng điều chỉnh ảnh mà không cần sử dụng phần mềm bổ sung:


1. Đảm bảo máy đã được kết nối với máy tính của bạn và bật nguồn.
2. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
3. Mở một ứng dụng tuân thủ WIA, ví dụ như Microsoft Paint, rồi thực hiện như sau:
 - a. Chọn **File** (Tập)
 - b. Chọn **From Scanner or Camera** (Từ máy quét hoặc máy ảnh).
 - c. Chọn **M438/M440/M442/M443 Scan**.
4. Từ màn hình **WIA Scan** (Quét WIA), chọn **Flatbed** (Sàn phẳng) hoặc **Document Feeder** (Khay nạp tài liệu) làm **Paper Source** (Nguồn giấy).

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng khay nạp tài liệu làm nguồn giấy, **File Type** (Loại tệp) và **Page Size** (Kích thước trang) phải được cấu hình trong menu **Settings** (Cài đặt).

5. Bấm nút **Scan** (Quét).

Quét qua WSD

Quét tài liệu gốc và lưu dữ liệu quét vào máy tính kết nối nếu máy tính hỗ trợ tính năng WSD (Dịch vụ web cho thiết bị). Để sử dụng tính năng WSD, bạn cần cài đặt trình điều khiển máy in WSD trên máy tính. Đối với Windows, bạn có thể cài đặt trình điều khiển WSD thông qua **Control Panel** (Bảng điều khiển) > **Devices and Printers** (Thiết bị và máy in) > **Add a printer** (Thêm máy in). Bấm **Add a network printer** (Thêm máy in mạng) từ trình hướng dẫn.

 **QUAN TRỌNG:** Để sử dụng tính năng WSD, máy tính phải bật **Network Discovery** (Khám phá mạng), **File and Print Sharing** (Chia sẻ tệp và máy in).

 **GHI CHÚ:**

- Phải bật **Device Discovery** (Phát hiện thiết bị) và **File and Print Sharing** (Chia sẻ tệp và máy in) trên máy tính để WSD có thể hoạt động.
 - Nếu không hỗ trợ giao diện mạng, máy sẽ không thể sử dụng tính năng này.
 - Tính năng WSD chỉ hoạt động với máy tính chạy phiên bản Windows Vista® trở lên và tuân thủ WSD.
 - Các bước cài đặt sau đây dựa trên máy tính Windows.
-

Cài đặt trình điều khiển máy in WSD


1. Chọn **Start** (Bắt đầu) > **Control Panel** (Bảng điều khiển) > **Devices and Printers** (Thiết bị và máy in) > **Add a printer** (Thêm máy in).
2. Bấm **Add a network, wireless or Bluetooth printer** (Thêm máy in mạng, không dây hoặc Bluetooth) từ trình hướng dẫn.
3. Trong danh sách máy in, chọn máy in bạn muốn sử dụng, rồi bấm **Next** (Tiếp theo).


GHI CHÚ:

- Địa chỉ IP của máy in WSD là `http://IP address/ws/` (ví dụ: `http:// 111.111.111.111/ws/`).
- Nếu không có máy in WSD nào hiển thị trong danh sách, hãy bấm **The printer that I want isn't listed** (Máy in tôi muốn không được liệt kê) > **Add a printer using a TCP/IP address or hostname** (Thêm máy in bằng địa chỉ TCP/IP hoặc tên máy chủ) và chọn **Web Services Device** (Thiết bị dịch vụ web) từ **Device type** (Loại thiết bị). Sau đó nhập địa chỉ IP của máy in.

-
4. Thực hiện theo hướng dẫn trong cửa sổ cài đặt.

Quét bằng tính năng WSD


1. Đảm bảo máy đã được kết nối với máy tính của bạn và bật nguồn.
2. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
3. Chọn Scan (Quét)  > **Scan To WSD (Quét vào PC)** trên bảng điều khiển.

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn thấy thông báo **Not Available** (Không khả dụng), hãy kiểm tra kết nối cổng. Hoặc kiểm tra trình điều khiển máy in để đảm bảo WSD được cài đặt đúng.

4. Chọn tên máy tính của bạn từ **Destination List** (Danh sách đích).
5. Chọn tùy chọn bạn muốn và bấm **OK**.
6. Quá trình quét bắt đầu.

Gửi hình ảnh quét đến các đích khác nhau

Các chủ đề sau đây cung cấp thông tin để cài đặt và gửi các hình ảnh quét bằng cách sử dụng email hoặc máy chủ FTP/SMB.


 **GHI CHÚ:** M438n không hỗ trợ các tính năng quét và gửi qua email hoặc máy chủ FTP/SMB. Máy sẽ hiển thị thông báo sau đây **Feature is not supported (Tính năng không được hỗ trợ)** khi người sử dụng nhấn vào nút Address Book (sổ địa chỉ).

- [Thiết lập tài khoản email.](#)
- [Scan và gửi email](#)
- [Thiết lập máy chủ FTP/SMB](#)
- [Quét và gửi đến máy chủ FTP/SMB](#)



Thiết lập tài khoản email.

1. Mở trình duyệt web và nhập địa chỉ IP của máy in trong cửa sổ trình duyệt để truy cập vào máy chủ web nhúng (EWS). Để biết hướng dẫn, hãy xem [Truy cập cài đặt bằng Máy chủ web nhúng \(EWS\) thuộc trang 78.](#)
2. Thiết lập các thông số mạng, SMTP và cài đặt email trong cài đặt mạng. Để biết hướng dẫn, hãy xem [Cài đặt tài khoản email thuộc trang 79.](#)


Scan và gửi email

 **GHI CHÚ:** Để quét và gửi một hình ảnh dưới dạng tập tin đính kèm email, hãy đảm bảo cấu hình cài đặt mạng trong EWS.

Đảm bảo cáp mạng được kết nối với máy.

1. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
2. Chọn Scan (Quét)  > **Scan To Email (Quét và gửi qua email)** trên bảng điều khiển.
3. Chọn cài đặt độ phân giải bạn muốn và bấm **OK**.
4. Nhập địa chỉ email của người gửi và người nhận.
5. Nhập chủ đề email và bấm **OK**.
6. Bấm Start (Bắt đầu) .
7. Máy sẽ bắt đầu scan, sau đó gửi email.



Thiết lập máy chủ FTP/SMB

 **GHI CHÚ:** Để quét và gửi hình ảnh tới máy chủ đích, hãy đảm bảo lập cấu hình các cài đặt mạng trong EWS.

Đảm bảo cáp mạng được kết nối với máy.

1. Mở trình duyệt web và nhập địa chỉ IP của máy in trong cửa sổ trình duyệt để truy cập vào máy chủ web nhúng (EWS). Để biết hướng dẫn, hãy xem [Truy cập cài đặt bằng Máy chủ web nhúng \(EWS\) thuộc trang 78](#).
2. Cài đặt thông số mạng trong cài đặt mạng. Để biết hướng dẫn, hãy xem [Cài đặt máy chủ đích thuộc trang 79](#).


Quét và gửi đến máy chủ FTP/SMB

1. Đảm bảo rằng máy được kết nối với mạng.
2. Đặt một tài liệu trên kính đặt tài liệu với mặt giấy hướng xuống hoặc nạp nhiều tài liệu vào khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.
3. Chọn Scan (Quét)  > Scan To FTP (Quét và gửi đến FTP) hoặc (Quét và gửi đến SMB) trên bảng điều khiển.
4. Chọn máy chủ, cài đặt quét bạn muốn và bấm OK.
5. Bấm Start (Bắt đầu) .
6. Máy sẽ bắt đầu scan, sau đó gửi hình ảnh đã scan đến máy chủ được chỉ định.


8 Hệ thống và các cài đặt khác

- [Cài đặt máy](#)
- [Cài đặt giấy](#)
- [Báo cáo](#)
- [Bảo trì](#)
- [Cài đặt mạng](#)
- [Truy cập cài đặt bằng Máy chủ web nhúng \(EWS\)](#)

Cài đặt máy

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.


Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Machine Setup (Cài đặt máy)** trên bảng điều khiển.

Mục	Mô tả
Date & Time (Ngày & thời gian)	Đặt ngày và thời gian.
Clock Mode (Chế độ đồng hồ)	Chọn định dạng hiển thị thời gian giữa 12 giờ và 24 giờ.
Language (Ngôn ngữ)	Đặt ngôn ngữ của văn bản xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển.
Power Save (Tiết kiệm điện)	Đặt thời gian máy chờ trước khi chuyển sang chế độ tiết kiệm điện. Khi máy không nhận dữ liệu trong một thời gian dài, mức tiêu thụ điện sẽ tự động giảm xuống.
Wakeup Event (Sự kiện đánh thức)	Khi tùy chọn này là "On" (Bật), bạn có thể đánh thức máy từ chế độ tiết kiệm điện bằng các thao tác sau đây: <ul style="list-style-type: none">• Nạp giấy vào khay.• Mở hoặc đóng nắp trước.• Kéo khay ra hoặc đẩy khay vào.
Auto Power Off (Tự động tắt nguồn)	Tự động tắt nguồn khi máy đã ở chế độ tiết kiệm điện trong khoảng thời gian được đặt trong Auto Power Off (Tự động tắt nguồn) > On (Bật) > Timeout (Thời gian chờ) . GHI CHÚ: <ul style="list-style-type: none">• Để bật lại máy, bấm nút (Power / Wake Up) (Nguồn / Đánh thức) trên bảng điều khiển.• Nếu bạn chạy trình điều khiển máy in hoặc HP Scan Application, thời gian này sẽ tự động kéo dài.• Trong khi máy được nối mạng hoặc đang xử lý một lệnh in, tính năng Auto Power Off (Tự động tắt nguồn) không hoạt động.
System Timeout (Thời gian chờ hệ thống)	Đặt thời gian máy ghi nhớ cài đặt sao chép đã sử dụng trước đó. Khi hết thời gian chờ, máy sẽ khôi phục cài đặt sao chép mặc định.
Job Timeout (Thời gian chờ lệnh)	Đặt khoảng thời gian máy in chờ trước khi in trang cuối cùng của một lệnh in không kết thúc bằng chỉ thị in trang này.
Altitude Adjustment (Điều chỉnh độ cao)	Tối ưu hóa chất lượng in theo độ cao của máy.
Humidity (Độ ẩm)	Tối ưu hóa chất lượng in theo độ ẩm môi trường.

Mục	Mô tả
OPC Cleaning (Làm sạch OPC)	<p>Sử dụng chế độ OPC khi đầu bản in mờ hoặc nhạt màu sử dụng giấy Century, thường là 297mm.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Automatic (Tự động): Sử dụng tùy chọn này để thực hiện việc Làm sạch OPC cho mỗi 1.000 trang theo thời gian bắt đầu được chỉ định. • Off (Tắt): Đây là tùy chọn mặc định. <p>GHI CHÚ: Tính năng này không thể chọn được nếu không có giấy trong khay hoặc khi xảy ra lỗi trong máy.</p>
Auto Continue (Tự động tiếp tục)	<p>Xác định liệu máy có tiếp tục in hay không khi phát hiện giấy không khớp với cài đặt giấy.</p> <ul style="list-style-type: none"> • 0 Sec (0 giây): Tùy chọn này cho phép bạn tiếp tục in khi khổ giấy bạn đặt không khớp với giấy trong khay. • 30 Sec (30 giây): Nếu xảy ra lỗi giấy không khớp, một thông báo lỗi sẽ hiển thị. Máy sẽ chờ khoảng 30 giây, rồi tự động xóa thông báo và tiếp tục in. • Off (Tắt): Nếu xảy ra lỗi giấy không khớp, máy sẽ chờ đến khi bạn nạp đúng giấy.
Auto Tray Switch (Chuyển khay tự động)	<p>Xác định liệu máy có tiếp tục in hay không khi phát hiện giấy không khớp. Ví dụ, nếu Khay 2 chứa giấy có cùng kích thước, máy sẽ tự động in từ Khay 2 sau khi Khay 1 hết giấy.</p> <p>GHI CHÚ: Tùy chọn này không xuất hiện nếu bạn đã chọn Auto (Tự động) cho Paper Source (Nguồn giấy) từ trình điều khiển máy in.</p>
Paper Substitution (Thay thế giấy)	<p>Tự động thay thế kích thước giấy của trình điều khiển máy in để tránh lỗi không khớp giữa Letter và A4. Ví dụ: nếu bạn có giấy A4 trong khay nhưng bạn đặt kích thước giấy là Letter trong trình điều khiển máy in, máy sẽ in trên giấy A4 và ngược lại.</p>
Tray Protection (Bảo vệ khay)	<p>Quyết định sử dụng hoặc không sử dụng tính năng Auto Tray Switch (Chuyển khay tự động).</p> <p>Ví dụ: nếu bạn đặt Khay 2 thành On (Bật) thì Khay 2 bị loại trừ khỏi quá trình chuyển khay.</p> <p>GHI CHÚ: Cài đặt này hoạt động trong lệnh sao chép hoặc in.</p>
Eco Settings (Cài đặt tiết kiệm)	<p>Cho phép bạn tiết kiệm tài nguyên in và in theo cách thân thiện với môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Default Mode (Chế độ mặc định): Chọn bật hoặc tắt chế độ Eco (Tiết kiệm). • Select Template (Chọn mẫu): Chọn bộ mẫu tiết kiệm từ EWS.

Cài đặt giấy


 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Paper Setup (Cài đặt giấy)** trên bảng điều khiển.

Mục	Mô tả
Paper Size (Kích thước giấy)	Chọn kích thước giấy cho mỗi khay. Kích thước này phải khớp với kích thước giấy trong khay.
Paper Type (Loại giấy)	Chọn loại giấy cho mỗi khay.
Paper Select (Chọn giấy)	Chọn khay giấy mặc định cho tác vụ Copy (Sao chép) và Print (In).
Margin (Lề)	Đặt lề mặc định cho tất cả các tác vụ in.
Tray Confirmation (Xác nhận khay)	Nếu xác nhận khay được đặt, thông báo xác nhận sẽ tự động xuất hiện khi bạn nạp giấy vào khay trống. Máy sẽ tự động phát hiện một số kích thước và loại giấy. Bạn có thể xác nhận hoặc thay đổi kích thước/loại phát hiện được từ cửa sổ xác nhận.

Báo cáo


 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Report (Báo cáo)** trên bảng điều khiển.

Mục	Mô tả
Configuration (Cấu hình)	In báo cáo về cấu hình tổng thể của máy.
Demo Page (Trang thử nghiệm)	In trang thử nghiệm để kiểm tra xem máy của bạn có in đúng hay không.
Network Configuration (Cấu hình mạng)	In thông tin về kết nối mạng và cấu hình của máy.
Supplies Information (Thông tin vật tư)	In thông tin về vật tư.
Usage Counter (Bộ đếm lượng sử dụng)	In trang về lượng sử dụng. Trang lượng sử dụng có chứa tổng số trang đã in.
Account (Tài khoản)	In báo cáo của người sử dụng máy.
PCL Font (Phông chữ PCL)	In danh sách phông chữ PCL.
PS Font (Phông chữ PCL)	In danh sách phông chữ PS.

Bảo trì


 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:


Bấm Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Maintenance (Bảo trì)** trên bảng điều khiển.

Mục	Mô tả
Supplies Life (Tuổi thọ vật tư)	Hiển thị chỉ báo tuổi thọ vật tư.
Image Mar. (Trình quản lý ảnh)	Cho phép bạn điều chỉnh các cài đặt màu như đăng ký màu, mật độ màu, v.v.
Toner Low Alert (Cảnh báo sắp hết mực)	Bật/tắt Cảnh báo sắp hết mực.
OPC Unit Low Alert (Cảnh báo sắp hết mực trong OPC)	Bật/tắt Cảnh báo sắp hết mực trong OPC.
Serial Number (Số sê-ri)	Hiển thị số sê-ri của máy. Khi bạn gọi đến bộ phận dịch vụ hoặc đăng ký làm người dùng trên trang web, bạn có thể tìm thấy thông tin này.
Paper Stacking (Xếp chồng giấy)	Nếu bạn sử dụng máy ở khu vực ẩm ướt hoặc sử dụng phương tiện in ẩm ướt do độ ẩm cao, bản in trên khay giấy ra có thể bị quăn và không được xếp chồng đúng cách. Trong trường hợp này, bạn có thể cài đặt máy sử dụng chức năng này để cho phép các bản in xếp chồng chắc chắn. Nhưng sử dụng chức năng này sẽ làm giảm tốc độ in.

Cài đặt mạng

 **GHI CHÚ:** Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.

Để thay đổi tùy chọn menu:

Bấm Menu  > **Network (Mạng)** trên bảng điều khiển.

Tùy chọn	Mô tả
TCP/IP (IPv4)	Chọn giao thức phù hợp và cấu hình thông số để sử dụng môi trường mạng. GHI CHÚ: Có rất nhiều thông số cần cài đặt. Nếu bạn không chắc chắn, hãy để nguyên hoặc tham khảo ý kiến của quản trị viên mạng.
TCP/IP (IPv6)	Chọn tùy chọn này để sử dụng môi trường mạng thông qua IPv6.
Ethernet	Cấu hình cổng hoặc tốc độ truyền mạng. GHI CHÚ: Tắt và bật nguồn sau khi bạn thay đổi tùy chọn này.
Protocol Management (Quản lý giao thức)	HTTP Bạn có thể đặt sử dụng hoặc không sử dụng Dịch vụ web. GHI CHÚ: Tắt và bật nguồn sau khi bạn thay đổi tùy chọn này thành Off (Tắt).
	WINS Bạn có thể cấu hình máy chủ WINS. WINS (Dịch vụ tên Internet Windows) được sử dụng trong hệ điều hành Windows.
	SNMP V1/V2 Bạn có thể đặt SNMP (Giao thức quản lý mạng đơn giản). Quản trị viên có thể sử dụng SNMP để theo dõi và quản lý các máy trên mạng.
	UPnP(SSDP) Bạn có thể đặt giao thức UPNP. GHI CHÚ: Tắt và bật nguồn sau khi bạn thay đổi tùy chọn này thành Off (Tắt).
	MDNS Bạn có thể cài đặt mDNS (Hệ thống tên miền truyền đa hướng).
Network Configuration (Cấu hình mạng)	Danh sách này hiển thị thông tin về kết nối mạng và cấu hình của máy.
Clear Settings (Xóa cài đặt)	Hoàn nguyên cài đặt mạng về giá trị mặc định. GHI CHÚ: Tắt và bật nguồn sau khi bạn thay đổi tùy chọn này.

Truy cập cài đặt bằng Máy chủ web nhúng (EWS)

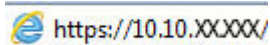
MFP nối mạng có sẵn Máy chủ web nhúng để xem và sửa đổi cài đặt máy in.

Để biết thêm thông tin về EWS, hãy truy cập <http://support.hp.com>.


Truy cập EWS

Sử dụng các bước sau đây để mở EWS:

1. In trang cấu hình để lấy địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy in.
2. Mở trình duyệt web và trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên trang cấu hình. Nhấn phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.




Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy bấm **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không khuyến nghị)).

 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không khuyến nghị)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

Sửa đổi cài đặt trong EWS


EWS hiển thị cài đặt máy in ở dạng xem "Chỉ đọc" theo mặc định. Người dùng phải đăng nhập vào EWS để thay đổi bất kỳ cài đặt nào. Sử dụng các bước sau đây để đăng nhập vào EWS:

1. Bấm nút **Sign In (Đăng nhập)** ở góc trên bên phải của trang EWS.
2. Type (Loại) `admin` cho cả **ID** và **Password (Mật khẩu)**.

 **GHI CHÚ:** Quản trị viên nên cài đặt lần đầu **ID** và **Password (Mật khẩu)** và người dùng phải nhập đúng **ID** và **Password (Mật khẩu)** để đăng nhập vào EWS.

Cài đặt và quản lý các tài khoản trong EWS

Tính năng **Job Accounting (Kế toán lệnh)** được bật trong EWS. Bạn có thể quản lý tài khoản và cho phép người sử dụng đăng nhập bằng cách nhập ID và mật khẩu.

 **GHI CHÚ:** **Scan to WSD (Quét vào WSD)** không hỗ trợ tính năng **Job Accounting (kế toán lệnh)** khi tính năng này được bật, do Windows không hỗ trợ ID kế toán lệnh/Mật khẩu cho các lệnh này.

Các lệnh trình điều khiển UPD bị hủy bỏ trong máy khi tùy chọn **Standard Accounting (Kế toán theo tiêu chuẩn)** được chọn hoặc chế độ tài khoản được đặt là "Bật" trong máy.


Hãy thực hiện theo các bước sau để bật tùy chọn **Job Accounting (Kế toán lệnh)**:

1. Truy cập EWS, và sau đó nhấp vào nút **Sign In (Đăng nhập)** trong phần phía trên bên phải của trang EWS.
2. Nhập đúng **ID** và **Password (Mật khẩu)** để đăng nhập vào EWS.
3. Trong EWS, nhập vào tab **Security (Bảo mật)**.


- Trong ngăn dẫn hướng bên trái, chọn **Accounting (kế toán)** và sau đó nhấp vào tùy chọn **Accounting methods (Phương pháp kế toán)**.
- Chọn tùy chọn **Standard Accounting (kế toán theo tiêu chuẩn)**.

Có hai tùy chọn cho Kế toán lệnh:

- No Accounting (Không tính toán):** Khi tùy chọn này được chọn, tính năng Job Accounting (Kế toán lệnh) bị tắt.
 - Standard Accounting (Tính toán tiêu chuẩn):** Khi tùy chọn này được chọn, người dùng có thể chọn chế độ "ID/Password" (ID/Mật khẩu) hoặc chế độ "ID only" (Chỉ ID).
- Nhấp vào **Add button (nút Thêm)** để thêm một ID tài khoản người dùng.

 **GHI CHÚ:** Tính năng Kế toán theo tiêu chuẩn hỗ trợ tối đa 200 người dùng.

Cài đặt tài khoản email


 **GHI CHÚ:** Đảm bảo rằng mạng được kết nối với máy in.

Bạn có thể cài đặt một Sổ địa chỉ trong EWS và quản lý 200 số liên lạc cá nhân và 200 nhóm trong sổ địa chỉ.

Hãy thực hiện theo các bước sau để thiết lập tài khoản email:

- Truy cập EWS, và sau đó nhấp vào nút **Sign In (Đăng nhập)** trong phần phía trên bên phải của trang EWS.
- Nhập đúng **ID** và **Password (Mật khẩu)** để đăng nhập vào EWS.
- Nhấp vào tab **Settings (Cài đặt)**, sau đó chọn **Network Settings (Cài đặt mạng) > SMTP**.
- Nhập địa chỉ IP ở dạng thập phân có dấu chấm hoặc tên máy chủ.
- Nhập số cổng máy chủ, từ 1 đến 65535.
- Chọn hộp kiểm cạnh **SMTP Requires Authentication (SMTP yêu cầu xác thực)** để yêu cầu xác thực.
- Nhập tên và mật khẩu đăng nhập cho máy chủ SMTP.
- Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.

Cài đặt máy chủ đích

 **GHI CHÚ:** Đảm bảo rằng mạng được kết nối với máy in.

Hãy thực hiện theo các bước sau để thiết lập tài khoản email:

- Truy cập EWS, và sau đó nhấp vào nút **Sign In (Đăng nhập)** trong phần phía trên bên phải của trang EWS.
- Nhập đúng **ID** và **Password (Mật khẩu)** để đăng nhập vào EWS.
- Nhấp vào tab **Address Book (Sổ địa chỉ)**, sau đó chọn **Individual (Cá nhân) > Add (Thêm)**.
- Chọn hộp kiểm bên cạnh **Add FTP (Thêm FTP)** hoặc **Add SMB (Thêm SMB)**.

5. Nhập địa chỉ IP ở dạng thập phân có dấu chấm hoặc tên máy chủ.
6. Nhập số cổng máy chủ, từ 1 đến 65535.
7. Chọn hộp kiểm bên cạnh **Anonymous (chưa xác định)**, để bật quyền truy cập từ máy chủ cho người dùng chưa xác thực.
8. Nhập tên và mật khẩu đăng nhập.
9. Nhập tên miền nếu máy chủ của bạn được nối với miền cụ thể, nếu không, chỉ cần nhập tên máy tính đã đăng ký SMB.
10. Nhập đường dẫn để lưu lại hình ảnh đã scan.



GHI CHÚ: Thư mục để lưu lại hình ảnh đã scan phải nằm trong thư mục gốc.

Cần phải thiết lập thuộc tính thư mục là thư mục dùng chung.

Tên người dùng phải có quyền đọc và ghi thư mục.

11. Nhấp vào nút **Apply (Áp dụng)**.

9 Bảo trì

Chương này cung cấp thông tin về việc mua vật tư, phụ kiện và bộ phận bảo trì sẵn có cho máy của bạn.

- [Đặt mua vật tư và phụ kiện](#)
- [Vật tư tiêu hao có sẵn](#)
- [Các phụ kiện có sẵn](#)
- [Các bộ phận bảo trì có sẵn](#)
- [Bảo quản vật tư tiêu hao](#)
- [Phân phối lại bột mực](#)
- [Lắp đặt hộp mực](#)
- [Lắp đặt bộ tạo ảnh](#)
- [Theo dõi tuổi thọ vật tư](#)
- [Đặt cảnh báo sắp hết mực](#)
- [Vệ sinh máy](#)
- [Cập nhật chương trình cơ sở](#)

Đặt mua vật tư và phụ kiện





GHI CHÚ: Các phụ kiện có sẵn có thể thay đổi tùy theo quốc gia/khu vực. Liên hệ với đại diện bán hàng của bạn để lấy danh sách vật tư và bộ phận bảo trì có sẵn.


Vật tư tiêu hao có sẵn

Khi vật tư hết tuổi thọ, bạn có thể đặt mua các vật tư sau đây cho máy của bạn:

Loại	Mô tả	Số bộ phận
Hộp mực	Hộp mực màu đen thay thế có công suất chuẩn	W1335A
	Hộp mực màu đen thay thế có công suất cao	W1335X
Bộ tạo ảnh	Trống hình thay thế	CF257A


 **GHI CHÚ:** Tùy theo các tùy chọn, phần trăm diện tích ảnh và chế độ in được sử dụng, tuổi thọ của hộp mực có thể khác nhau.

 **CẢNH BÁO!** Khi mua hộp mực mới hoặc vật tư khác, phải mua ở cùng một quốc gia/khu vực giống như máy bạn đang sử dụng. Nếu không, hộp mực mới hoặc vật tư khác sẽ không tương thích với máy của bạn do cấu hình khác nhau của hộp mực và vật tư khác theo điều kiện cụ thể của quốc gia/khu vực.

 **THẬN TRỌNG:** HP không khuyến nghị sử dụng hộp mực HP không chính hãng như mực in được nạp lại hoặc tái chế. HP không thể đảm bảo chất lượng của hộp mực HP không chính hãng. Công việc bảo dưỡng hoặc sửa chữa xảy ra do sử dụng hộp mực HP không chính hãng sẽ không được bao gồm trong bảo hành của máy.

Các phụ kiện có sẵn

Bạn có thể mua phụ kiện để nâng cao hiệu năng và công suất của máy. Các phụ kiện này phải được lắp đặt bởi nhà cung cấp dịch vụ, đại lý hoặc nhà bán lẻ được HP ủy quyền tại nơi bạn mua máy. Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền đặt hàng phụ kiện.

 **GHI CHÚ:** Một số tính năng và phụ kiện tùy chọn có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực.

Phụ kiện	Chức năng
Khay tùy chọn	Nếu bạn thường xuyên gặp vấn đề về nguồn cấp giấy, bạn có thể gắn bổ sung khay giấy 250 ^a tờ.
Tùy chọn RADF ^b	Đảo ngược khay nạp tài liệu tự động.

^a Giấy thường 80 g/m² (20 lb giấy bông).

^b Đối với các kiểu máy có tùy chọn RADF, cần phải cài đặt CarePack và có thể khác nhau tùy thuộc vào quốc gia/khu vực mua hoặc kiểu máy cụ thể.

Các bộ phận bảo trì có sẵn

Để mua bộ phận bảo trì, hãy liên hệ nơi bạn mua máy. Việc thay thế bộ phận bảo trì chỉ có thể được thực hiện bởi nhà cung cấp dịch vụ, đại lý hoặc nhà bán lẻ được ủy quyền tại nơi bạn mua máy. Bảo hành không bao gồm việc thay thế bất kỳ bộ phận bảo trì nào khi bộ phận đó đã đạt mức "Hiệu suất trung bình".

Các bộ phận bảo trì được thay thế theo từng khoảng thời gian cụ thể để tránh xảy ra vấn đề về chất lượng in và nạp giấy do bộ phận bị hao mòn, xem bảng dưới đây. Mục đích của việc này là để giữ cho máy luôn ở điều kiện vận hành tốt nhất. Các bộ phận bảo trì dưới đây nên được thay thế khi hết tuổi thọ.

Bộ phận	Hiệu suất trung bình ^a
Trục lăn truyền	Xấp xỉ 100.000 trang
Cụm sấy	Xấp xỉ 100.000 trang
Trục lăn lấy giấy của Khay 1 đa năng	Xấp xỉ 100.000 trang
Trục lăn lấy giấy của Khay 2	Xấp xỉ 100.000 trang
Đệm ma sát Khay 1 đa năng	Xấp xỉ 50.000 trang
Đệm ma sát Khay 2	Xấp xỉ 50.000 trang
Trục lăn của Khay nạp tài liệu (ADF)	Xấp xỉ 100.000 trang
Cao su của Khay nạp tài liệu (ADF)	Xấp xỉ 50.000 trang

^a Điều này sẽ bị ảnh hưởng bởi hệ điều hành được sử dụng, hiệu năng máy tính, phần mềm ứng dụng, phương pháp kết nối, phương tiện, kích thước phương tiện và độ phức tạp của lệnh.

Bảo quản vật tư tiêu hao

Vật tư tiêu hao chứa các thành phần nhạy cảm với ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm. HP đề nghị người dùng thực hiện theo các khuyến nghị này để đảm bảo hiệu năng tối ưu, chất lượng cao nhất và tuổi thọ dài nhất cho vật tư tiêu hao mới của HP.

Bảo quản vật tư tiêu hao trong cùng một môi trường nơi máy in được sử dụng. Nên bảo quản trong môi trường được kiểm soát nhiệt độ và độ ẩm. Nên giữ nguyên vật tư tiêu hao trong bao bì gốc và không mở ra đến khi lắp đặt.

Nếu vật tư tiêu hao bị tháo khỏi máy in, hãy làm theo hướng dẫn dưới đây để bảo quản bộ tạo ảnh đúng cách.


- Bảo quản hộp mực bên trong túi bảo vệ trong bao bì gốc.
- Bảo quản ở vị trí nằm phẳng (không dựng đứng) với mặt hướng lên giống như khi lắp vào máy.
- Không bảo quản vật tư tiêu hao trong bất kỳ môi trường nào sau đây:
 - Nhiệt độ trên 40°C (104°F).
 - Phạm vi độ ẩm dưới 20% hoặc trên 80%.
 - Môi trường có sự dao động nhiệt độ hoặc độ ẩm quá mức.
 - Tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời hoặc ánh sáng trong phòng.
 - Nơi nhiều bụi.
 - Xe hơi trong thời gian dài.
 - Môi trường nơi có khí ăn mòn.
 - Môi trường có khí mặn.

Hướng dẫn xử lý bộ tạo ảnh

- Mở bao bì bộ tạo ảnh trước khi sử dụng sẽ làm giảm đáng kể thời gian sử dụng và thời gian vận hành của bộ tạo ảnh. Không để trên sàn nhà.
- Nếu không có bao bì gốc, hãy dùng giấy che phủ khe hở trên cùng của bộ tạo ảnh và cất vào tủ tối.
- Không chạm vào bề mặt trống quang dẫn trong bộ tạo ảnh.
- Không để bộ tạo ảnh tiếp xúc với rung chấn hoặc va đập không cần thiết.
- Tuyệt đối không xoay trống thủ công, đặc biệt là theo chiều ngược lại; vì điều này có thể gây ra hư hỏng bên trong và làm đổ mực.

Sử dụng hộp mực

HP không khuyến nghị sử dụng các hộp mực không phải của HP, dù là còn mới hay đã tái chế.

 **GHI CHÚ:** Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực không phải của HP hoặc hộp mực được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực không phải của HP hoặc hộp mực được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

Tuổi thọ ước tính của hộp mực


Thời gian sử dụng hộp mực in là giá trị ước chừng, dựa trên số trang giấy A4/Letter trung bình với độ phủ mực theo tiêu chuẩn ISO. Giá trị hiệu suất hộp mực được công bố theo đúng tiêu chuẩn ISO/IEC 19798. Hiệu suất thực tế có thể thay đổi đáng kể tùy theo số lượng hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.


Phân phối lại bột mực

Khi hộp mực gần hết tuổi thọ:

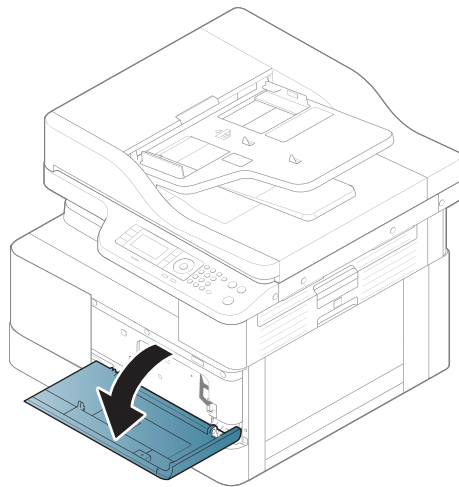
- Xuất hiện sọc trắng hoặc bản in nhạt màu và/hoặc mật độ không đồng đều giữa các mặt giấy.
- Đèn LED trạng thái nhấp nháy màu đỏ. Thông báo cho biết sắp hết mực in có thể xuất hiện trên màn hình.
- Cửa sổ chương trình Printing Status (Trạng thái in) của máy tính xuất hiện trên máy tính để cho biết hộp mực sắp hết mực.

Nếu điều này xảy ra, bạn có thể tạm thời cải thiện chất lượng in bằng cách phân phối lại bột mực còn lại trong hộp mực. Trong một số trường hợp, sọc trắng hoặc bản in nhạt màu vẫn tiếp tục xuất hiện ngay cả khi bạn đã phân phối lại bột mực.

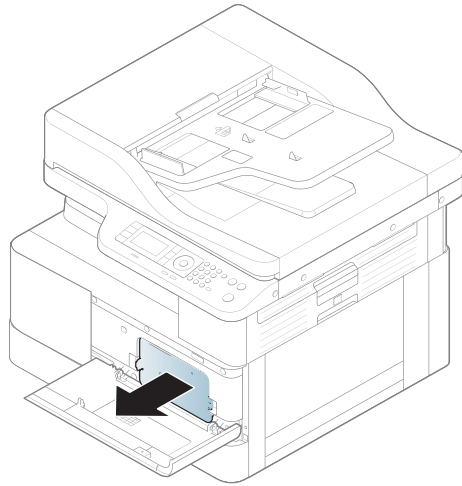
 **GHI CHÚ:** Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn.

 **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

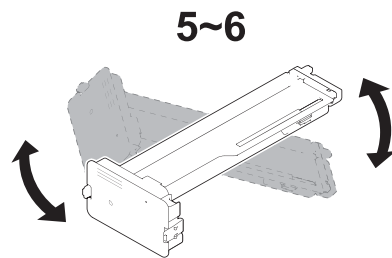
1.



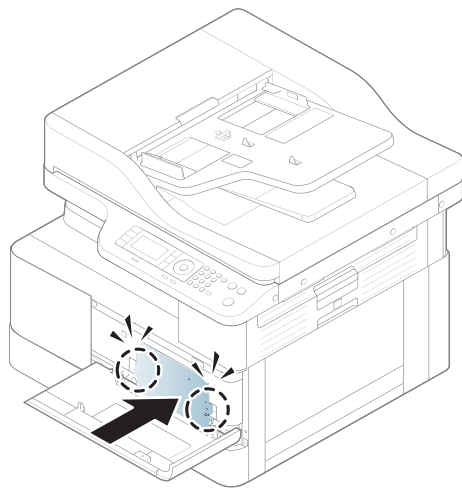
2.



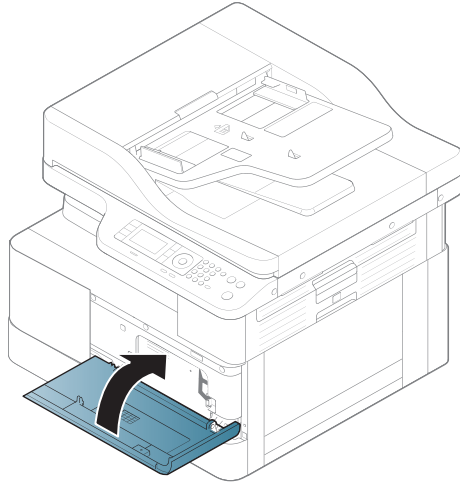
3.



4.



5.



Lắp đặt hộp mực

1. Lấy hộp mực ra khỏi bao bì vận chuyển.



CHỈ DẪN: Giữ cố định nắp màu cam. Nút này cần thiết để thay thế hộp mực.

2. Cầm hộp mực như trong hình và xoay vòng hộp mực từ đầu này sang đầu khác để phân phối lại bột mực trong hộp mực.



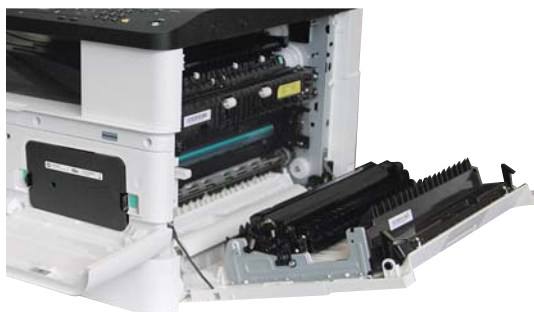
3. Kéo mảnh giấy màu đỏ hoặc cam và tháo hẳn ra.



4. Căn chỉnh hộp mực với khe hở và đẩy cho đến khi hộp mực khớp vào vị trí. Một tiếng "click" sẽ phát ra để cho biết hộp mực đã khớp vào vị trí.



5. Đóng cửa trước và cửa phải.



Lắp đặt bộ tạo ảnh

⚠ THẬN TRỌNG: Để cửa trước và cửa phải mở cho đến khi tất cả các bước lắp đặt đã hoàn tất.

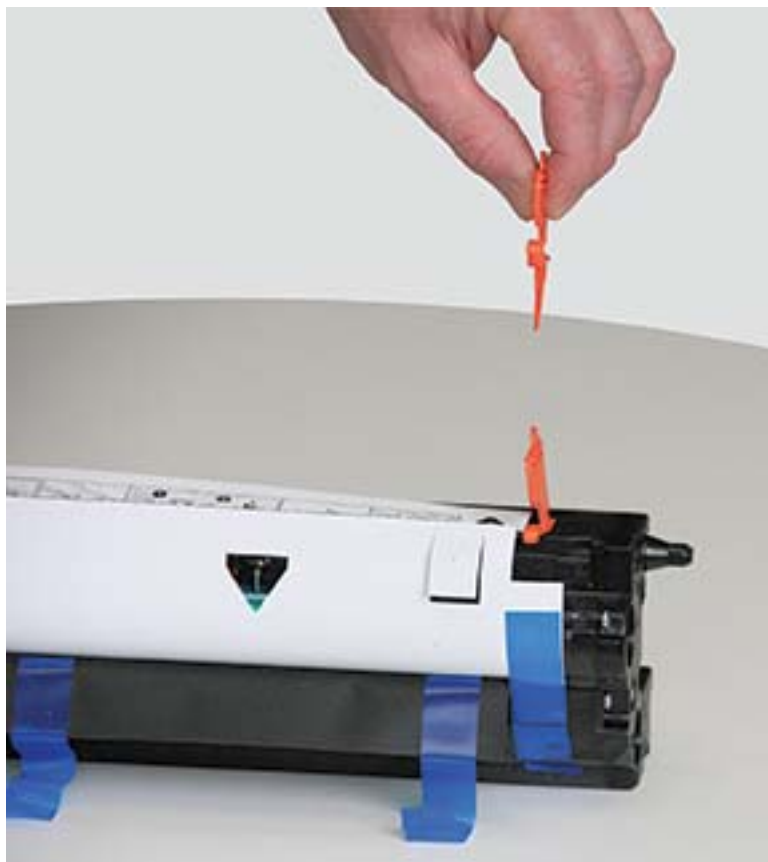
1. Lấy bộ tạo ảnh ra khỏi bao bì vận chuyển và đặt lên mặt phẳng sạch sẽ.



2. Tháo lỏng băng keo vận chuyển từ phía dưới và hai bên.



3. Tháo khoá vận chuyển màu cam ra khỏi bộ tạo ảnh.



4. Gỡ bỏ băng keo vận chuyển còn lại và kéo tấm bảo vệ ra khỏi bộ tạo ảnh.



⚠ THẬN TRỌNG: Không chạm vào bề mặt trục lăn trống lộ ra ngoài.



📝 GHI CHÚ: Không để bộ tạo ảnh tiếp xúc với ánh sáng lâu hơn vài phút.

5. Tháo nắp màu cam ở phía sau bộ tạo ảnh



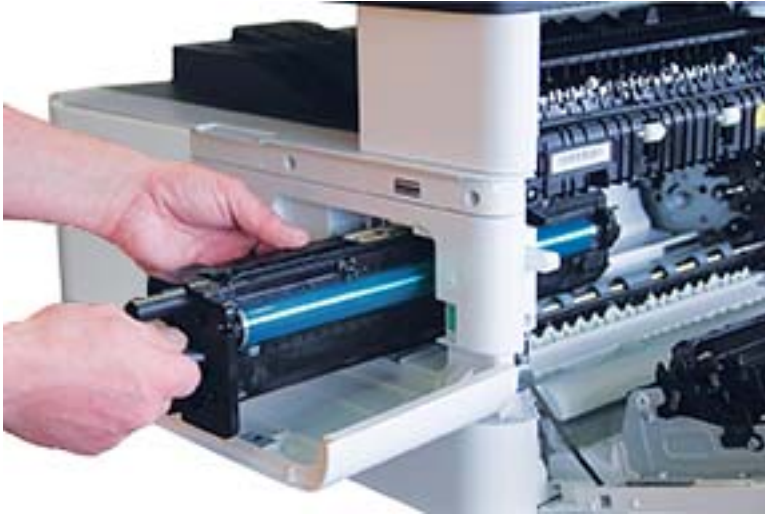
⚠ THẬN TRỌNG: Sau khi tháo nắp, bộ tạo ảnh phải giữ nguyên vị trí nằm ngang. Mực bên trong có thể đổ ra nếu bộ tạo ảnh bị nghiêng.


6. Với cửa phải và cửa trước **mở hoàn toàn**, cẩn thận nâng bộ tạo ảnh vào vị trí, sao cho đáy của bộ tạo ảnh thẳng hàng với thanh căn chỉnh nhô lên bên trong thùng máy in như minh họa.



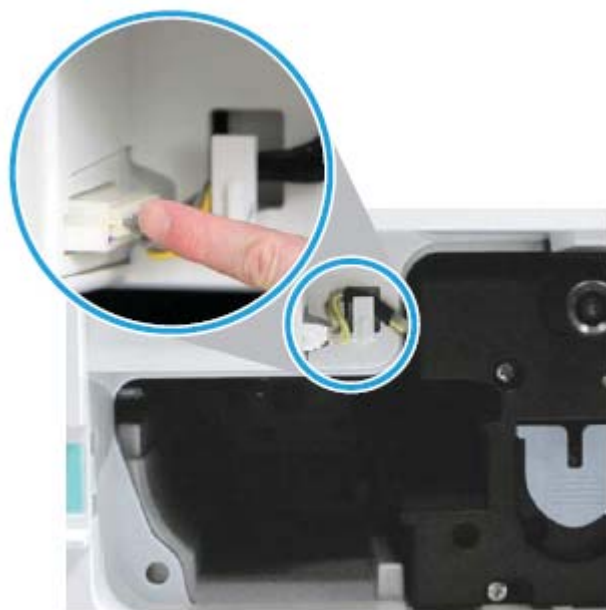
⚠ THẬN TRỌNG: Không chạm vào bề mặt trục lăn trống lộ ra ngoài.

7. Lắp đặt và đảm bảo bộ tạo ảnh khớp hoàn toàn vào vị trí.



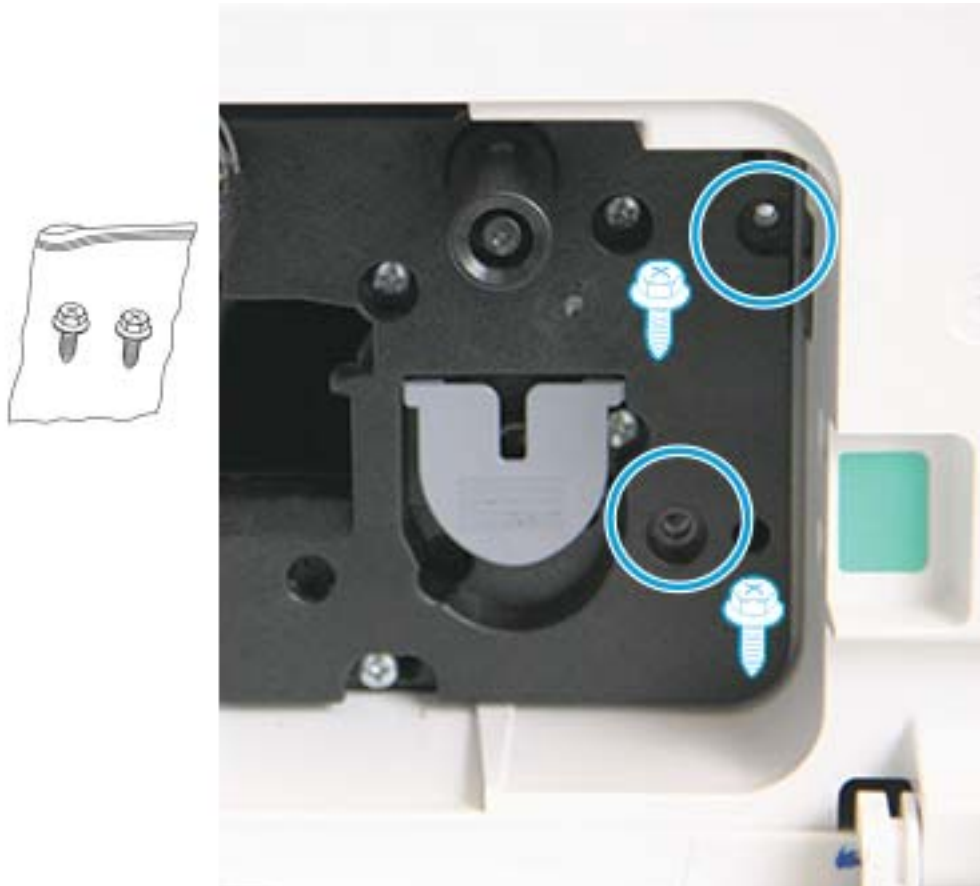
 **GHI CHÚ:** Nếu bộ tạo ảnh bị kẹt hoặc không trượt dễ dàng vào thùng máy, xác nhận rằng cửa phải đang mở hoàn toàn, căn chỉnh lại bộ tạo ảnh rồi lắp đặt.

8. Kết nối cáp điện như trong hình và móc cáp vào giá giữ như trong hình.

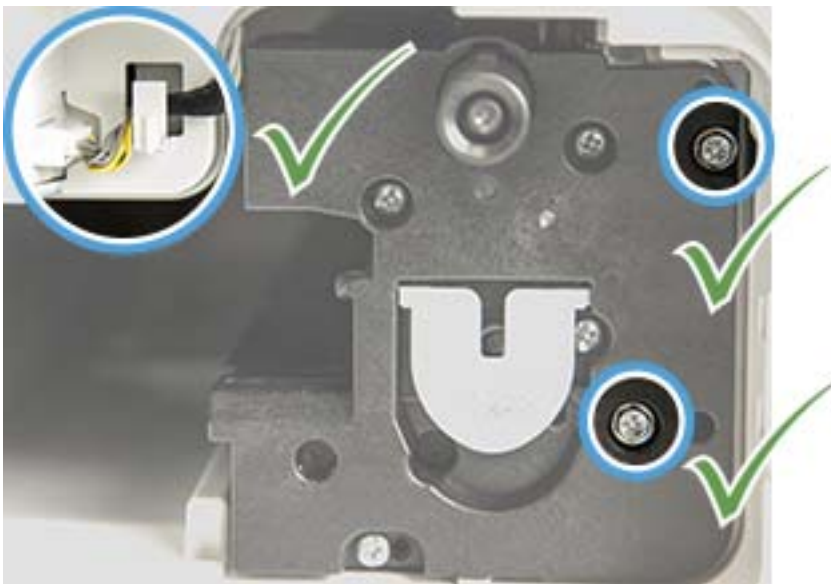


⚠ THẬN TRỌNG: Đảm bảo đầu nối khớp hoàn toàn vào ổ cắm.

9. Lắp hai vít như trong hình.





10. Đảm bảo đầu nối điện được cắm và khớp hoàn toàn vào vị trí. Đảm bảo hai vít được lắp chắc chắn.



Theo dõi tuổi thọ vật tư

Nếu bạn thường xuyên bị kẹt giấy hoặc gặp sự cố in, hãy kiểm tra số trang mà máy đã in hoặc quét. Thay thế bộ phận tương ứng, nếu cần.


GHI CHÚ:

- Một số menu có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Nếu điều này xảy ra, nó sẽ không áp dụng cho máy của bạn.
 - Bạn có thể cần bấm **OK** để điều hướng đến menu mức thấp hơn đối với một số kiểu máy.
1. Chọn Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Maintenance (Bảo trì)** > **Supplies Life (Tuổi thọ vật tư)** trên bảng điều khiển.
 2. Chọn tùy chọn bạn muốn và bấm **OK**.
 3. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

Đặt cảnh báo sắp hết mực

Nếu lượng mực trong hộp mực sắp hết, một thông báo hoặc đèn LED yêu cầu người dùng thay đổi hộp mực sẽ xuất hiện. Bạn có thể đặt tùy chọn cho phép thông báo hoặc đèn LED này xuất hiện hoặc không xuất hiện.

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cần bấm **OK** để điều hướng đến menu mức thấp hơn đối với một số kiểu máy.

1. Chọn Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Maintenance (Bảo trì)** > **Toner Low Alert (Cảnh báo sắp hết mực)** trên bảng điều khiển.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn.
3. Bấm **OK** để lưu lựa chọn.

Vệ sinh máy

Nếu vấn đề về chất lượng in xảy ra hoặc nếu bạn sử dụng máy trong môi trường nhiều bụi bẩn, bạn cần thường xuyên vệ sinh máy để giữ cho máy luôn ở điều kiện in tốt nhất và sử dụng máy lâu hơn.

THẬN TRỌNG:

- Vệ sinh thùng máy bằng các chất liệu vệ sinh chứa một lượng lớn cồn, dung môi hoặc các chất mạnh khác có thể làm đổi màu hoặc làm biến dạng thùng máy.
- Nếu máy hoặc khu vực xung quanh bị bẩn do bột mực, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng khăn vải hoặc khăn giấy nhúng ẩm bằng nước để lau chùi. Nếu bạn sử dụng máy hút bụi, bột mực sẽ bay trong không khí và có thể gây hại cho bạn.

Vệ sinh bên ngoài

Vệ sinh thùng máy bằng vải mềm, không xơ. Làm ẩm vải bằng một ít nước, nhưng cẩn thận không để nước nhỏ giọt lên máy hoặc vào trong máy.

Vệ sinh bên trong

Trong quá trình in, giấy, mực và các hạt bụi có thể tích tụ bên trong máy. Sự tích tụ này có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in, chẳng hạn như các vết mực hoặc vết bẩn. Vệ sinh bên trong máy để làm sạch máy và giảm các vấn đề này.

THẬN TRỌNG:

- Để tránh làm hư hộp mực, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Dùng một mảnh giấy để che phủ hộp mực, nếu cần.
- Không chạm vào khu vực màu xanh lá cây của hộp mực. Sử dụng tay cầm trên hộp mực để tránh chạm vào khu vực này.
- Sử dụng vải khô không xơ khi vệ sinh bên trong máy, cẩn thận không làm hỏng trực tiếp truyền hoặc các bộ phận bên trong khác. Không sử dụng các dung môi như benzen hoặc chất pha loãng. Vấn đề về chất lượng in có thể xảy ra và gây hư hỏng cho máy.

GHI CHÚ:

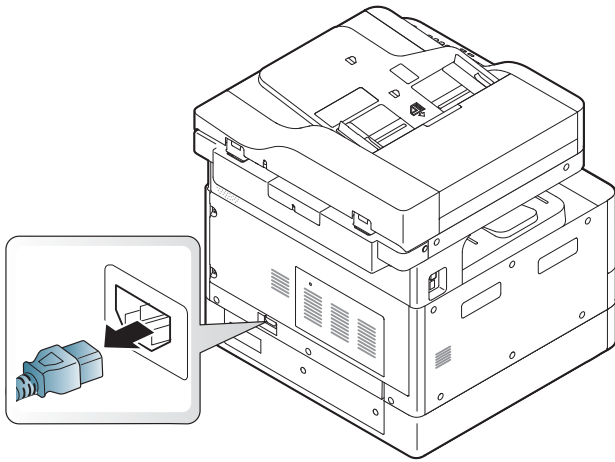
- Sử dụng vải khô không xơ để lau chùi máy.
- Tắt máy và rút dây nguồn. Chờ máy nguội xuống.
- Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn.

Vệ sinh trực lẫn

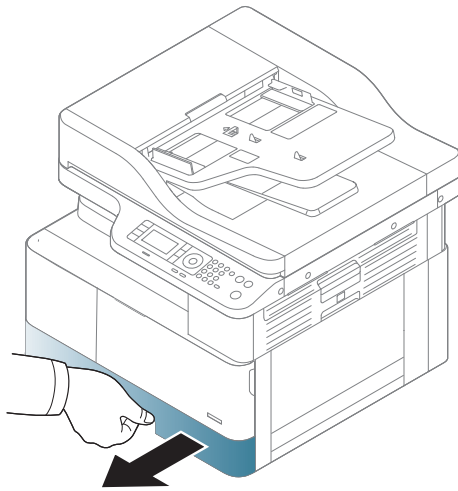
GHI CHÚ:

- Tắt máy và rút dây nguồn. Chờ máy nguội xuống.
- Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn.

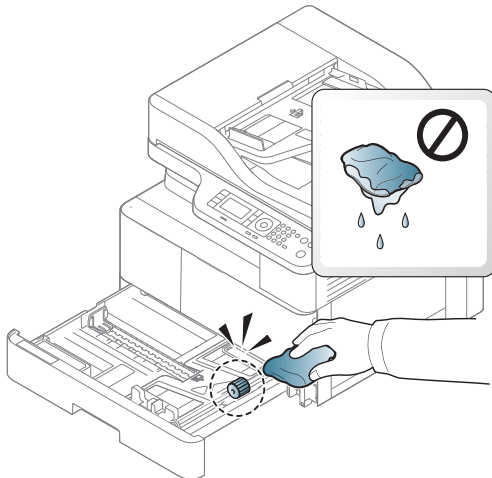
1.



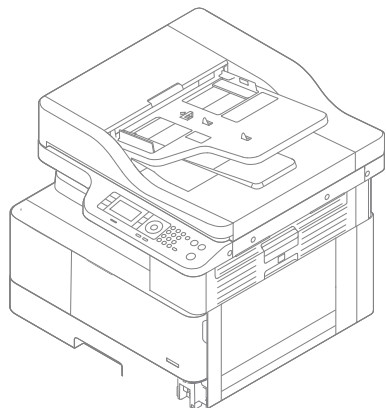
2.



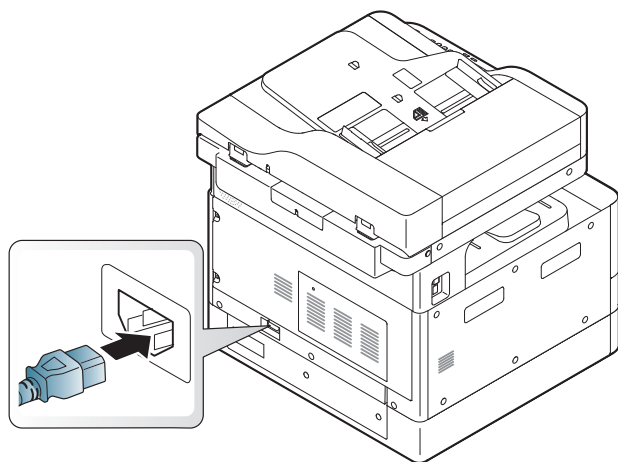
3.



4.

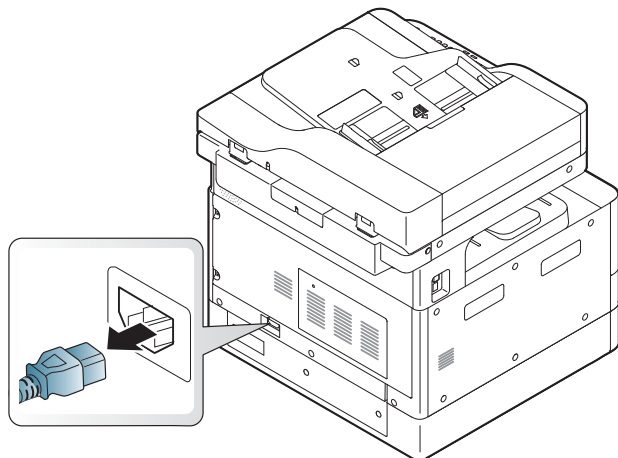


5.

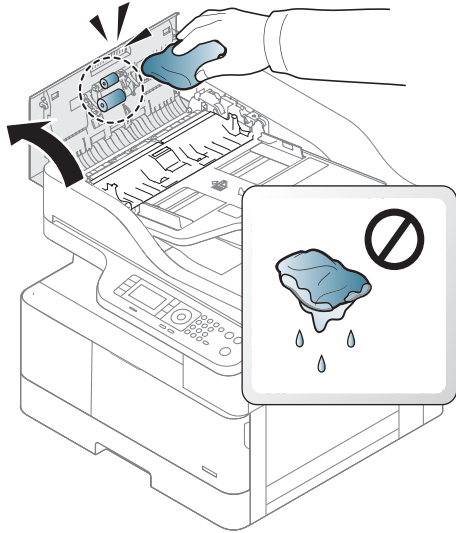


Chỉ dành cho các kiểu M438nda, M440nda, M443nda

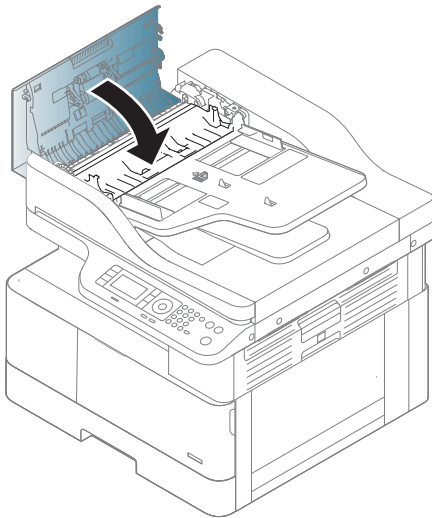
1.



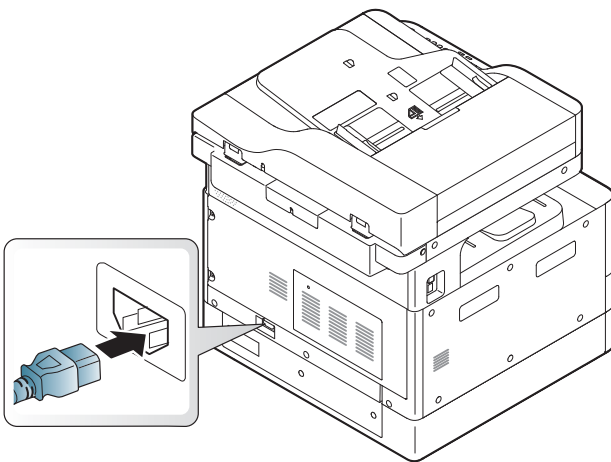
2.



3.



4.



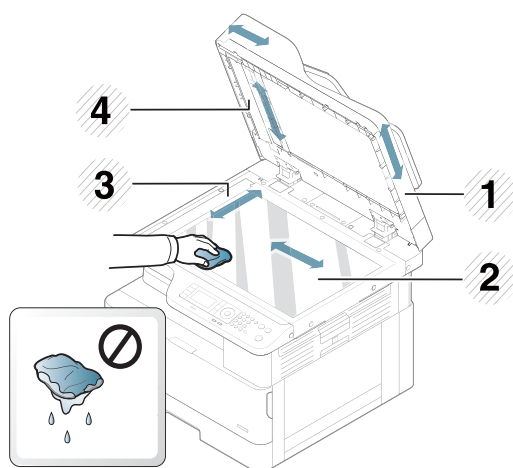
Vệ sinh bộ quét

Giữ vệ sinh bộ quét sẽ giúp đảm bảo chất lượng bản sao tốt nhất có thể. Chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh bộ quét vào đầu mỗi ngày và trong ngày nếu cần.

GHI CHÚ:

- Tắt máy và rút dây nguồn. Chờ máy nguội xuống.
- Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy của bạn, tùy theo các tùy chọn hoặc kiểu máy. Kiểm tra loại máy của bạn

1. Làm ẩm khăn mềm không xơ hoặc khăn giấy bằng một ít nước.
2. Nâng và mở nắp máy quét.
3. Lau sạch bề mặt của máy quét đến khi sạch sẽ và khô ráo.



- 1 Nắp máy quét
- 2 Kính máy quét
- 3 Kính khay nạp tài liệu
- 4 Thanh trắng

4. Đóng nắp máy quét.

Cập nhật chương trình cơ sở

Các bước sau đây giải thích cách tải xuống và cập nhật chương trình cơ sở trên máy in.

Bước một: Tải xuống chương trình cơ sở từ HP.com


1. Đi tới www.hp.com/support, chọn **Software and Drivers** (Phần mềm và trình điều khiển), gõ tên máy in vào trường tìm kiếm, bấm **Find** (Tìm), sau đó chọn kiểu máy từ danh sách kết quả tìm kiếm.
2. Nếu hệ điều hành không được phát hiện tự động, hãy chọn hoặc thay đổi hệ điều hành.
3. Trong phần **Firmware** (Chương trình cơ sở) hoặc **Firmware-system** (Hệ thống chương trình cơ sở), hãy định vị tệp Firmware Update Utility (Tiện ích cập nhật chương trình cơ sở).
4. Bấm **Download** (Tải xuống) và lưu tệp vào một vị trí như thư mục Desktop (Màn hình nền) hoặc Downloads (Tải xuống).
5. Mở vị trí lưu tệp chương trình cơ sở, bấm chuột phải vào tệp .zip, rồi giải nén tệp.




Bước hai: Cập nhật chương trình cơ sở

Làm theo các bước thích hợp để kết nối cáp USB hoặc kết nối mạng có dây.

Phương pháp một: Cập nhật chương trình cơ sở cho máy in kết nối bằng USB (Windows XP/Vista/7/8/8.1/10)


Sử dụng phương pháp này để cập nhật chương trình cơ sở nếu máy in được kết nối với máy tính bằng cáp USB.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng phương pháp này, bạn phải cài đặt trình điều khiển hoặc giải pháp phần mềm đầy đủ.


1. Đảm bảo máy in được kết nối với máy tính bằng cáp USB và có thể sao chép hoặc in thành công.
2. Tắt máy in.
3. Bấm và giữ nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  trên bảng điều khiển thiết bị.
4. Bật máy in, bấm giữ nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  cho đến khi bảng điều khiển hiển thị thông báo sau đây: **Download mode, press stop or cancel key (Chế độ tải xuống, bấm phím stop (dừng) hoặc cancel (hủy))**.
5. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  lần nữa để vào Emergency Mode (Chế độ khẩn cấp). Thông báo **Wait Image (Chờ hình ảnh)** xuất hiện trên bảng điều khiển.
6. Trên máy tính của bạn, điều hướng đến thư mục có chứa các tệp đã tải xuống từ HP.com.
7. Chọn tệp chương trình cơ sở *.hd, sau đó kéo và thả tệp này vào tệp usblast2.exe. Bản cập nhật chương trình cơ sở sẽ tự động khởi động trên máy in.
8. Sau khi hoàn tất, bản cập nhật chương trình cơ sở sẽ tự động khởi động lại máy in.
9. In trang cấu hình để xác nhận phiên bản chương trình cơ sở đã cài đặt sau quá trình cập nhật.

Phương pháp hai: Cập nhật chương trình cơ sở cho máy in nối mạng


Sử dụng phương pháp này để cập nhật chương trình cơ sở nếu máy in được kết nối với máy tính qua mạng có dây.

 **GHI CHÚ:** Để sử dụng phương pháp này, bạn phải sử dụng trình duyệt máy tính để mở Máy chủ web nhúng (EWS).

1. In trang cấu hình để lấy địa chỉ IP hoặc tên máy chủ của máy in.
2. Mở trình duyệt web và trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên trang cấu hình. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

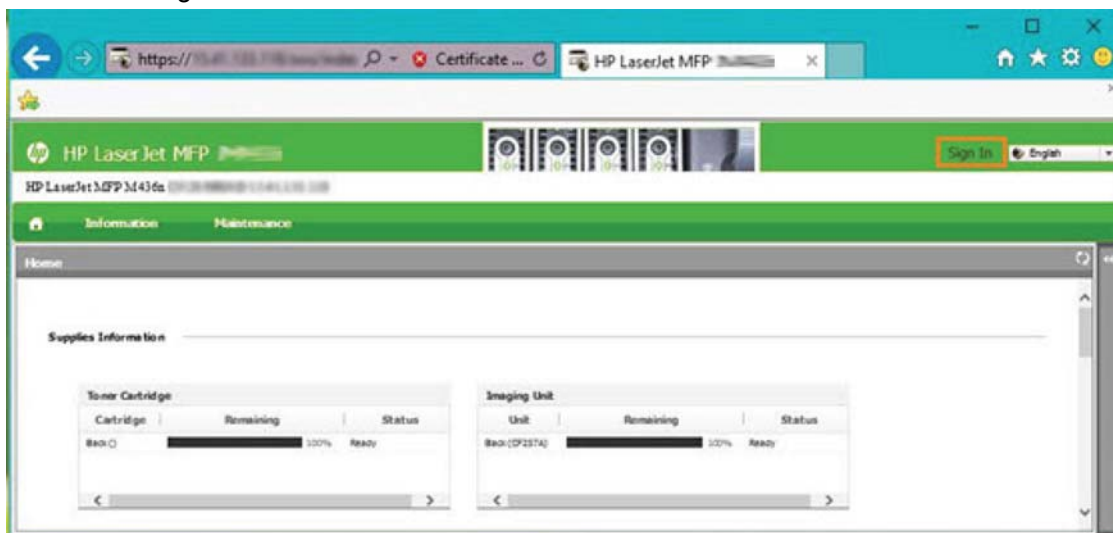
 <https://10.10.XX.XX/>

Nếu Trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng chỉ bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, hãy bấm **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không khuyến nghị)).


 **GHI CHÚ:** Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web này (không khuyến nghị)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho máy in HP.

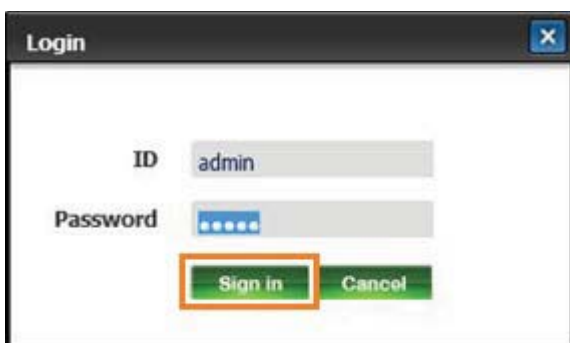
3. Chọn **Sign In** (Đăng nhập) ở góc trên bên phải của trang EWS

Hình 9-1 Trang EWS



4. Nhập Username (Tên người dùng) và Password (Mật khẩu) của bạn.

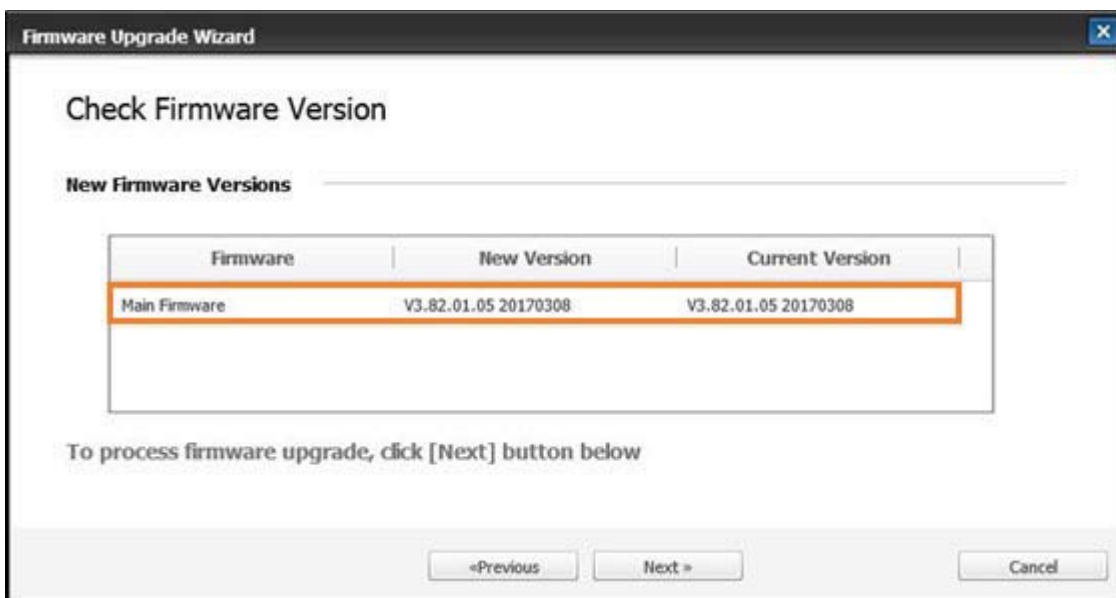
 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chưa tạo mật khẩu cho EWS, hãy nhập thông tin đăng nhập mặc định `admin` (quản trị viên) cho cả **Username** (Tên đăng nhập) và **Password** (Mật khẩu).




5. Chọn tab **Maintenance** (Bảo trì).
6. Chọn nút **Upgrade Wizard** (Trình hướng dẫn nâng cấp).

 **GHI CHÚ:** Nếu bạn chưa đăng nhập vào EWS, nút này sẽ không có sẵn.

7. Chọn **Browse** (Duyệt) và duyệt đến vị trí bạn trích xuất tệp.
8. Chọn tệp chương trình cơ sở và bấm **Open (Mở)**.
9. Chọn **Next** (Tiếp theo) rồi chờ trình hướng dẫn xác nhận chương trình cơ sở.
10. Khi được nhắc, hãy kiểm tra phiên bản chương trình cơ sở, chọn **Next** (Tiếp theo) và chờ chương trình cơ sở tải lên máy in.



11. Chờ đến khi quá trình lập trình chương trình cơ sở hoàn tất và máy in khởi động lại.

 **GHI CHÚ:** Quá trình này sẽ mất vài phút. Không đóng cửa sổ trình duyệt hoặc ngắt liên lạc cho đến khi Máy chủ web nhúng HP (EWS) hiển thị trang xác nhận.

12. Làm theo các hướng dẫn trên màn hình còn lại để hoàn tất quá trình cài đặt.
13. In trang cấu hình để xác nhận phiên bản chương trình cơ sở đã cài đặt sau quá trình cập nhật.

10 Cài đặt hữu ích

Chương này giải thích cách duyệt xem trạng thái hiện tại của máy và phương pháp cài đặt máy nâng cao.

- [Cài đặt ban đầu của máy](#)
- [Cài đặt máy cơ bản](#)
- [Điều chỉnh độ cao](#)


Cài đặt ban đầu của máy

Sau khi thiết lập máy in và kết nối máy in với cáp nguồn, hãy thực hiện theo các bước sau để thiết lập mật khẩu:

1. Chọn quốc gia của bạn từ danh sách các quốc gia.

 **GHI CHÚ:** Tùy theo đất nước được chọn, hệ thống sẽ chọn ngôn ngữ.


2. Nhập mã số pin tám chữ số dưới dạng mật khẩu, sau đó nhập lại mật khẩu để xác nhận mật khẩu.



 **GHI CHÚ:** Nếu mật khẩu không hợp lệ, thông báo lỗi “Invalid input (Mục nhập không hợp lệ)” sẽ hiển thị trên màn hình. Bấm nút **OK**.


Cài đặt máy cơ bản

Để thay đổi cài đặt mặc định của máy, hãy làm theo các bước sau:

 **GHI CHÚ:** Bạn có thể cần bấm **OK** để điều hướng đến menu mức thấp hơn đối với một số kiểu máy.

1. Chọn Menu  > **System Setup (Cài đặt hệ thống)** > **Machine Setup (Cài đặt máy)** trên bảng điều khiển.
2. Chọn tùy chọn bạn muốn, rồi bấm **OK**.

 **GHI CHÚ:** Khi bạn bấm nút (Power/Wake Up) (Nguồn/Đánh thức)  hoặc bắt đầu in, máy sẽ thức dậy từ chế độ tiết kiệm điện.

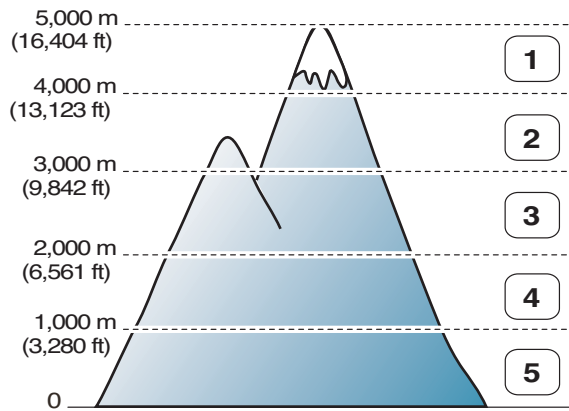
3. Chọn tùy chọn bạn muốn, rồi bấm **OK**.
4. Bấm **OK** để lưu lựa chọn.
5. Bấm nút Stop/Clear (Dừng/Xóa)  để quay lại chế độ sẵn sàng.

Cài đặt máy in cũng có sẵn để xem/sửa đổi trong EWS.

Điều chỉnh độ cao

Chất lượng in bị ảnh hưởng bởi áp suất khí quyển, vốn được xác định bởi độ cao của máy so với mực nước biển. Thông tin sau đây sẽ hướng dẫn bạn cách cài đặt máy để có chất lượng in tốt nhất.

Trước khi bạn đặt giá trị độ cao, hãy xác định độ cao hiện tại của bạn.



1	High 4 (Cao 4)
2	High 3 (Cao 3)
3	High 2 (Cao 2)
4	High 1 (Cao 1)
5	Normal (Thường)

Bạn có thể đặt độ cao trong tùy chọn **System Setup** (Cài đặt hệ thống) trên màn hình của máy.

11 Xử lý sự cố


Chương này cung cấp thông tin hữu ích về hành động cần thực hiện nếu bạn bị lỗi.

- [Vấn đề nạp giấy](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Tìm hiểu về đèn LED trạng thái](#)
- [Tìm hiểu về thông báo hiển thị](#)
- [Vấn đề về kết nối điện và cáp](#)
- [Vấn đề khi in](#)
- [Vấn đề về chất lượng in](#)
- [Vấn đề khi sao chép](#)
- [Vấn đề khi quét](#)
- [Các vấn đề về hệ điều hành](#)

Vấn đề nạp giấy

Bảng dưới đây mô tả các vấn đề nạp giấy thường gặp và giải pháp đề xuất cho mỗi vấn đề.

Vấn đề	Giải pháp đề xuất
Giấy dính vào nhau.	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra sức chứa giấy tối đa của khay.• Đảm bảo bạn đang sử dụng đúng loại giấy.• Lấy giấy ra khỏi khay và uốn cong giấy.• Môi trường ẩm có thể khiến một số loại giấy dính vào nhau.
Nhiều tờ giấy không nạp vào máy.	Các loại giấy khác nhau có thể được xếp chồng lên nhau trong khay. Chỉ nạp giấy thuộc cùng một loại, kích thước và trọng lượng.
Giấy không nạp vào máy.	<ul style="list-style-type: none">• Khay giấy không được đặt lại đúng cách trước khi nạp giấy.• Loại bỏ mọi vật cản bên trong máy.• Giấy không được nạp đúng cách. Lấy giấy ra khỏi khay và nạp lại đúng cách.• Có quá nhiều giấy trong khay. Lấy giấy thừa ra khỏi khay.• Giấy quá dày. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật mà máy yêu cầu.
Giấy liên tục bị kẹt.	<ul style="list-style-type: none">• Khay giấy không được đặt lại đúng cách trước khi nạp giấy.• Có quá nhiều giấy trong khay. Lấy giấy thừa ra khỏi khay. Nếu bạn in trên chất liệu đặc biệt, hãy nạp giấy vào khay bằng tay.• Loại giấy không đúng đang được sử dụng. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng các thông số kỹ thuật mà máy yêu cầu.• Có thể có các mảnh vụn bên trong máy. Mở nắp trước và loại bỏ mọi mảnh vụn.

 **QUAN TRỌNG:** Cần phải đẩy tấm nâng xuống khi thêm giấy vào khay trống.

Xử lý kẹt giấy

Giới thiệu

Các chủ đề sau đây mô tả cách xử lý kẹt giấy ở một số vị trí bên trong máy in và máy quét.

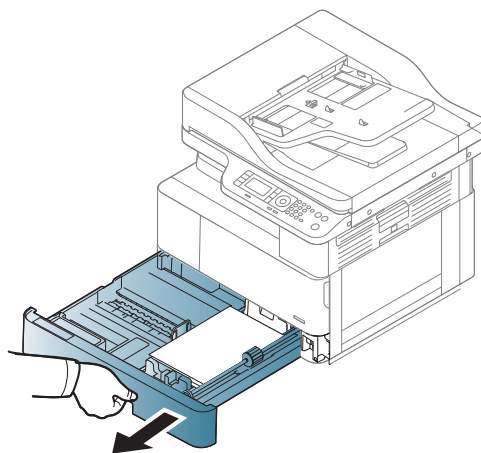
 **GHI CHÚ:** Để tránh rách giấy, hãy kéo giấy bị kẹt ra thật chậm và nhẹ nhàng.

Hình minh họa trong hướng dẫn sử dụng này có thể khác với máy in của bạn tùy theo kiểu máy hoặc phụ kiện tùy chọn.

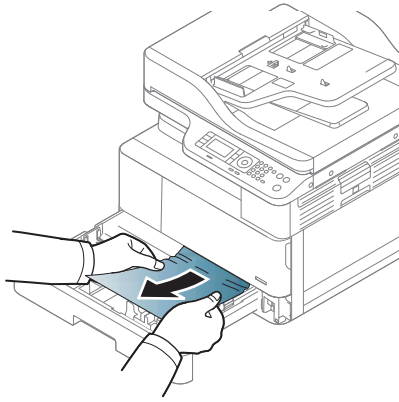
- [Khay 2](#)
- [Trong Khay 1 đa năng](#)
- [Bên trong máy in](#)
- [Trong chỗ thoát](#)
- [Trong khu vực bộ in hai mặt](#)
- [Xử lý kẹt tài liệu gốc](#)

Khay 2

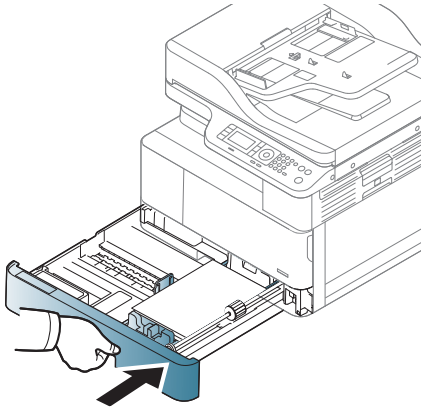
1. Kéo khay ra.



2. Lấy giấy bị kẹt ra bằng cách nhẹ nhàng kéo thẳng ra.

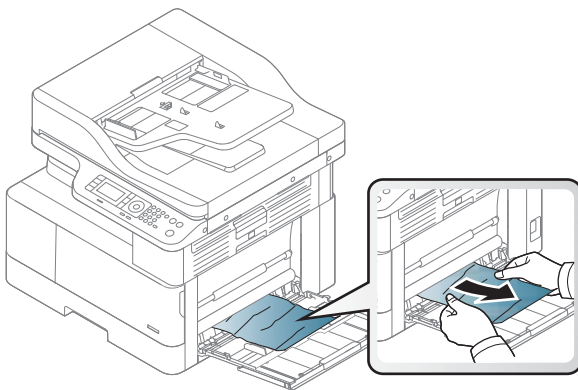


3. Lắp khay trở lại vào máy in cho đến khi khớp vào đúng vị trí.



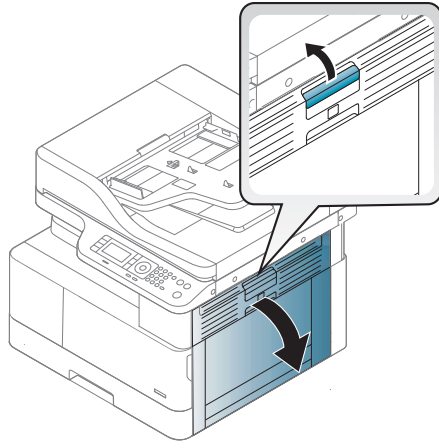
Trong Khay 1 đa năng

- ▲ Lấy giấy bị kẹt ra bằng cách nhẹ nhàng kéo thẳng ra.

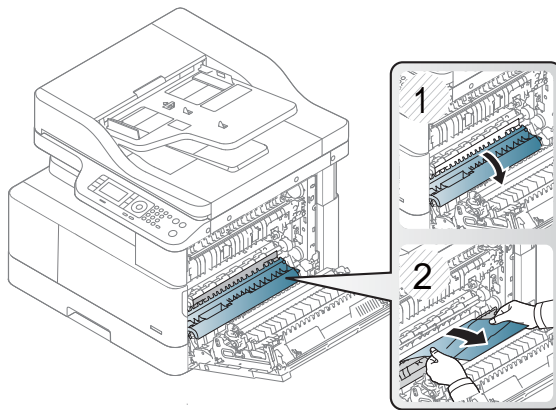


Bên trong máy in

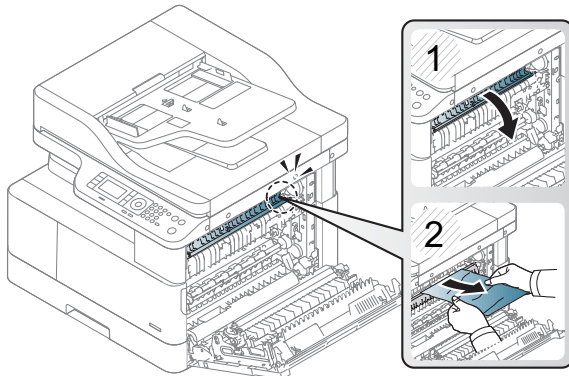
1. Mở nắp bên.



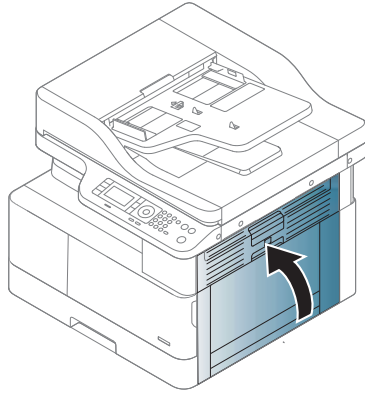
2. Mở thanh dẫn hướng kẹt giấy và lấy giấy bị kẹt ra.



3. Mở nắp tháo kẹt giấy của cuộn sấy và lấy giấy bị kẹt ra.



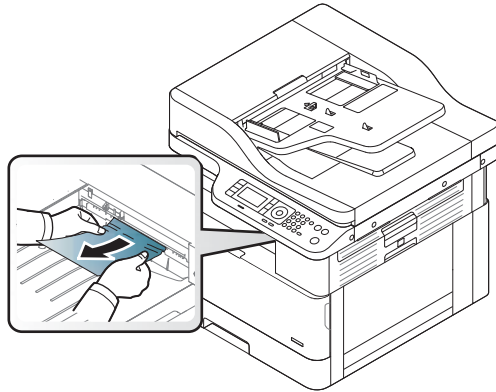
4. Đóng nắp bên.



Trong chỗ thoát

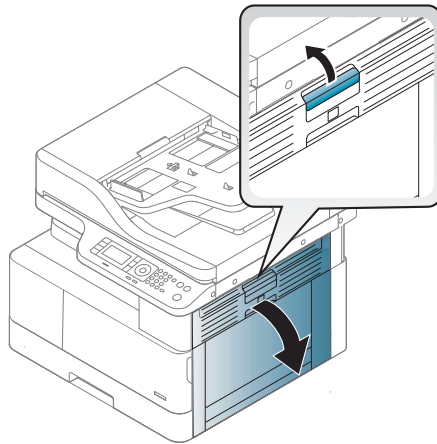
⚠ THẬN TRỌNG: Khu vực cuộn sấy rất nóng. Hãy cẩn thận khi lấy giấy ra khỏi máy in.

1. Lấy giấy bị kẹt ra bằng cách nhẹ nhàng kéo thẳng ra.

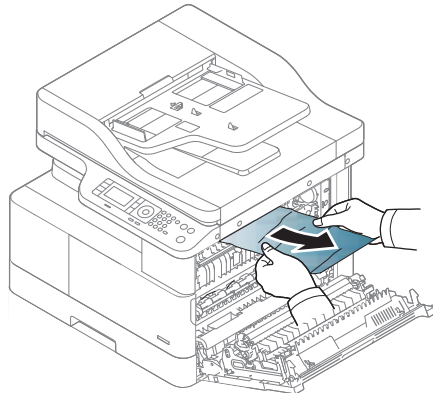


Nếu bạn không thấy giấy trong khu vực này, hãy dừng lại và chuyển sang bước tiếp theo:

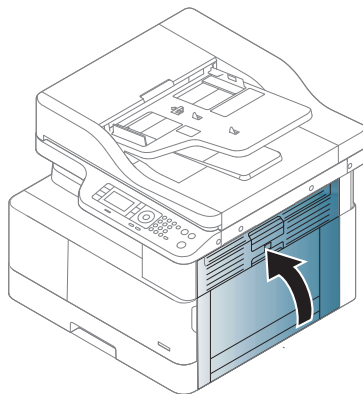
2. Mở nắp bên.



3. Lấy giấy bị kẹt ra khỏi chỗ thoát hoặc cụm sấy.

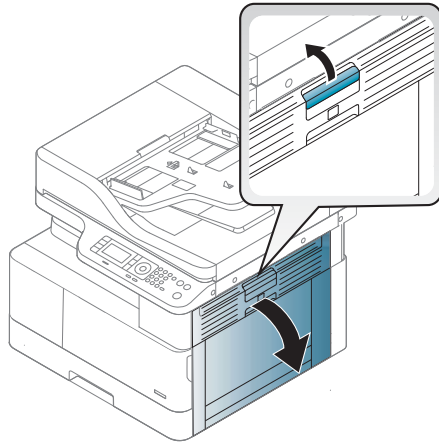


4. Đóng nắp bên.

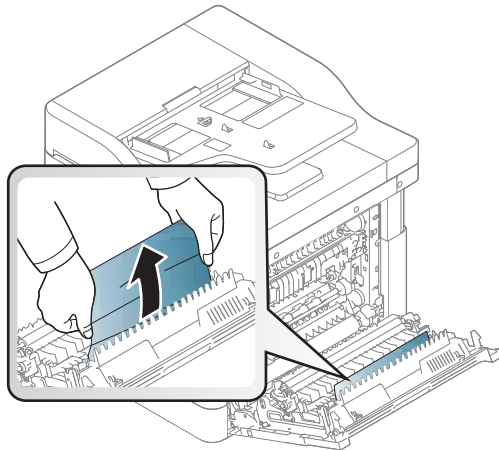


Trong khu vực bộ in hai mặt

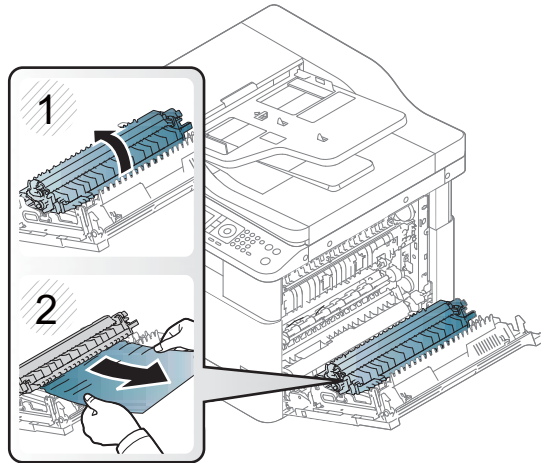
1. Mở nắp bên.



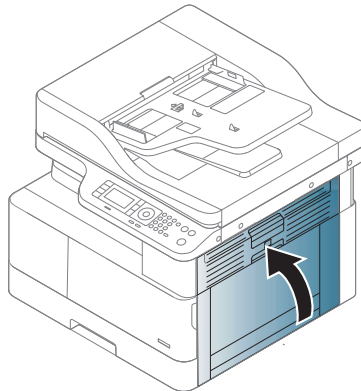
2. Lấy giấy bị kẹt ra khỏi bộ trục lăn truyền.



3. Nhả bộ trục lăn truyền và lấy giấy bị kẹt ra.



4. Đóng nắp bên.



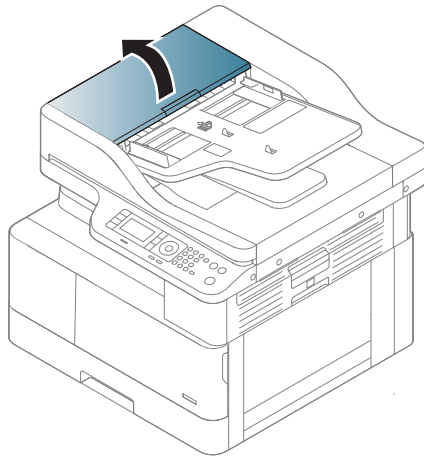
Xử lý kẹt tài liệu gốc

GHI CHÚ: Để tránh kẹt tài liệu, hãy sử dụng kính máy quét đối với các tài liệu gốc bao gồm giấy dày, mỏng, hoặc kết hợp.

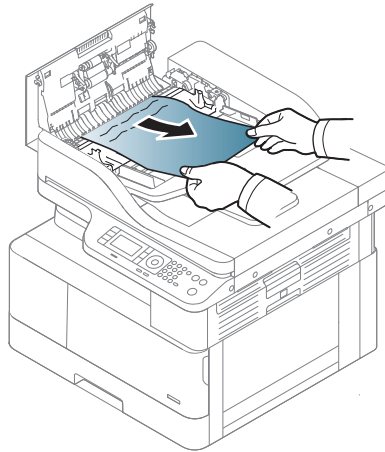
THẬN TRỌNG: Để tránh rách tài liệu, hãy lấy tài liệu bị kẹt ra thật chậm và cẩn thận.

Kẹt tài liệu gốc ở phía trước máy quét

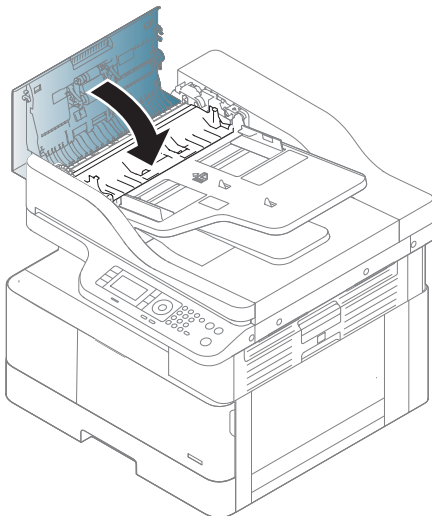
1. Mở nắp khay nạp tài liệu.



2. Nhẹ nhàng và cẩn thận lấy tài liệu gốc ra khỏi khay nạp tài liệu.

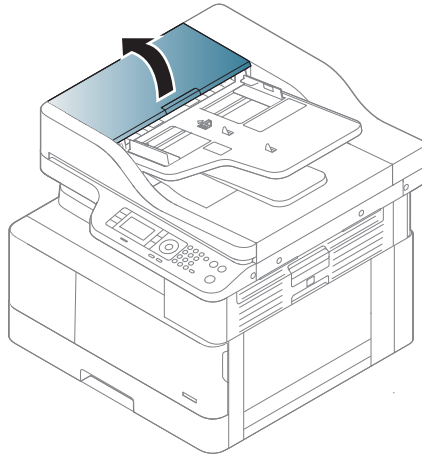


3. Đóng nắp khay nạp tài liệu.

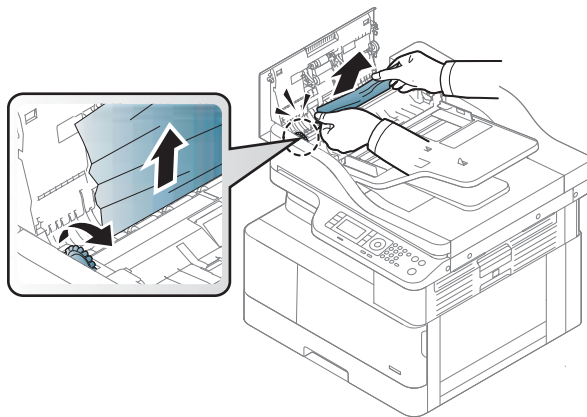


Kẹt tài liệu gốc ở bên trong máy quét

1. Mở nắp khay nạp tài liệu.

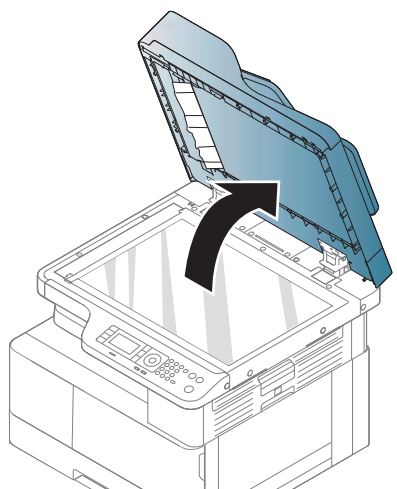


2. Nhẹ nhàng và cẩn thận lấy tài liệu gốc ra khỏi khay nạp tài liệu.

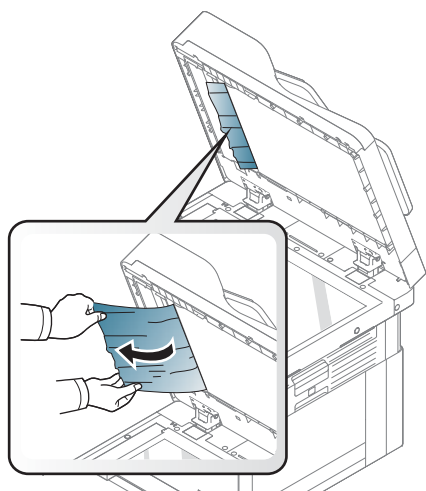


Nếu bạn không thấy giấy trong khu vực này, hãy dừng lại và chuyển sang bước tiếp theo:

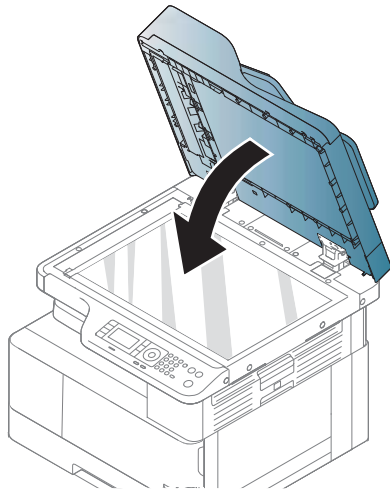
3. Mở nắp máy quét.



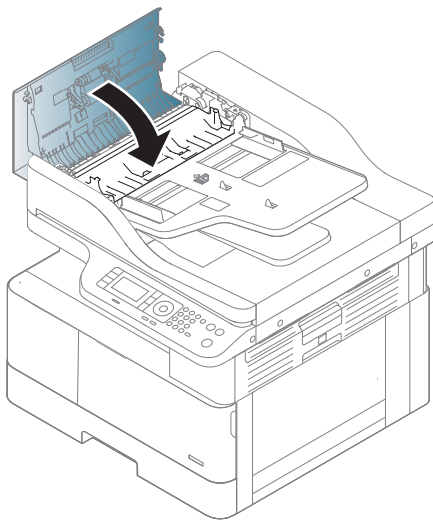
4. Nắm tài liệu gốc bị nạp sai và gỡ bỏ giấy ra khỏi khu vực nạp giấy bằng cách kéo ra cẩn thận.



5. Đóng nắp máy quét.

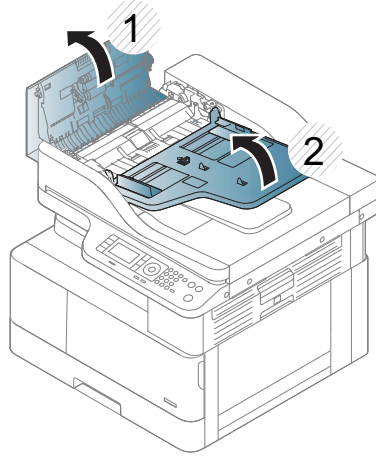


6. Đóng nắp khay nạp tài liệu.

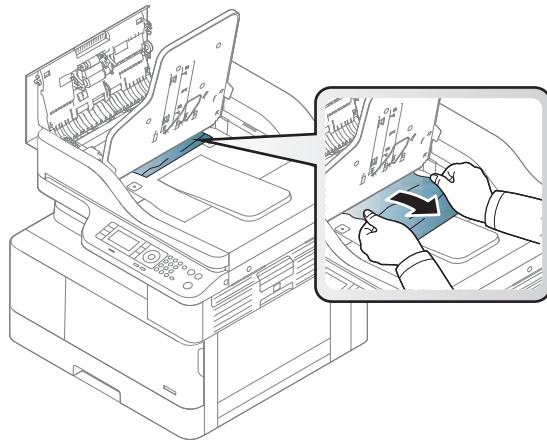


Kẹt tài liệu gốc ở chỗ thoát của máy quét

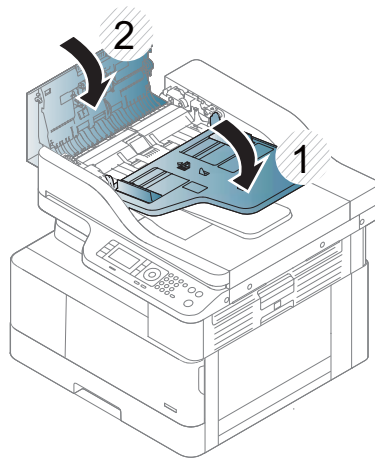
1. Mở nắp - Mở và nhấc bộ xếp giấy lên.



2. Nhẹ nhàng và cẩn thận lấy tài liệu gốc ra khỏi khay nạp tài liệu.

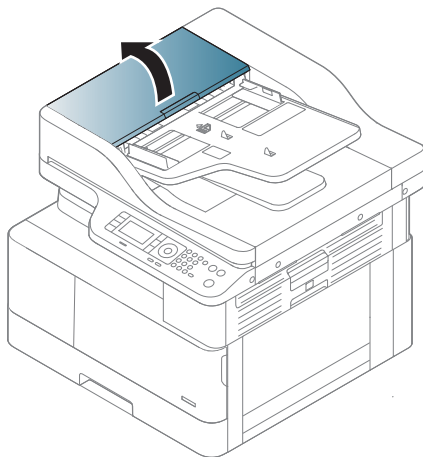


3. Đóng nắp - Mở và kéo bộ xếp giấy xuống.

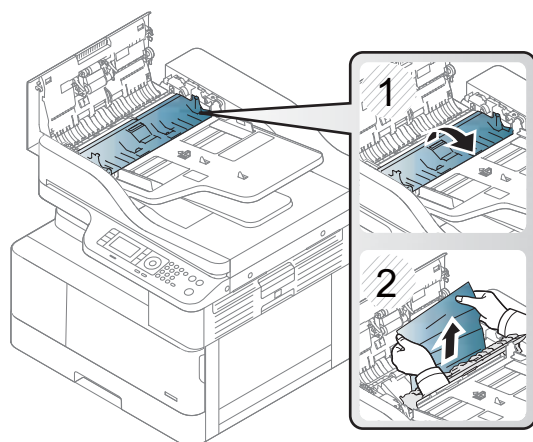


Kẹt tài liệu gốc trong đường dẫn in hai mặt của máy quét

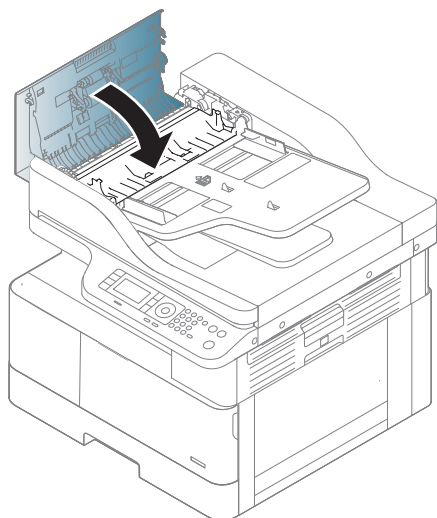
1. Mở nắp khay nạp tài liệu.



2. Mở nắp tháo kẹt giấy in hai mặt. Nhẹ nhàng kéo tài liệu gốc ra khỏi khay nạp tài liệu.



- Đóng nắp tháo kẹt giấy in hai mặt và nắp khay nạp tài liệu.





Tìm hiểu về đèn LED trạng thái

Màu của đèn LED cho biết trạng thái hiện tại của máy.

GHI CHÚ:

- Một số đèn LED có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực.
- Để giải quyết lỗi, hãy xem thông báo lỗi và hướng dẫn từ phần khắc phục sự cố.
- Bạn cũng có thể giải quyết lỗi theo hướng dẫn từ cửa sổ Printing Status (Trạng thái in) của máy tính.
- Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho nhân viên dịch vụ.

Đèn LED	Trạng thái	Mô tả	
	Tắt	<ul style="list-style-type: none">• Máy đang ngoại tuyến.• Máy đang ở chế độ tiết kiệm điện.	
	Xanh lá cây	Nhấp nháy	Khi đèn nền nhấp nháy, máy đang nhận hoặc in dữ liệu.
		Bật	<ul style="list-style-type: none">• Máy đang trực tuyến và có thể sử dụng.
	Đỏ	Nhấp nháy	<ul style="list-style-type: none">• Đã xảy ra một lỗi nhỏ và máy đang chờ giải quyết lỗi. Kiểm tra thông báo hiển thị. Khi vấn đề được giải quyết, máy sẽ tiếp tục hoạt động.• Hộp mực chỉ còn một ít mực. Sắp hết tuổi thọ hộp mực ước tính^a. Chuẩn bị hộp mực mới để thay thế. Bạn có thể tạm thời tăng chất lượng in bằng cách phân phối lại bột mực.^b
Bật		<ul style="list-style-type: none">• Một hộp mực sắp hết tuổi thọ hộp mực ước tính^a. Bạn nên thay hộp mực.• Nắp đang mở. Đóng nắp.• Không có giấy trong khay. Nạp giấy vào khay.• Máy đã dừng hoạt động do lỗi lớn. Kiểm tra thông báo hiển thị.• Đã xảy ra kẹt giấy.• Một bộ tạo ảnh sắp hết tuổi thọ hộp mực ước tính^a. Bạn nên thay hộp mực.	
Nguồn / Đánh thức 	Trắng	Bật	Máy đang ở chế độ tiết kiệm điện.
			Tắt

^a Thời gian sử dụng hộp mực in là giá trị ước chừng, dựa trên số trang giấy A4/Letter trung bình với độ phủ mực theo tiêu chuẩn ISO. Giá trị hiệu suất hộp mực được công bố theo đúng tiêu chuẩn ISO/IEC 19798. Hiệu suất thực tế có thể thay đổi đáng kể tùy theo số lượng hình ảnh được in và các yếu tố khác. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập <http://www.hp.com/go/learnaboutequipment>. Hộp mực có thể vẫn còn một ít bột mực ngay cả khi đèn LED đỏ bật sáng và máy in dừng in.

^b Một số đèn LED có thể không có sẵn tùy theo kiểu máy hoặc quốc gia/khu vực.

^c Khi bộ tạo ảnh đã hết tuổi thọ, máy sẽ ngừng in. Trong trường hợp này, bạn có thể chọn dừng hoặc tiếp tục in từ Dịch vụ web (**Settings** (Cài đặt) > **Machine Settings** (Cài đặt máy) > **System** (Hệ thống) > **Setup** (Cài đặt) > **Supplies Management** (Quản lý vật tư) > **Imaging Unit Stop** (Dừng bộ tạo ảnh)). Tắt tùy chọn này và tiếp tục in có thể làm hỏng hệ thống của thiết bị.

Tìm hiểu về thông báo hiển thị

Thông báo xuất hiện trên màn hình bảng điều khiển để cho biết trạng thái hoặc lỗi của máy. Tham khảo các bảng dưới đây để tìm hiểu về thông báo và ý nghĩa của thông báo cũng như khắc phục vấn đề nếu cần.

GHI CHÚ:

- Bạn có thể giải quyết lỗi theo hướng dẫn từ cửa sổ chương trình Printing Status (Trạng thái in) của máy tính.
- Nếu thông báo không có trong bảng, hãy khởi động lại nguồn điện và thử thực hiện lại lệnh in. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho nhân viên dịch vụ.
- Khi bạn gọi cho bộ phận dịch vụ, hãy cung cấp cho nhân viên dịch vụ nội dung của thông báo hiển thị.
- Một số thông báo có thể không xuất hiện trên màn hình tùy theo kiểu máy hoặc phụ kiện tùy chọn.
- [số lỗi] cho biết số lỗi.
- [loại khay] cho biết số khay.
- [loại phương tiện] cho biết loại phương tiện.
- [kích thước phương tiện] cho biết kích thước phương tiện.
- [loại bộ phận] cho biết loại bộ phận.

Thông báo về kẹt giấy

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
Original paper jam (Kẹt tài liệu gốc)	Tài liệu gốc đã nạp bị kẹt trong khay nạp tài liệu.	Xử lý kẹt giấy.
Paper Jam in Tray 2 (Kẹt giấy trong Khay 2)	Giấy bị kẹt trong khay.	Xử lý kẹt giấy.
Paper Jam in Tray 1 (Kẹt giấy trong Khay 1)	Giấy bị kẹt trong khay đa năng.	Xử lý kẹt giấy.
Jam inside of duplex (Giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt)	Giấy bị kẹt trong bộ in hai mặt.	Xử lý kẹt giấy.
Jam in exit area (Kẹt giấy ở chỗ thoát)	Giấy bị kẹt trong chỗ thoát giấy.	Xử lý kẹt giấy.

Thông báo về mực

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<ul style="list-style-type: none">• Error (Lỗi) [số lỗi] Toner Cart Failure (Sự cố hộp mực) [số lỗi]	Chưa lắp hộp mực.	Lắp lại hộp mực.

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<p>Call for service (Gọi cho bộ phận dịch vụ)</p> <ul style="list-style-type: none"> Toner not installed (Chưa lắp hộp mực) 	Không phát hiện được hộp mực.	Lắp lại hộp mực hai hoặc ba lần để xác nhận hộp mực khớp vào vị trí đúng cách. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.
<p>Toner cartridge is not installed. Install it. (Chưa lắp hộp mực. Hãy lắp vào.)</p>	Chưa tháo màng bảo vệ ra khỏi hộp mực.	Tháo màng bảo vệ ra khỏi hộp mực.
<ul style="list-style-type: none"> IMG. Not Compatible (Bộ tạo ảnh không tương thích) <p>Imaging unit is not compatible. Check guide (Bộ tạo ảnh không tương thích. Kiểm tra hướng dẫn)</p>	Bộ tạo ảnh bạn đã lắp đặt không dành cho máy của bạn.	Lắp đặt bộ tạo ảnh HP chính hãng, được thiết kế cho máy của bạn.
<ul style="list-style-type: none"> IMG. Not Installed (Chưa lắp đặt bộ tạo ảnh) <p>Imaging unit is not installed. Install the unit. (Chưa lắp đặt bộ tạo ảnh. Hãy lắp đặt.)</p>	Chưa lắp đặt bộ tạo ảnh.	Lắp đặt lại bộ tạo ảnh hai hoặc ba lần. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, hãy gọi cho bộ phận dịch vụ.
<ul style="list-style-type: none"> Prepare IMG. unit (Chuẩn bị bộ tạo ảnh) <p>Prepare new imaging unit (Chuẩn bị bộ tạo ảnh mới)</p>	Sắp hết tuổi thọ bộ tạo ảnh ước tính.	Chuẩn bị bộ tạo ảnh mới để thay thế.
<ul style="list-style-type: none"> Replace IMG. unit (Thay bộ tạo ảnh) <p>Replace with new imaging unit (Thay bộ tạo ảnh mới)</p>	Bộ tạo ảnh được chỉ báo sắp hết tuổi thọ bộ tạo ảnh ước tính.	<ul style="list-style-type: none"> Bạn có thể chọn Stop (Dừng) hoặc Continue (Tiếp tục) như hiển thị trên bảng điều khiển. Nếu bạn chọn Stop (Dừng), máy in sẽ dừng in và bạn không thể tiếp tục in mà không thay đổi bộ tạo ảnh. Nếu bạn chọn Continue (Tiếp tục), máy in sẽ tiếp tục in nhưng chất lượng in không thể được đảm bảo. Thay thế bộ tạo ảnh để có chất lượng in tốt nhất khi thông báo này hiển thị. Sử dụng bộ tạo ảnh sau giai đoạn này có thể dẫn đến vấn đề về chất lượng in. Nếu máy dừng in, hãy thay thế bộ tạo ảnh.
<ul style="list-style-type: none"> Toner Not compatible (Mực không tương thích) <p>Toner cartridge is not compatible. Check guide (Hộp mực không tương thích. Kiểm tra hướng dẫn)</p>	Hộp mực được chỉ báo không phù hợp với máy của bạn.	Thay hộp mực được chỉ báo bằng hộp mực HP.

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<ul style="list-style-type: none"> Prepare new toner (Chuẩn bị mực mới) Prepare new toner cartridge (Chuẩn bị hộp mực mới) 	Hộp mực được chỉ báo chỉ còn một ít mực. Sắp hết tuổi thọ hộp mực ước tính ^a .	Chuẩn bị hộp mực mới để thay thế. Bạn có thể tạm thời tăng chất lượng in bằng cách phân phối lại bột mực.
<ul style="list-style-type: none"> Replace new toner (Thay mực mới) Replace with new toner cartridge (Thay hộp mực mới) 	Hộp mực được chỉ báo sắp hết tuổi thọ hộp mực ước tính.	<ul style="list-style-type: none"> Bạn có thể chọn Stop (Dừng) hoặc Continue (Tiếp tục) như hiển thị trên bảng điều khiển. Nếu bạn chọn Stop (Dừng), máy sẽ dừng in. Nếu bạn chọn Continue (Tiếp tục), máy in sẽ tiếp tục in nhưng chất lượng in không thể được đảm bảo. Thay thế hộp mực để có chất lượng in tốt nhất khi thông báo này hiển thị. Sử dụng hộp mực sau giai đoạn này có thể dẫn đến vấn đề về chất lượng in.
	Hộp mực được chỉ báo đã hết tuổi thọ hộp mực ước tính	Thay hộp mực.

^a Máy in sẽ cho biết khi hộp mực gần hết. Lượng mực còn lại thực tế có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

⚠ THẬN TRỌNG: Đối với các sản phẩm máy in HP, việc sử dụng hộp mực không phải của HP hoặc hộp mực được nạp lại sẽ không ảnh hưởng đến bảo hành hoặc bất kỳ hợp đồng hỗ trợ nào của HP dành cho khách hàng. Tuy nhiên, nếu sản phẩm bị lỗi hoặc hỏng hóc do việc sử dụng hộp mực không phải của HP hoặc hộp mực được nạp lại, HP sẽ tính phí thời gian tiêu chuẩn và phí nguyên vật liệu để bảo dưỡng sản phẩm đối với lỗi hoặc hỏng hóc cụ thể.

Thông báo về khay

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<ul style="list-style-type: none"> All Tray Empty (Tất cả các khay đều trống) Paper is empty in all tray. Load paper (Tất cả các khay đều hết giấy. Hãy nạp giấy) 	Không có giấy trong tất cả các khay.	Nạp giấy vào khay.

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<ul style="list-style-type: none"> Paper Empty in Tray 2 Paper is empty in Tray 2. Load paper (Khay 2 hết giấy. Hãy nạp giấy) Paper Empty in Tray 3 Paper is empty in Tray 3. Load paper (Khay 3 hết giấy. Hãy nạp giấy) 	Không có giấy trong khay.	Nạp giấy vào khay.
<ul style="list-style-type: none"> Paper Empty in Tray 1 (Khay 1 hết giấy) <p>Paper is empty in Tray 1. Load paper (Khay 1 hết giấy. Hãy nạp giấy)</p>	Không có giấy trong khay đa năng.	Nạp giấy vào khay đa năng.

Thông báo về mạng


Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<p>IP Conflict (Xung đột IP)</p> <p>This IP address conflicts with that of other system (Địa chỉ IP này xung đột với hệ thống khác)</p>	Địa chỉ IP mạng bạn đã đặt đang được ai đó sử dụng.	Kiểm tra địa chỉ IP và đặt lại nếu cần.

Thông báo khác

Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<ul style="list-style-type: none"> Tray 2 door is open. Close it (Cửa Khay 2 mở. Hãy đóng lại) Front door is open. Close it (Cửa trước mở. Hãy đóng lại) Right door is open. Close it (Cửa phải mở. Hãy đóng lại) 	Cửa Khay 2, cửa trước hoặc cửa phải không được khóa chốt chắc chắn.	Đóng cửa đến khi khớp vào vị trí.
<ul style="list-style-type: none"> Scanner door open (Cửa máy quét mở) <p>Door of scanner is open. Close the door (Cửa máy quét đang mở. Hãy đóng cửa)</p>	Nắp khay nạp tài liệu không được khóa chốt chắc chắn.	Đóng nắp đến khi khớp vào vị trí.
<ul style="list-style-type: none"> Not Proper room temp (Nhiệt độ phòng không phù hợp) <p>Not Proper room temperature. Change room temperature (Nhiệt độ phòng không phù hợp. Hãy thay đổi nhiệt độ phòng)</p>	Máy đang ở trong phòng có nhiệt độ phòng không phù hợp.	Di chuyển máy sang phòng có nhiệt độ phòng phù hợp
<ul style="list-style-type: none"> Prepare TR Roller/Prepare with new transfer roller (Chuẩn bị trục) 	Đã hết tuổi thọ của trục lăn đảo chiều khay giấy.	Thay trục lăn đảo chiều khay giấy mới. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.


Thông báo	Ý nghĩa	Giải pháp đề xuất
<p>lăn TR/Chuẩn bị trục lăn truyền mới)</p> <ul style="list-style-type: none"> Error: C9–2220/TR failure: #C92220 (Lỗi: Sự cố C9–2220/TR: #C92220.) <p>Install transfer roller again (Lắp lại trục lăn truyền)</p>		
<ul style="list-style-type: none"> Scanner Locked (Máy quét bị khóa) <p>Scanner is locked. Press Stop button (Máy quét bị khóa. Bấm nút Dừng/Xóa)</p>	Máy quét bị khóa.	Khởi động lại nguồn điện. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, vui lòng gọi cho bộ phận dịch vụ.
<ul style="list-style-type: none"> Scanner door open (Cửa máy quét mở) <p>Door of scanner is open. Close the door (Cửa máy quét đang mở. Hãy đóng cửa)</p>	Nắp khay nạp tài liệu không được khóa chốt chắc chắn.	Đóng nắp đến khi khớp vào vị trí.
<ul style="list-style-type: none"> Error (Lỗi): [số lỗi] <p>Fuser Unit Failure (Sự cố cụm sấy): [số lỗi]</p> <p>Turn off then on. Call for service if the problem persists (Tắt rồi bật lại. Gọi cho bộ phận dịch vụ nếu vấn đề tiếp diễn)</p>	Có vấn đề trong cụm sấy.	Khởi động lại nguồn điện. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, vui lòng gọi cho bộ phận dịch vụ.
<ul style="list-style-type: none"> Error (Lỗi): [số lỗi] <p>Motor Failure (Sự cố động cơ): [số lỗi]</p> <p>Turn off then on. Call for service if the problem persists (Tắt rồi bật lại. Gọi cho bộ phận dịch vụ nếu vấn đề tiếp diễn)</p>	Có vấn đề trong hệ thống động cơ.	Khởi động lại nguồn điện. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, vui lòng gọi cho bộ phận dịch vụ.
<ul style="list-style-type: none"> Error (Lỗi): [số lỗi] <p>LSU Failure (Sự cố LSU): [số lỗi]</p> <p>Turn off then on. Call for service if the problem persists (Tắt rồi bật lại. Gọi cho bộ phận dịch vụ nếu vấn đề tiếp diễn)</p>	Có vấn đề trong LSU.	Khởi động lại nguồn điện. Nếu vấn đề vẫn tiếp diễn, vui lòng gọi cho bộ phận dịch vụ.
<ul style="list-style-type: none"> Error (Lỗi): [số lỗi] <p>Input System Failure (Lỗi hệ thống tiếp giấy): [số lỗi]</p> <p>Kiểm tra kết nối khay</p>	Xảy ra sự cố trong một khay.	Kiểm tra kết nối khay.

Vấn đề về kết nối điện và cáp

Vấn đề	Giải pháp đề xuất
Máy không nhận điện hoặc cáp kết nối giữa máy tính và máy không được nối đúng cách.	<ul style="list-style-type: none">• Trước tiên, kết nối máy với nguồn cấp điện. Nếu máy có nút Power / Wake Up (Nguồn / Đánh thức)  trên bảng điều khiển, hãy bấm nút đó.• Ngắt kết nối cáp của máy rồi kết nối lại.

Vấn đề khi in

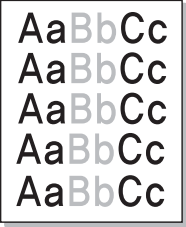

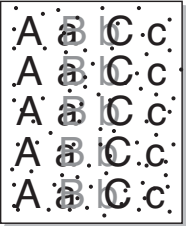
Bảng dưới đây mô tả các vấn đề thường gặp khi in, nguyên nhân có thể và giải pháp đề xuất.

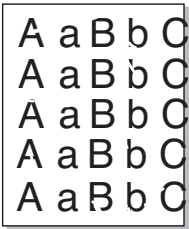
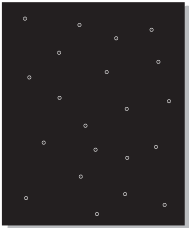
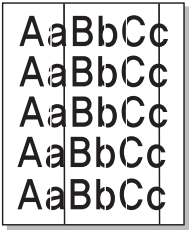
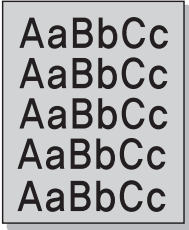
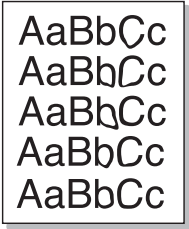
Vấn đề	Nguyên nhân có thể	Giải pháp đề xuất
Máy không in.	Máy không nhận điện.	Trước tiên, kết nối máy với nguồn cấp điện. Nếu máy có nút Power / Wake Up (Nguồn / Đánh thức)  trên bảng điều khiển, hãy bấm nút đó.
	Máy chưa được chọn làm máy mặc định.	Chọn máy của bạn làm máy mặc định trong Windows.
	Kiểm tra các vấn đề sau đây trên máy:	
	<ul style="list-style-type: none">• Nắp chưa đóng. Hãy đóng nắp.• Giấy bị kẹt. Xử lý kẹt giấy.• Chưa nạp giấy. Hãy nạp giấy.• Chưa lắp hộp mực. Hãy lắp hộp mực.• Đảm bảo đã tháo các tấm và màng bảo vệ khỏi hộp mực.	
	Nếu xảy ra lỗi hệ thống, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.	
	Cáp kết nối giữa máy tính và máy không được nối đúng cách.	Ngắt kết nối cáp máy rồi kết nối lại.
	Cáp kết nối giữa máy tính và máy bị lỏng.	Nếu có thể, hãy gắn cáp vào máy tính khác đang hoạt động đúng và in một lệnh in. Bạn cũng có thể thử sử dụng cáp máy khác.
	Cài đặt cổng không chính xác.	Kiểm tra cài đặt máy in của Windows để đảm bảo lệnh in được gửi đến đúng cổng. Nếu máy tính có nhiều cổng, đảm bảo máy được gắn vào đúng cổng.
	Máy có thể được cấu hình không chính xác.	Kiểm tra Printing Preferences (Tùy chọn in) để đảm bảo tất cả các cài đặt in đều chính xác.
	Trình điều khiển máy in có thể được cài đặt không chính xác.	Gỡ cài đặt và cài đặt lại trình điều khiển của máy.
Máy gặp trục trặc.	Kiểm tra thông báo hiển thị trên bảng điều khiển để xem máy có đang báo lỗi hệ thống hay không. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.	
Kích thước tài liệu quá lớn đến mức dung lượng đĩa cứng của máy tính không đủ để truy cập lệnh in.	Giải phóng dung lượng đĩa cứng và in lại tài liệu.	
Khay giấy ra đã đầy.	Sau khi lấy giấy khỏi khay giấy ra, máy sẽ tiếp tục in.	
Máy chọn chất liệu in từ nguồn giấy không đúng.	Tùy chọn giấy được chọn trong Printing Preferences (Tùy chọn in) có thể không chính xác.	Đối với nhiều ứng dụng phần mềm, lựa chọn nguồn giấy được tìm thấy trong tab Paper (Giấy) trong Printing Preferences (Tùy chọn in). Chọn đúng nguồn giấy. Xem màn hình trợ giúp của trình điều khiển máy in.
Lệnh in đang tiến hành rất chậm.	Lệnh in có thể rất phức tạp.	Giảm độ phức tạp của trang hoặc thử điều chỉnh cài đặt chất lượng in.

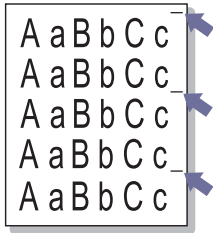
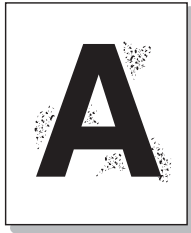
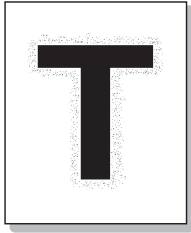
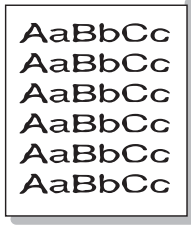
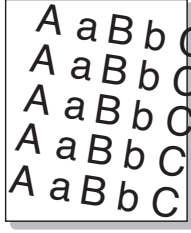
Vấn đề	Nguyên nhân có thể	Giải pháp đề xuất
Một nửa trang bị trống.	Cài đặt hướng trang có thể không chính xác.	Thay đổi hướng trang trong ứng dụng của bạn.
	Kích thước giấy và cài đặt kích thước giấy không khớp.	Đảm bảo kích thước giấy trong cài đặt trình điều khiển máy in khớp với giấy trong khay. Hoặc đảm bảo kích thước giấy trong cài đặt trình điều khiển máy in khớp với lựa chọn giấy trong cài đặt ứng dụng phần mềm bạn sử dụng.
Máy in, nhưng văn bản sai, bị cắt xén hoặc không đầy đủ.	Cáp máy bị lỏng hoặc bị lỗi.	Ngắt kết nối cáp máy rồi kết nối lại. Hãy thử chạy lệnh in mà bạn đã in thành công. Nếu có thể, gắn cáp và máy vào máy tính khác mà bạn biết là hoạt động đúng và thử chạy một lệnh in. Cuối cùng, hãy thử dùng cáp máy mới.
	Trình điều khiển máy in sai được chọn.	Kiểm tra menu lựa chọn máy in của ứng dụng để đảm bảo máy của bạn được chọn.
	Ứng dụng phần mềm gặp trục trặc.	Thử in một lệnh in từ ứng dụng khác.
	Hệ điều hành gặp trục trặc.	Thoát khỏi Windows và khởi động lại máy tính. Tắt máy rồi bật lại.
Máy in ra nhưng trang giấy trống.	Hộp mực bị lỗi hoặc hết mực.	Phân phối lại bột mực, nếu cần. Nếu cần, hãy thay thế hộp mực.
	Tệp có thể có trang trống.	Kiểm tra tệp để đảm bảo tệp không chứa trang trống.
	Một số bộ phận, chẳng hạn như bộ điều khiển hoặc bo mạch, có thể bị lỗi.	Liên hệ với nhân viên dịch vụ.
Máy không in tệp PDF đúng cách. Một số phần của đồ họa, văn bản hoặc hình minh họa bị thiếu.	Tệp PDF và sản phẩm Acrobat không tương thích.	In tệp PDF dưới dạng ảnh có thể cho phép in tệp. Bật Print As Image (In dưới dạng ảnh) từ tùy chọn in Acrobat. GHI CHÚ: Sẽ mất nhiều thời gian hơn để in khi bạn in tệp PDF dưới dạng ảnh.
Chất lượng in ảnh không tốt. Ảnh không rõ ràng.	Độ phân giải của ảnh rất thấp.	Giảm kích thước ảnh. Nếu bạn tăng kích thước ảnh trong ứng dụng phần mềm, độ phân giải sẽ giảm xuống.
Trước khi in, máy phát ra hơi nước gần khay giấy ra.	Sử dụng giấy ẩm ướt có thể tạo ra hơi nước [khói trắng] trong khi in.	Đây không phải là vấn đề, chỉ cần tiếp tục in. Nếu bạn cảm thấy khó chịu vì khói [hơi nước], hãy thay giấy mới từ gói giấy chưa mở bao bì.
Máy không in giấy có kích thước đặc biệt, chẳng hạn như giấy hóa đơn.	Kích thước giấy và cài đặt kích thước giấy không khớp.	Đặt đúng kích thước giấy trong tab Custom (Tùy chỉnh) trong tab Paper (Giấy) trong Printing Preferences (Tùy chọn in).
Giấy hóa đơn đã in bị quăn.	Cài đặt loại giấy không khớp.	Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi đến Printing Preferences (Tùy chọn in), bấm tab Paper (Giấy) và đặt loại là Thin (Mỏng).

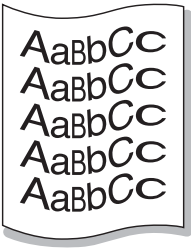
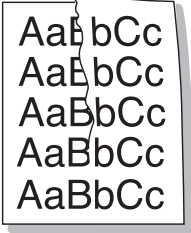
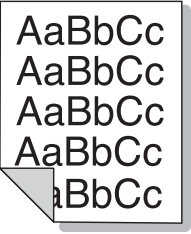
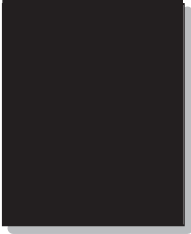
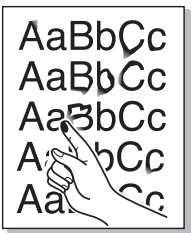
Vấn đề về chất lượng in


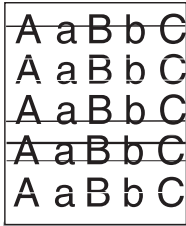
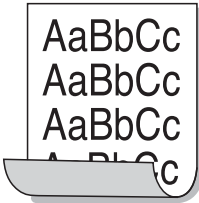



Bảng dưới đây mô tả các vấn đề về chất lượng in thường gặp, trình bày ví dụ về mỗi vấn đề và liệt kê các giải pháp đề xuất.

Vấn đề	Ví dụ	Giải pháp đề xuất
Bản in mờ hoặc nhạt màu		<ul style="list-style-type: none">Nếu một sọc trắng dọc hoặc vùng mờ nhạt xuất hiện trên trang, nghĩa là sắp hết mực in. Lắp hộp mực mới.Giấy có thể không đáp ứng thông số kỹ thuật về giấy; ví dụ như giấy có thể quá ẩm hoặc quá thô ráp.Nếu toàn bộ trang đều nhạt màu, nghĩa là cài đặt độ phân giải in quá thấp hoặc chế độ tiết kiệm mực đang bật. Điều chỉnh độ phân giải in và tắt chế độ tiết kiệm mực. Xem màn hình trợ giúp của trình điều khiển máy in.Các vùng mờ nhạt hoặc vết bẩn xuất hiện kết hợp có thể chỉ báo cần vệ sinh hộp mực. Vệ sinh bên trong máy của bạn.Bề mặt của bộ phận LSU bên trong máy có thể bị bẩn. Vệ sinh bên trong máy của bạn. Nếu việc vệ sinh không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.
Một nửa trang giấy bên trên được in nhạt màu hơn nửa còn lại		<p>Mực in có thể không bám chặt vào loại giấy này.</p> <ul style="list-style-type: none">Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi đến Printing Preferences (Tùy chọn in), bấm tab Paper (Giấy) và đặt loại giấy là Recycled (Tái chế).
Vết mực		<ul style="list-style-type: none">Giấy có thể không đáp ứng thông số kỹ thuật; ví dụ như giấy có thể quá ẩm hoặc quá thô ráp.Trục lăn truyền có thể bị bẩn. Vệ sinh bên trong máy của bạn.Có thể cần vệ sinh đường dẫn giấy. Nếu các bước này không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.

Vấn đề	Ví dụ	Giải pháp đề xuất
Loang lổ		<p>Nếu các vùng bị mờ, thường có hình tròn, xuất hiện ngẫu nhiên trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> Một tờ giấy có thể bị lỗi. Thử in lại lệnh in. Độ ẩm của giấy không đồng đều hoặc giấy có vết ẩm trên bề mặt. Thử dùng nhãn hiệu giấy khác. Lổc giấy có khiếm khuyết. Quy trình sản xuất có thể khiến một số vùng bị bong mực. Thử dùng loại hoặc nhãn hiệu giấy khác. Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi đến Printing Preferences (Tùy chọn in), bấm Paper (Giấy) và đặt loại là Thick (Dày). <p>Nếu các bước này không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.</p>
Đốm trắng		<p>Nếu đốm trắng xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy quá thô ráp và nhiều bụi bẩn từ giấy rơi vào các bộ phận bên trong máy, do đó trục lăn truyền có thể bị bẩn. Vệ sinh bên trong máy của bạn. Có thể cần vệ sinh đường dẫn giấy. Vệ sinh bên trong máy của bạn. <p>Nếu các bước này không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.</p>
Sọc dọc		<p>Nếu sọc dọc màu đen xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bề mặt (bộ phận trống) của hộp mực bên trong máy có thể đã bị trầy xước. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. <p>Nếu sọc dọc màu trắng xuất hiện trên trang:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bề mặt của bộ phận LSU bên trong máy có thể bị bẩn. Vệ sinh bên trong máy của bạn. Nếu việc vệ sinh không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.
Nền màu đen hoặc có màu		<ul style="list-style-type: none"> Đổi sang giấy trọng lượng nhẹ hơn. Kiểm tra điều kiện môi trường: điều kiện rất khô hoặc độ ẩm cao (trên 80% RH) có thể làm tăng mức độ bóng trên nền. Tháo hộp mực cũ và lắp hộp mực mới. Phân phối kỹ lại bột mực.
Vết nhòe mực		<ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh bên trong máy. Kiểm tra loại và chất lượng giấy. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới.

Vấn đề	Ví dụ	Giải pháp đề xuất
Lỗi lặp lại nhiều lần theo chiều dọc		<p>Nếu một ký hiệu xuất hiện nhiều lần trên mặt in của trang ở các khoảng cách đều nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hộp mực có thể bị hỏng. Nếu bạn vẫn tiếp tục gặp sự cố này, hãy tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. Các bộ phận của máy có thể bị dính mực. Nếu lỗi xảy ra ở mặt sau của trang, vấn đề có thể sẽ tự động giải quyết ở vài trang tiếp theo. Cụm sấy có thể bị hỏng. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.
Phân tán nền		<p>Phân tán nền xảy ra do các đốm mực được phân bố ngẫu nhiên trên trang in.</p> <ul style="list-style-type: none"> Giấy có thể quá ẩm. Thử in bằng loại giấy khác. Không mở gói giấy đến khi cần thiết để giấy không hấp thụ quá nhiều hơi ẩm. Nếu phân tán nền bao phủ toàn bộ diện tích bề mặt của trang in, hãy điều chỉnh độ phân giải in bằng ứng dụng phần mềm hoặc trong Printing Preferences (Tùy chọn in). Đảm bảo chọn đúng loại giấy. Ví dụ: Nếu Thicker Paper (Giấy dày hơn) được chọn, nhưng trên thực tế Plain Paper (Giấy thường) được sử dụng, có thể xảy ra lỗi quá tải và gây ra vấn đề về chất lượng sao chép này. Nếu bạn sử dụng hộp mực mới, trước tiên hãy phân phối lại bột mực.
Các hạt mực bao quanh ký tự in đậm hoặc hình ảnh		<p>Mực in có thể không bám chặt vào loại giấy này.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi tùy chọn máy in và thử lại. Đi đến Printing Preferences (Tùy chọn in), bấm tab Paper (Giấy) và đặt loại giấy là Recycled (Tái chế). Đảm bảo chọn đúng loại giấy. Ví dụ: Nếu Thicker Paper (Giấy dày hơn) được chọn, nhưng trên thực tế Plain Paper (Giấy thường) được sử dụng, có thể xảy ra lỗi quá tải và gây ra vấn đề về chất lượng sao chép này.
Ký tự bị biến dạng		<ul style="list-style-type: none"> Nếu ký tự được tạo hình không đúng và tạo ra hình ảnh rỗng, nghĩa là giấy có thể quá trơn bóng. Thử dùng giấy khác.
Trang bị méo		<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Kiểm tra loại và chất lượng giấy. Đảm bảo các thanh dẫn không được đặt quá chặt hoặc quá lỏng so với xấp giấy.

Vấn đề	Ví dụ	Giải pháp đề xuất
Giấy bị quăn hoặc uốn cong		<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Kiểm tra loại và chất lượng giấy. Cả độ ẩm và nhiệt độ cao có thể làm cong giấy. Lật ngược xấp giấy trong khay. Ngoài ra, thử xoay ngược giấy 180° trong khay.
Giấy bị nhàu hoặc nhăn		<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giấy được nạp đúng cách. Kiểm tra loại và chất lượng giấy. Lật ngược xấp giấy trong khay. Ngoài ra, thử xoay ngược giấy 180° trong khay.
Mặt sau của bản in bị bẩn		<ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra chỗ rò rỉ bột mực. Vệ sinh bên trong máy.
Trang có màu đen hoặc màu liền khối		<ul style="list-style-type: none"> Hộp mực có thể không được lắp đúng. Tháo hộp mực ra và lắp lại. Hộp mực có thể bị lỗi. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. Có thể cần sửa chữa máy. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.
Bột mực không bám dính chặt		<ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh bên trong máy. Kiểm tra loại, độ dày và chất lượng của giấy. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, có thể cần sửa chữa máy. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.</p>

Vấn đề	Ví dụ	Giải pháp đề xuất
Khuyết ký tự		<p>Khuyết ký tự là các vùng trắng ở những phần của ký tự mà lẽ ra nên có màu đen liền khối:</p> <ul style="list-style-type: none"> Có thể bạn đang in trên mặt giấy không đúng. Lấy giấy ra và lật ngược lại. Giấy có thể không đáp ứng thông số kỹ thuật về giấy.
Sọc ngang		<p>Nếu xuất hiện các vết nhòe hoặc sọc đen ngang:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hộp mực có thể được lắp không đúng. Tháo hộp mực ra và lắp lại. Hộp mực có thể bị lỗi. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. Tháo hộp mực ra và lắp hộp mực mới. <p>Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, có thể cần sửa chữa máy. Liên hệ với nhân viên dịch vụ.</p>
Giấy bị quăn		<p>Nếu giấy in bị quăn hoặc giấy không nạp vào máy:</p> <ul style="list-style-type: none"> Lật ngược xấp giấy trong khay. Ngoài ra, thử xoay ngược giấy 180° trong khay. Thay đổi tùy chọn giấy của máy in và thử lại. Đi đến Printing Preferences (Tùy chọn in), bấm tab Paper (Giấy) và đặt loại là Thin (Mỏng).
<ul style="list-style-type: none"> Một hình ảnh lạ xuất hiện nhiều lần trên một vài tờ giấy Bột mực không bám dính Bản in nhạt màu hoặc xảy ra nhiễm bẩn 		<p>Máy của bạn có thể đang được sử dụng ở độ cao 1.000 m (3.281 ft) trở lên. Độ cao quá cao có thể ảnh hưởng đến chất lượng in, chẳng hạn như bong mực hoặc tạo ảnh nhạt màu.</p>
Đường sọc dọc <p>Sử dụng giấy in Century Star có thể làm bẩn bề mặt OPC. Điều này sẽ gây ra các đường sọc dọc nhạt trong khi in.</p>		<p>Sử dụng bảng điều khiển để bắt đầu Chế độ làm sạch OPC.</p> <ol style="list-style-type: none"> Trên bảng điều khiển, bấm Menu  > System Setup (Cài đặt hệ thống) > Machine Setup (Cài đặt máy) > OPC Cleaning (Làm sạch OPC). Chọn Automatic (tự động) để bắt đầu làm sạch sau mỗi 1.000 trang. <p>GHI CHÚ: Làm sạch OPC mất khoảng 5 phút để hoàn thành.</p>

Vấn đề khi sao chép

Bảng dưới đây mô tả các vấn đề thường gặp khi sao chép và giải pháp đề xuất.

Vấn đề	Giải pháp đề xuất
Bản sao quá nhạt hoặc quá đậm màu.	Điều chỉnh độ tối trong tính năng sao chép để làm sáng hoặc tối nền của bản sao.
Vết nhòe, sọc, điểm hoặc đốm xuất hiện trên bản sao.	<ul style="list-style-type: none">Nếu khiếm khuyết nằm trên bản gốc, hãy điều chỉnh độ sáng trong tính năng sao chép để làm sáng nền của bản sao.Nếu không có khiếm khuyết trên tài liệu gốc, hãy vệ sinh bộ quét.
Ảnh sao chép bị méo.	<ul style="list-style-type: none">Đảm bảo tài liệu gốc được căn chỉnh bằng thanh ghi dẫn giấy.Trục lăn truyền có thể bị bẩn. Vệ sinh bên trong máy của bạn.
Bản sao in ra bị trống.	<p>Đảm bảo tài liệu gốc được đặt trên kính máy quét với mặt giấy hướng xuống hoặc trong khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.</p> <p>Nếu các bước này không khắc phục vấn đề, hãy liên hệ với nhân viên dịch vụ.</p>
Ảnh dễ bị bong ra khỏi bản sao.	<ul style="list-style-type: none">Thay giấy trong khay bằng giấy trong gói mới.Ở nơi có độ ẩm cao, không để giấy trong máy trong thời gian dài.
Thường xuyên xảy ra kẹt giấy sao chép.	<ul style="list-style-type: none">Làm tươi giấy, rời lật ngược giấy trong khay. Thay giấy trong khay bằng giấy trong gói mới. Kiểm tra/điều chỉnh thanh dẫn giấy, nếu cần.Đảm bảo giấy thuộc loại và trọng lượng phù hợp.Kiểm tra xem trong máy có còn sót lại giấy sao chép hoặc mảnh giấy sao chép nào hay không sau khi đã xử lý kẹt giấy.Tài liệu gốc của bạn có thể chứa ảnh, khối liền màu hoặc sọc đậm. Ví dụ: tài liệu gốc của bạn có thể là biểu mẫu, bản tin, sách hoặc các tài liệu khác sử dụng nhiều mực hơn.Có thể để mở nắp máy quét trong khi tạo bản sao.Tắt máy rồi bật lại.


Vấn đề khi quét

Bảng dưới đây mô tả các vấn đề thường gặp khi quét và giải pháp đề xuất.

Vấn đề	Giải pháp đề xuất
Máy quét không hoạt động.	<ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo rằng bạn đặt tài liệu gốc cần quét trên kính máy quét với mặt giấy hướng xuống hoặc trong khay nạp tài liệu với mặt giấy hướng lên.• Có thể không đủ bộ nhớ để lưu giữ tài liệu bạn muốn quét. Thử dùng chức năng Prescan (Quét sơ bộ) xem nó có hoạt động không. Thử giảm tốc độ phân giải quét.• Kiểm tra để đảm bảo cáp máy in đã được kết nối đúng cách.• Đảm bảo cáp máy in của máy không bị lỗi. Đổi cáp máy in bằng một dây cáp mà bạn biết là tốt. Nếu cần, hãy thay thế cáp máy in.• Kiểm tra để đảm bảo máy quét được cấu hình chính xác. Kiểm tra cài đặt quét trong ứng dụng bạn muốn sử dụng để đảm bảo lệnh quét được gửi đến đúng cổng (ví dụ USB001).
Máy quét rất chậm.	<ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy in có đang in dữ liệu đã nhận không. Nếu có, hãy quét tài liệu sau khi in dữ liệu đã nhận.• Đồ hoạ được quét chậm hơn văn bản.
Thông báo xuất hiện trên màn hình máy tính của bạn:	<ul style="list-style-type: none">• Có thể một lệnh sao chép hoặc in đang được tiến hành. Thử chạy lại lệnh của bạn khi lệnh này kết thúc.• Cổng đã chọn hiện đang được sử dụng. Khởi động lại máy tính và thử lại.• Cáp máy in của máy có thể được kết nối không đúng cách hoặc nguồn điện có thể bị ngắt.• Trình điều khiển máy quét không được cài đặt hoặc môi trường vận hành không được cài đặt đúng.• Đảm bảo máy được kết nối đúng cách và bật nguồn, sau đó khởi động lại máy tính.• Cáp USB có thể được kết nối không đúng cách hoặc nguồn điện có thể bị ngắt.
<ul style="list-style-type: none">• Device can't be set to the H/W mode you want. (Không thể đặt thiết bị ở chế độ phần cứng mà bạn muốn.)• Port is being used by another program. (Cổng đang được sử dụng bởi một chương trình khác.)• Port is disabled. (Cổng bị tắt.)• Scanner is busy receiving or printing data. When the current job is completed, try again. (Máy quét đang bận nhận hoặc in dữ liệu. Khi hoàn tất lệnh hiện tại, hãy thử lại.)• Invalid handle. (Vận hành không hợp lệ.)• Scanning has failed. (Quét không thành công.)	

Các vấn đề về hệ điều hành

Vấn đề	Giải pháp đề xuất
Thông báo "File in Use" (Tập đang được sử dụng) xuất hiện trong quá trình cài đặt.	Thoát khỏi tất cả các ứng dụng phần mềm. Xóa tất cả các phần mềm khởi nhóm khởi động, sau đó khởi động lại Windows. Cài đặt lại trình điều khiển máy in.
Xuất hiện thông báo "General Protection Fault" (Lỗi bảo vệ chung), "Exception OE" (OE ngoại lệ), "Spool 32" (Đệm 32) hoặc "Illegal Operation" (Hoạt động phạm pháp).	Đóng tất cả các ứng dụng khác, khởi động lại Windows và thử in lại.
Xuất hiện thông báo "Fail To Print" (Không thể in), "A printer timeout error occurred" (Đã xảy ra lỗi hết thời gian chờ máy in).	Các thông báo này có thể xuất hiện trong quá trình in. Chỉ cần chờ cho đến khi máy in xong. Nếu thông báo xuất hiện ở chế độ sẵn sàng hoặc sau khi in xong, hãy kiểm tra kết nối và/hoặc kiểm tra xem có xảy ra lỗi hay không.
Thông tin máy không hiển thị khi bạn bấm vào thiết bị trong Devices and Printers (Thiết bị và máy in).	Kiểm tra Printer properties (Thuộc tính máy in). Bấm tab Ports (Cổng). (Control Panel (Bảng điều khiển) > Devices and Printers (Thiết bị và máy in) > Bấm chuột phải vào biểu tượng máy in của bạn và chọn Printer properties (Thuộc tính máy in)) Nếu cổng được đặt thành File (Tập) hoặc LPT, hãy bỏ chọn chúng và chọn TCP/IP, USB hoặc WSD.

 **GHI CHÚ:** Tham khảo Hướng dẫn sử dụng Microsoft Windows đi kèm với máy tính của bạn để biết thêm thông tin về các thông báo lỗi của Windows.

